

THÔNG ĐIỆP FRATELLI TUTTI CỦA ĐỨC PHANXICÔ

Tóm lược thông điệp thứ ba, *Fratelli tutti*, của Đức Thánh Cha Phanxicô

Vũ Văn An

05/10/2020

Tình huynh đệ và tình bạn xã hội là những cách mà Đức Thánh Cha chỉ ra để xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn, công bằng hơn và hòa bình hơn, với sự đóng góp của mọi người: con người và các định chế. Với việc cương quyết nói 'không' với chiến tranh và sự thờ ơ hoàn cầu hóa.

Bài viết của Isabella Piro – Vatican News



Đâu là các lý tưởng vĩ đại nhưng cũng là những cách hữu hình để thăng tiến đối với những người mong muốn xây dựng một thế giới công bằng và huynh đệ hơn trong các mối liên hệ bình thường của họ, trong đời sống xã hội, chính trị và các định chế? Đó chủ yếu là câu hỏi mà *Fratelli tutti* muốn trả lời: Đức Giáo Hoàng mô tả nó như một “Thông điệp xã hội” (6) mượn tựa đề “Các Khuyên Răn” của Thánh Phanxicô Assisi, người đã dùng những hạn từ này để “nói với anh em của ngài và đề nghị với họ một lối sống thấm đượm hương vị Tin Mừng”(1). Đức Giáo Hoàng viết rằng Vị Thánh Nghèo (Poverello) “không gây chiến bằng các ngôn từ nhằm áp đặt các học thuyết; ngài chỉ đơn giản truyền bá tình yêu của Thiên Chúa”, và “ngài đã trở thành một người cha cho mọi người và truyền cảm hứng cho một viễn kiến về một xã hội huynh đệ”(2-4). Thông điệp này nhằm cổ vũ một khát vọng phổ quát hướng tới

tình huynh đệ và tình bạn xã hội. Bắt đầu với tư cách thành viên chung của chúng ta trong gia đình nhân loại, từ sự thừa nhận rằng chúng ta là anh chị em vì chúng ta là con cái của một Đấng Tạo Hóa, tất cả cùng chung một con thuyền, và do đó chúng ta cần ý thức rằng trong một thế giới hoàn cầu hóa và liên kết hỗ trợ, chỉ cùng với nhau chúng ta mới có thể được cứu vớt. Văn kiện Tình huynh đệ nhân loại do Đức Phanxicô và Đại Imam của Al-Azhar ký vào tháng 2 năm 2019 là một ảnh hưởng đầy cảm hứng đã được trích dẫn nhiều lần.

Tình huynh đệ không chỉ được khuyến khích bằng lời nói, mà còn bằng việc làm. Các việc làm trở nên hữu hình trong một “loại chính trị tốt hơn”, không phụ thuộc vào lợi ích tài chính, mà phục vụ lợi ích chung, có khả năng đặt phẩm giá của mỗi con người vào trung tâm và bảo đảm việc làm cho mọi người, để mỗi người có thể phát triển các khả năng của riêng họ. Một loại chính trị, nhờ tự tách mình khỏi chủ nghĩa dân túy, có khả năng tìm được các giải pháp chống lại những gì đang tấn công các quyền lợi căn bản của con người và nhằm xóa bỏ dứt khoát nạn đói và nạn buôn người. Đồng thời, Đức Thánh Cha Phanxicô nhấn mạnh rằng một thế giới công bằng hơn chỉ có thể đạt được bằng cách cổ vũ hòa bình, là thứ không chỉ đơn thuần không có chiến tranh; nó đòi hỏi “tài thủ công”, một công việc liên quan đến mọi người. Liên kết với sự thật, hòa bình và hòa giải, người ta phải “chủ động”; họ phải làm việc hướng tới công lý qua đối thoại, nhân danh sự phát triển chung. Điều này dẫn đến việc Đức Giáo Hoàng lên án chiến tranh, vốn “phủ nhận mọi quyền lợi” và không còn có thể quan niệm được dù dưới dạng giả thuyết “được biện minh”, vì vũ khí hạt nhân, hóa học và sinh học đã có những hậu quả to lớn đối với dân thường vô tội. Cũng có một sự bác bỏ mạnh mẽ hình phạt tử hình, được xác định là “không thể chấp nhận được”, và một suy tư trung tâm về sự tha thứ, liên quan đến các khái niệm tưởng nhớ và công lý: Đức Thánh Cha viết rằng tha thứ không có nghĩa là quên đi, cũng không phải là từ bỏ việc bênh vực các quyền lợi của mình để bảo vệ phẩm giá của mình, vốn là một hồng phúc của Thiên Chúa. Đức Phanxicô tiết lộ rằng ở bối cảnh của Thông điệp là đại dịch Covid-19, một đại dịch “bùng phát một cách bất ngờ” khi ngài “viết thông điệp này”. Nhưng tình trạng khẩn trương về sức khỏe hoàn cầu này đã giúp chứng minh điều này: “không ai có thể đối đầu với cuộc sống trong cô lập cả” và do đó, đã đến lúc thực sự “mơ ước như một gia đình nhân loại duy nhất”, trong đó chúng ta hết thảy là “anh chị em” (7- 8).

Được mở đầu bằng một lời dẫn nhập ngắn gọn và được chia thành tám chương, Thông điệp - như chính Đức Giáo Hoàng giải thích - tập hợp nhiều tuyên bố của ngài về tình huynh đệ và tình bạn xã hội, tuy nhiên, được sắp xếp, “trong một bối cảnh suy tư rộng lớn hơn” và được bổ sung bằng “một số thư từ, tài liệu” được gửi đến Đức Phanxicô bởi “nhiều cá nhân và nhóm trên khắp thế giới”(5). Trong chương đầu tiên, **“Những đám mây đen trên một thế giới khép kín”**, văn kiện suy nghĩ về nhiều bóp méo đương đại: sự thao túng và biến dạng của các khái niệm như dân chủ, tự do, công lý; sự mất đi ý nghĩa của cộng đồng xã hội và lịch sử; tính ích kỷ và sự thờ ơ đối với lợi ích chung; sự trôi vọt của luận lý học thị trường dựa trên lợi nhuận và văn hóa vứt bỏ; nạn thất nghiệp, phân biệt chủng tộc, nghèo đói; sự chênh lệch về quyền lợi và những sai lệch của nó như nô lệ, buôn người, khuất phục phụ nữ rồi ép phải phá thai, buôn bán nội tạng (10-24). Đức Giáo Hoàng nhấn mạnh, nó bàn đến các vấn đề hoàn cầu đòi phải có các hành động hoàn cầu, cũng giống lên hồi chuông cảnh tỉnh chống lại một “nền văn hóa xây tường” chuyên tạo điều kiện cho việc gia tăng tội phạm có tổ chức, được khuyến khích bởi nỗi sợ hãi và cô đơn (27-28). Hơn nữa, ngày nay chúng ta thấy sự xuống cấp đạo đức (29), một cách nào đó có sự góp phần của các phương tiện truyền thông đại chúng, vốn làm tiêu tan lòng tôn trọng người khác và loại bỏ mọi suy xét chín chắn, tạo ra những nhóm người ảo cô lập và tự quy chiếu vào chính mình, trong đó tự do là một ảo tưởng, và đối thoại không mang tính xây dựng (42-50).

Tình yêu bắc cầu: Người Samaritanô nhân hậu

Tuy nhiên, đối với nhiều bóng tối, Thông điệp đáp lại bằng một điển hình sáng lạn, một sứ giả của hy vọng: Người Samaritanô nhân hậu. Chương thứ hai, "**Một người lạ trên đường**", được dành riêng cho nhân vật này. Trong đó, Đức Giáo Hoàng nhấn mạnh rằng, trong một xã hội không lành mạnh, chuyên quay lưng lại với đau khổ, và “mù chữ” trong việc chăm sóc những người yếu đuối và dễ bị tổn thương (64-65), tất cả chúng ta được kêu gọi - giống như Người Samaritanô nhân hậu - trở nên hàng xóm với người khác (81), vượt qua các định kiến, lợi ích cá nhân, rào cản lịch sử và văn hóa. Thực vậy, tất cả chúng ta đều có chung trách nhiệm trong việc tạo ra một xã hội có thể bao gồm, hòa nhập và nâng dậy những người đã vấp ngã hoặc đang đau khổ (77). Đức Giáo Hoàng nói thêm: Tình yêu bắc những nhịp cầu và “chúng ta được tạo ra để yêu thương” (88); ngài đặc biệt khuyên các Kitô hữu nhận ra Chúa Kitô nơi khuôn mặt của mọi người bị loại trừ (85). Nguyên tắc về khả năng yêu thương theo “một chiều kích phổ quát” (83) cũng được tiếp tục trong chương thứ ba, "**Hình dung và hình thành một thế giới cởi mở**". Trong chương này, Đức Phanxicô khuyên chúng ta đi “ra ngoài cái tôi” để tìm “một hiện hữu trọn vẹn hơn nơi một người khác” (88), mở lòng mình ra với người khác theo năng động tính của đức ái khiến chúng ta hướng tới “sự thành toàn phổ quát” (95). Thông điệp nhắc nhở rằng, ở hậu trường, tầm vóc tinh thần của đời người được đo bằng tình yêu thương, một tình yêu luôn “chiếm vị trí hàng đầu” và dẫn chúng ta đi tìm điều tốt hơn cho cuộc sống của người khác, tránh xa mọi thứ ích kỷ (92-93).

Do đó, một xã hội huynh đệ sẽ là một xã hội biết cố vũ việc giáo dục đối thoại nhằm đánh bại con “vi-rút” của “chủ nghĩa cá nhân triệt để” (105) và giúp mọi người biết cống hiến những gì tốt nhất của chính mình. Bắt đầu bằng sự bảo vệ gia đình và tôn trọng “sứ mệnh giáo dục hàng đầu và quan yếu của gia đình” (114). Đặc biệt có hai 'công cụ' để đạt được kiểu xã hội này: lòng nhân từ, hoặc thực sự mong muốn điều tốt cho người khác (112), và tình liên đới biết quan tâm đến sự mong manh và được phát biểu trong việc phục vụ người ta chứ không phục vụ các ý thức hệ, tranh đấu chống nghèo đói và bất bình đẳng (115). Một lần nữa, Đức Giáo Hoàng khẳng định, quyền sống đúng phẩm giá không thể bị bác bỏ, và vì các quyền lợi không có biên giới, nên không ai có thể bị loại trừ, bất kể họ sinh ra ở đâu (121). Theo quan điểm này, Đức Thánh Cha cũng kêu gọi chúng ta xem xét “nền đạo đức tương quan quốc tế” (126), vì mọi quốc gia cũng thuộc về người nước ngoài và các hàng hóa của lãnh thổ không thể bị từ khước đối với những người đang có nhu cầu và phát xuất từ một nơi khác. Vì vậy, quyền tự nhiên đối với tư hữu sẽ là thứ yếu so với cùng đích chính và phổ quát của hàng hóa đã tạo ra (120). Thông điệp cũng nhấn mạnh một cách chuyên biệt đến vấn đề nợ nước ngoài: tùy thuộc vào khoản nợ gốc mà nó phải trả, tuy nhiên người ta hy vọng rằng điều này không ảnh hưởng đến sự tăng trưởng và sống còn của các nước nghèo nhất (126).

Di dân: quản trị hoàn cầu để lập kế hoạch dài hạn

Trong khi đó, một phần của chương thứ hai và toàn bộ chương thứ tư được dành cho chủ đề di dân, chương sau, tựa đề là "**Một trái tim mở lòng ra với toàn thế giới**". Với cuộc sống của họ “đang lâm nguy” (37), chạy trốn chiến tranh, bách hại, thảm họa thiên nhiên, nạn buôn người vô lương tâm, bị tách khỏi cộng đồng gốc của họ, những người di cư phải được chào đón, bảo vệ, hỗ trợ và hòa nhập. Đức Thánh Cha khẳng định cần phải tránh việc di dân không cần thiết bằng cách tạo ra các cơ hội cụ thể để sống đúng phẩm giá tại các quốc gia nguyên gốc. Nhưng đồng thời, chúng ta cần tôn trọng quyền được tìm kiếm một cuộc sống tốt đẹp hơn ở những nơi khác. Ở các nước tiếp nhận, sự cân bằng hợp lý sẽ là giữa việc bảo vệ các quyền của công dân và bảo đảm việc chào đón và hỗ trợ các di dân (38-40). Một cách chuyên biệt, Đức Giáo Hoàng chỉ rõ một số “biện pháp không thể thiếu, đặc biệt để đáp ứng những

người đang chạy trốn các cuộc khủng hoảng nhân đạo nghiêm trọng”: tăng cường và đơn giản hóa việc cấp thị thực; mở các hành lang nhân đạo; bảo đảm chỗ ở, an ninh và các dịch vụ thiết yếu; cung cấp cơ hội việc làm và huấn luyện; tạo điều kiện cho việc đoàn tụ gia đình; bảo vệ trẻ vị thành niên; bảo đảm tự do tôn giáo và cổ vũ việc hòa nhập xã hội. Đức Giáo Hoàng cũng kêu gọi thiết lập trong xã hội khái niệm “quyền công dân trọn vẹn”, và bác bỏ việc sử dụng có tính kỳ thị thuật ngữ “các nhóm thiểu số” (129-131). Văn kiện viết: Điều cần thiết trên hết là việc quản trị hoàn cầu, một sự hợp tác quốc tế về di dân nhằm thực hiện việc lên kế hoạch dài hạn, vượt quá những trường hợp khẩn cấp đơn lẻ (132), nhân danh việc phát triển hỗ trợ mọi dân tộc dựa trên nguyên tắc cho không (gratuitousness). Theo cách này, các quốc gia sẽ có thể nghĩ mình như “gia đình nhân loại” (139-141). Đức Phanxicô viết rằng, những người khác với chúng ta là một quà phúc và làm giàu cho mọi người, vì các sự khác biệt tượng trưng cho một cơ hội để phát triển (133-135). Một nền văn hóa lành mạnh là một nền văn hóa biết chào đón, có khả năng mở lòng ra với người khác, mà không từ bỏ bản thân, cung cấp cho họ một điều gì đó chân thực. Như trong một khối đa diện - một hình ảnh rất thân thương đối với Đức Giáo Hoàng – toàn bộ không phải chỉ là những bộ phận đơn lẻ của nó, nhưng giá trị của mỗi bộ phận đều được tôn trọng (145-146).

Chủ đề của chương thứ năm là **“Một loại chính trị tốt hơn”**, một loại đại diện cho một trong những hình thức bác ái có giá trị nhất vì nó được đặt để phục vụ lợi ích chung (180) và thừa nhận tầm quan trọng của con người, được hiểu như một phạm trù mở, sẵn sàng để thảo luận và đối thoại (160). Theo một nghĩa nào đó, đây là một loại chủ nghĩa dân túy do Đức Phanxicô đề xuất, ngược với thứ “chủ nghĩa dân túy” chuyên làm nơng tính hợp pháp của khái niệm “nhân dân”, bằng cách thu hút sự đồng thuận nhằm bóc lột họ để phục vụ cho chính mình và nuôi dưỡng tính ích kỷ nhằm gia tăng sự nổi tiếng của riêng mình (159). Nhưng một nền chính trị tốt hơn cũng là một nền chính trị biết bảo vệ việc làm, một “chiều kích thiết yếu của đời sống xã hội”, và tìm cách bảo đảm để mọi người có cơ hội phát triển các khả năng của mình (162). Đức Thánh Cha giải thích, sự giúp đỡ tốt nhất cho một người nghèo không chỉ là tiền, vốn là một phương thuốc tạm thời, mà là để giúp họ có một cuộc sống xứng đáng nhờ việc làm. Chiến lược chống nghèo đói thực sự không chỉ nhằm mục đích kiếm ché hoặc làm cho người nghèo không méch lòng, mà còn cổ vũ nơi họ viễn tượng liên đới và phụ đới (187). Hơn nữa, nhiệm vụ của chính trị là tìm ra giải pháp cho tất cả những gì đang tấn công các nhân quyền căn bản, chẳng hạn như loại trừ xã hội; buôn bán nội tạng, các tế bào, các loại vũ khí và ma túy; bóc lột tình dục; lao động nô lệ; khủng bố và tội ác có tổ chức. Đức Giáo Hoàng đưa ra lời kêu gọi thống thiết phải dứt khoát loại bỏ nạn buôn người, một “nguồn xấu hổ cho nhân loại”, và nạn đói, vốn là “tội ác” vì lương thực là “một quyền bất khả chuyển nhượng” (188-189).

Thị trường, tự nó, không thể giải quyết mọi vấn đề. Nó đòi một cuộc cải tổ Liên Hiệp Quốc

Đức Phanxicô cũng nhấn mạnh nền chính trị mà chúng ta cần là nền chính trị biết nói “không” với tham nhũng, với sự thiếu hiệu năng, với việc sử dụng quyền lực một cách ác ý, với việc thiếu tôn trọng pháp luật (177). Đó là một nền chính trị tập trung vào phẩm giá con người và không chịu lệ thuộc tài chính vì “thị trường, tự nó, không thể giải quyết mọi vấn đề”: “sự tàn phá” của đầu cơ tài chính đã chứng minh điều này (168). Do đó, các phong trào bình dân đã nhận được một tính liên quan đặc biệt: như những “nhà thơ xã hội” tuân chảy “luồng năng lượng đạo đức” ấy, phải để họ dẫn thân vào các hoạt động xã hội, chính trị và kinh tế, tuy nhiên, dưới sự phối hợp lớn lao hơn. Đức Giáo Hoàng tuyên bố rằng, bằng cách này, người ta sẽ có khả năng vượt quá chính sách “với” và “của” người nghèo (169). Một niềm hy vọng khác trình bày trong Thông điệp liên quan đến việc cải tổ Liên Hiệp Quốc:

trước ưu thế của chiều kích kinh tế đang vô hiệu hóa quyền lực của các quốc gia cá thể, trên thực tế, nhiệm vụ của Liên hợp quốc sẽ là cung cấp thực chất cho khái niệm “gia đình các quốc gia” hoạt động vì lợi ích chung, xóa bỏ nghèo đói và bảo vệ nhân quyền. Văn kiện của Đức Giáo Hoàng quả quyết, không một mối sử dụng “đàm phán, hòa giải và trọng tài”, Liên Hiệp Quốc phải cổ vũ sức mạnh của luật pháp hơn là luật của sức mạnh, bằng cách tạo điều kiện cho các hiệp định đa phương có khả năng bảo vệ tốt hơn ngay cả những quốc gia yếu nhất (173-175).

Từ chương thứ sáu, **“Đối thoại và tình bạn trong xã hội”**, còn xuất hiện khái niệm sống như “nghệ thuật gặp gỡ” với mọi người, ngay cả với các vùng ngoại vi của thế giới và với các dân tộc nguyên thủy, vì “mỗi người chúng ta đều có thể học được một điều gì đó từ những người khác. Không ai là vô dụng và không ai có thể bị hy sinh” (215). Thật vậy, đối thoại chân chính là điều giúp người ta tôn trọng quan điểm của người khác, lợi ích hợp pháp của họ và trên hết, là sự thật về phẩm giá con người. Chúng ta thấy Thông điệp viết rằng, thuyết duy tương đối không phải là một giải pháp, vì nếu không có các nguyên tắc phổ quát và các chuẩn mực đạo đức nhằm ngăn cấm điều ác nội tại, luật lệ trở thành chỉ còn là những áp đặt độc đoán (206). Từ viễn ảnh này, một vai trò đặc thù được dành cho các phương tiện truyền thông, những phương tiện trong khi không khai thác những điểm yếu của con người hay lợi dụng những điều tồi tệ nhất trong chúng ta, phải hướng đến cuộc gặp gỡ rộng lượng và sự gần gũi với những người nhỏ bé nhất, cổ vũ sự gần gũi và cảm thức gia đình nhân loại (205). Sau đó, một cách đặc biệt, Đức Giáo Hoàng nhắc đến phép lạ của “sự tốt bụng” (kindness), một thái độ cần được phục hồi vì nó là một ngôi sao “tỏa sáng giữa bóng tối” và “giải phóng chúng ta khỏi sự ác độc... sự lo lắng... sự hoạt động điên loạn” đang thịnh hành trong thời đương đại. Đức Phanxicô viết, một người tốt bụng tạo ra một cuộc sống chung lành mạnh và mở ra các nẻo đường ở những nơi mà việc gây bức tức đang đốt cháy các cây cầu (222-224).

Nghệ thuật hòa bình và tầm quan trọng của sự tha thứ

Giá trị và việc cổ vũ hòa bình được phản ánh trong chương thứ bảy, **“Những nẻo đường của cuộc gặp gỡ đổi mới”**, trong đó Đức Giáo Hoàng nhấn mạnh rằng hòa bình được nối kết với sự thật, công lý và lòng thương xót. Khác xa mong muốn báo thù, nó “chủ động” và nhằm tạo ra một xã hội dựa trên việc phục vụ người khác và theo đuổi sự hòa giải và phát triển lẫn nhau (227-229). Đức Giáo Hoàng viết rằng trong một xã hội, mọi người phải cảm thấy “như ở nhà”. Vì vậy, hòa bình là một “nghệ thuật bao gồm và liên quan đến mọi người và trong đó mỗi người phải thực hiện phần việc của mình”. Đức Giáo Hoàng viết tiếp: Xây dựng hòa bình là “một nỗ lực luôn có đó, một nhiệm vụ không bao giờ kết thúc”, và do đó điều quan trọng là phải đặt con người, phẩm giá của họ và lợi ích chung ở trung tâm của mọi hoạt động (230-232). Tha thứ gắn liền với hòa bình: Thông điệp viết, chúng ta phải yêu thương mọi người, không trừ ai, nhưng yêu một kẻ áp bức có nghĩa là giúp họ thay đổi và không để họ tiếp tục áp bức người lân cận. Ngược lại: người chịu bất công phải mạnh mẽ bảo vệ quyền lợi của mình để duy trì phẩm giá của mình, vốn là một hồng phúc của Thiên Chúa (241-242). Tha thứ không có nghĩa là miễn trừ phạt, mà đúng hơn là công lý và tưởng nhớ, vì tha thứ không có nghĩa là quên đi, mà là từ bỏ sức mạnh hủy diệt của cái ác và khát vọng trả thù. Đức Giáo Hoàng khuyên: Đừng bao giờ quên những “nỗi kinh hoàng” như vụ Shoah (diệt chủng Do Thái), vụ ném bom nguyên tử xuống Hiroshima và Nagasaki, các cuộc đàn áp và thảm sát sắc tộc. Chúng phải luôn được tưởng niệm, một lần nữa, để ta không bị gây mê và giữ cho ngọn lửa của lương tâm tập thể luôn sống động. Điều cũng quan trọng là phải nhớ đến những người tốt, và những người đã chọn sự tha thứ và tình huynh đệ (246-252).

Do đó, một phần của chương thứ bảy tập trung vào chiến tranh: Đức Phanxicô nhấn mạnh, nó

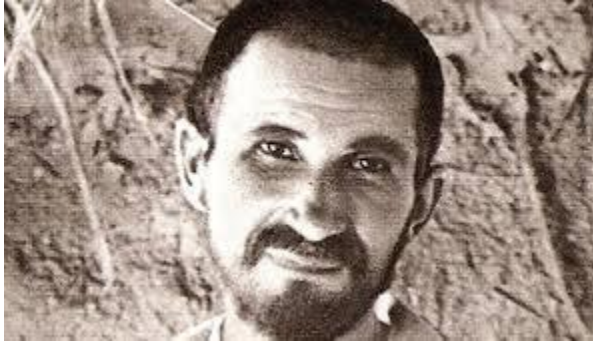
không phải là “bóng ma từ quá khứ mà là một mối đe dọa thường xuyên”, và nó đại diện cho “việc phủ nhận mọi thứ quyền”, “một sự thất bại của chính trị và của nhân loại”, và “thất bại nhứt nhối trước các thế lực của cái ác” vốn nằm trong “vực thẳm” của chúng. Hơn nữa, vì vũ khí hóa học và sinh học hạt nhân đã tấn công nhiều thường dân vô tội, ngày nay chúng ta không thể nghĩ đến khả thể diễn ra “cuộc chiến tranh chính nghĩa” như trước nữa, mà phải kịch liệt khẳng định lại: “Không bao giờ có chiến tranh nữa!” Và xét rằng chúng ta đang trải qua một “cuộc chiến tranh thế giới từng phần”, vì tất cả các cuộc xung đột đều có liên hệ qua lại với nhau, việc loại bỏ hoàn toàn vũ khí hạt nhân là “một mệnh lệnh đạo đức và nhân đạo”. Thay vào đó, Đức Giáo Hoàng đề nghị thành lập một quỹ hoàn cầu để xóa đói bằng số tiền đầu tư vào vũ khí (255-262).

Hình phạt tử hình không thể chấp nhận được, phải được bãi bỏ

Đức Phanxicô bày tỏ quan điểm rõ ràng đối với án tử hình: nó không thể chấp nhận được và phải được bãi bỏ trên toàn thế giới, vì Đức Thánh Cha viết, “ngay một kẻ giết người cũng không đánh mất phẩm giá bản vị của họ và chính Thiên Chúa cam kết bảo đảm điều này”. Do đó, có hai lời khuyên bảo sau đây: Đừng nên coi hình phạt như có tính báo thù, mà đúng hơn như một phần của quá trình hàn gắn và tái hòa nhập xã hội, và cải thiện các điều kiện của nhà tù, tôn trọng nhân phẩm của tù nhân, và xem xét điều này “án chung thân là một hình phạt tử hình bí mật”(263-269). Người ta nhấn mạnh đến việc cần thiết phải tôn trọng “tính thánh thiêng của sự sống” (283) trong khi hiện nay “một số thành phần trong gia đình nhân loại của chúng ta, dường như, sẵn sàng có thể chịu hy sinh”, chẳng hạn như trẻ chưa sinh, người nghèo, người tàn tật và người già (18).

Bảo đảm tự do tôn giáo

Trong chương thứ tám và cuối cùng, Đức Giáo Hoàng tập trung vào “**Các tôn giáo phục vụ tình huynh đệ trong thế giới của chúng ta**” và một lần nữa nhấn mạnh rằng bạo lực không có cơ sở trong các xác tín tôn giáo, mà đúng hơn, trong các hình thức méo mó của chúng. Do đó, các hành vi “đáng trách”, chẳng hạn như hành động khủng bố, không phải do tôn giáo mà là do cách giải thích sai lầm các bản văn tôn giáo, cũng như “các chính sách liên quan đến đói, nghèo, bất công, áp bức”. Không được ủng hộ chủ nghĩa khủng bố bằng tiền bạc hoặc vũ khí, càng ít hơn bằng việc đưa tin của các phương tiện truyền thông, vì đó là một tội ác quốc tế chống lại an ninh và hòa bình thế giới, và như vậy phải bị lên án (282-283). Đồng thời, Đức Giáo Hoàng nhấn mạnh rằng một hành trình hòa bình giữa các tôn giáo là điều có thể thực hiện được và do đó cần phải bảo đảm quyền tự do tôn giáo, một nhân quyền căn bản cho mọi tín hữu (279). Đặc biệt, Thông điệp suy tư vai trò của Giáo hội: nó tuyên bố rằng Giáo hội không “giới hạn sứ mệnh của mình vào phạm vi riêng tư”. Giáo Hội không đứng lại ở bên lề xã hội và, tuy không tham gia chính trị, nhưng Giáo Hội không từ bỏ chiều kích chính trị của chính sự sống. Thực thể, việc quan tâm đến lợi ích chung và quan tâm đến việc phát triển toàn diện con người là điều liên hệ đến toàn thể nhân loại, mà những gì là nhân bản đều có liên quan đến Giáo hội, theo các nguyên tắc Tin Mừng (276-278). Cuối cùng, trong khi nhắc nhở các nhà lãnh đạo tôn giáo về vai trò của họ như “những người trung gian chân chính”, những người xả thân để xây dựng hòa bình, Đức Phanxicô trích dẫn “Văn kiện về Tình Huynh đệ Nhân bản vì Hòa bình Thế giới và Chung sống”, mà ngài đã ký vào ngày 4 tháng 2 năm 2019 tại Abu Dhabi, cùng với Đại Imam của Al-Azhar, Ahmad Al-Tayyib: từ cột mốc đối thoại liên tôn đó, Đức Giáo Hoàng quay trở lại với lời kêu gọi rằng, nhân danh tình huynh đệ nhân bản, đối thoại phải được tiếp nhận như một con đường, hợp tác chung như cách ứng xử và hiểu biết lẫn nhau như phương pháp và tiêu chuẩn (285).



Chân phước Charles de Foucauld, “người anh em phổ quát”

Thông điệp kết thúc bằng việc tưởng nhớ Martin Luther King, Desmond Tutu, Mahatma Gandhi và trên hết là Chân phước Charles de Foucauld, một hình mẫu cho mọi người về ý nghĩa của việc đồng nhất hóa với những người nhỏ bé nhất để trở

thành “người anh em phổ quát” (286-287). Những dòng cuối cùng của Văn kiện được dành cho hai lời cầu nguyện: một lời “dâng lên Đấng Tạo Hóa” và lời kia là “Lời cầu nguyện đại kết Kitô giáo”, để trái tim nhân loại nuôi dưỡng “tinh thần huynh đệ”.

Toàn văn Thông điệp ‘Fratelli Tutti’ của Đức Phanxicô Về Tình Huynh Đệ và Tình Hữu Nghị Xã hội Vũ Văn An 06/10/2020



“FRATELLI TUTTI” (Tất cả là anh em)[1]. Với những lời này, Thánh Phanxicô Assisi đã ngõ lời với anh chị em của ngài và đề nghị với họ một lối sống mang đậm hương vị Tin

Mừng. Trong số những lời khuyên được Thánh Phanxicô đưa ra, tôi muốn chọn lời khuyên trong đó ngài kêu gọi phải có một tình yêu vượt qua các rào cản địa lý và khoảng cách, và tuyên bố là có phúc tất cả những ai yêu thương anh em mình “khi xa cách họ cũng nhiều như khi ở bên cạnh họ” [2]. Theo cách đơn giản và trực tiếp của ngài, Thánh Phanxicô đã diễn tả bản chất của tính cởi mở huynh đệ, một tính cởi mở giúp chúng ta nhìn nhận, đánh giá cao và yêu thương mỗi người, bất kể sự gần gũi thể lý, bất kể người đó sinh ra hay sống ở đâu.

2. Vị thánh của tình yêu huynh đệ, của sự giản dị và vui tươi này, người đã truyền cảm hứng cho tôi viết Thông điệp *Laudato Si'*, một lần nữa thúc giục tôi dành Thông điệp mới này cho tình huynh đệ và tình hữu nghị xã hội. Thánh Phanxicô cảm thấy mình là anh em với mặt trời, với biển cả và gió lộng, nhưng ngài biết ngài thậm chí còn gần gũi hơn với những người cùng xương cùng thịt với mình. Bất cứ đi đâu, ngài cũng gieo những hạt giống hòa bình và đi bên cạnh những người nghèo, những người bị bỏ rơi, những người ốm yếu và bị ruồng bỏ, những anh chị em nhỏ bé nhất của ngài.

KHÔNG BIÊN GIỚI

3. Có một tình tiết trong cuộc đời của Thánh Phanxicô cho thấy tính cởi mở trong tấm lòng của ngài, một tấm lòng không có biên giới và vượt quá những khác biệt về nguồn gốc, quốc tịch, màu da hay tôn giáo. Đó là chuyến ngài đến thăm Sultan Malik-el-Kamil, ở Ai Cập, một chuyến viếng thăm ngụ hàm nhiều gian khổ đáng kể, vì cảnh nghèo của Thánh Phanxicô, nguồn tài nguyên hiếm hoi của ngài, khoảng cách xa xôi phải đi và các khác biệt về ngôn ngữ, văn hóa và tôn giáo. Cuộc hành trình này, được thực hiện vào thời điểm diễn ra các cuộc Thập tự chinh, càng cho thấy rõ hơn chiều rộng và sự vĩ đại của tình yêu nơi ngài, luôn tìm cách bao trùm mọi người. Lòng trung thành của Thánh Phanxicô đối với Chúa của ngài đồng cân lượng với tình yêu của ngài dành cho anh chị em của mình. Không quan ngại đối với những gian khổ và nguy hiểm liên hệ, Thánh Phanxicô đến gặp Sultan với cùng một thái độ mà ngài vốn truyền thụ cho các môn đệ của ngài: nếu họ thấy mình “giữa những người Saracens và những người không tin khác”, thì, tuy không từ bỏ căn tính của mình nhưng họ không được “dấn thân vào những cuộc tranh luận hoặc tranh cãi, nhưng phải tùy theo mọi tạo vật nhân bản vì danh Chúa” [3]. Trong bối cảnh thời đại, đây quả là một khuyến cáo phi thường. Chúng ta rất có ấn tượng khi cách nay tám trăm năm, Thánh Phanxicô đã thúc giục phải tránh xa mọi hình thức thù địch hoặc xung đột và phải biểu lộ một “sự tuân phục” đầy khiêm tốn và huynh đệ với những người không cùng một đức tin với ngài.

4. Thánh Phanxicô không gây chiến bằng những lời lẽ nhằm áp đặt các học thuyết; ngài chỉ đơn giản truyền bá tình yêu của Thiên Chúa. Ngài hiểu rằng “Thiên Chúa là tình yêu và những ai ở trong tình yêu thì cũng ở trong Thiên Chúa” (1Ga 4:16). Bằng cách này, ngài đã trở thành một người cha của mọi người và truyền cảm hứng cho viễn kiến về một xã hội huynh đệ. Thật vậy, “chỉ người nào tiếp cận người khác, không vì mục đích lôi kéo họ vào cuộc sống của mình, nhưng để giúp họ trở nên hoàn toàn là chính họ hơn, mới thực sự được gọi là người cha” [4]. Trong thế giới thời đó, với đầy rẫy những tháp canh và tường phòng thủ, các thành phố là nơi diễn ra các cuộc chiến tàn khốc giữa các gia đình quyền thế, ngay khi nghèo đói đang lan tràn khắp vùng nông thôn. Tuy nhiên, lúc đó, Thánh Phanxicô đã có thể chào đón sự bình an đích thực trong lòng mình và tự giải phóng bản thân khỏi khao khát vận dụng quyền lực trên người khác. Ngài trở thành một trong những người nghèo và tìm cách sống hòa hợp với mọi người. Thánh Phanxicô đã truyền cảm hứng cho những trang của thông điệp này.

5. Các vấn đề về tình huynh đệ nhân bản và tình hữu nghị xã hội luôn là mối quan tâm của

tôi. Trong những năm gần đây, tôi đã nói về chúng nhiều lần và trong các khung cảnh khác nhau. Trong Thông điệp này, tôi tìm cách tập hợp các tuyên bố đó lại với nhau và định vị chúng trong một bối cảnh suy tư rộng hơn. Trong quá trình chuẩn bị *Laudato Si'*, tôi đã lấy nguồn cảm hứng từ người anh em của tôi, Bartholomew, Thượng phụ Chính thống giáo, người đã mạnh mẽ lên tiếng về sự cần thiết của chúng ta phải chăm sóc sáng thế. Dịp này đây, tôi cảm thấy được sự khích lệ đặc biệt của Đại Imam Ahmad Al-Tayyeb, người mà tôi đã gặp ở Abu Dhabi, nơi chúng tôi tuyên bố rằng “Thiên Chúa đã tạo dựng mọi hữu thể nhân bản bình đẳng nhau về quyền lợi, nghĩa vụ và phẩm giá, và đã kêu gọi họ sống với nhau như anh chị em một nhà” [5]. Đây không phải là một cử chỉ chỉ có tính ngoại giao đơn thuần, nhưng là một suy tư phát sinh từ đối thoại và cam kết chung. Thông điệp này tiếp thu và khai triển một số chủ đề lớn được nêu ra trong Văn kiện mà cả hai chúng tôi đã ký kết. Tôi cũng đã kết hợp, cùng với những suy nghĩ của riêng mình, một số thư từ, tài liệu và những xem xét mà tôi đã nhận được từ nhiều cá nhân và nhóm trên khắp thế giới.

6. Các trang sau đây không cho là đã đưa ra một giáo huấn hoàn chỉnh về tình yêu thương huynh đệ, nhưng đúng hơn, là xem xét phạm vi phổ quát của nó, sự cởi mở của nó đối với mọi người nam và nữ. Tôi cung hiến Thông điệp xã hội này như một đóng góp khiêm tốn để tiếp tục suy tư, với hy vọng rằng trước những nỗ lực ngày nay nhằm loại bỏ hoặc làm ngờ người khác, chúng ta có thể chứng tỏ mình có khả năng đáp ứng bằng một viễn kiến mới mẻ về tình huynh đệ và tình hữu nghị xã hội không nằm mãi ở bình diện ngôn từ mà thôi. Mặc dù tôi đã viết nó từ các xác tín Kitô giáo, là các xác tín đã truyền cảm hứng và nâng đỡ tôi, nhưng tôi vẫn tìm cách làm cho sự suy tư này trở thành một lời mời đối thoại giữa tất cả những người có thiện chí.

7. Khi tôi đang viết thông điệp này, đại dịch Covid-19 bất ngờ bùng phát, phơi trần các an toàn giả mạo của chúng ta. Bỏ qua các cách khác nhau được các quốc gia khác nhau dùng để đáp ứng cuộc khủng hoảng, việc họ không có khả năng làm việc với nhau đã trở nên khá hiển nhiên. Bất chấp sự kiện các quốc gia vốn nối kết chặt chẽ với nhau, chúng ta chứng kiến một sự phân mảnh khiến việc giải quyết các vấn đề đang ảnh hưởng đến tất cả chúng ta trở nên khó khăn hơn. Bất cứ ai nghĩ rằng bài học duy nhất cần phải học là việc cần phải cải thiện những gì chúng ta đã làm, hoặc tinh chỉnh các hệ thống và quy định hiện có, thì điều này đang phủ nhận thực tại.

8. Tôi mong muốn rằng, trong thời đại hiện nay của chúng ta, nhờ thừa nhận phẩm giá của mỗi con người nhân bản, chúng ta có thể góp phần vào việc tái sinh khát vọng phổ quát về tình huynh đệ. Tình huynh đệ giữa mọi người nam và người nữ. “Ở đây chúng ta có một bí quyết tuyệt vời; nó chỉ cho chúng ta cách ước mơ và biến cuộc sống ta thành một cuộc phiêu lưu kỳ thú. Không ai có thể đối đầu với cuộc sống trong cô lập... Chúng ta cần một cộng đồng hỗ trợ và giúp đỡ chúng ta, trong đó, chúng ta có thể giúp đỡ lẫn nhau để tiếp tục nhìn về phía trước. Ước mơ cùng với nhau quan trọng biết bao... Tự chúng ta, chúng ta có nguy cơ chỉ nhìn thấy các ảo ảnh, những sự vật không có ở đó. Trái lại, những giấc mơ được xây dựng với nhau” [6]. Vậy, chúng ta hãy mơ ước như một gia đình nhân loại đơn nhất, như những người bạn cùng du hành, cùng có chung một xương thịt, như những người con của cùng một trái đất, vốn là ngôi nhà chung của chúng ta, mỗi người chúng ta mang theo sự phong phú trong các niềm tin và xác tín của mình, mỗi chúng ta với tiếng nói riêng của mình, tất cả đều là anh chị em.

CHƯƠNG MỘT: ĐÁM MÂY ĐEN TRÊN MỘT THẾ GIỚI ĐÓNG KÍN

9. Không tự cho sẽ thực hiện một phân tích toàn diện hoặc nghiên cứu mọi khía cạnh của

kinh nghiệm ngày nay của chúng ta, tôi chỉ muốn xem xét một số xu hướng trong thế giới của chúng ta đang cản trở sự phát triển của tình huynh đệ phổ quát.

NHỮNG GIÁC MƠ TAN VỠ

10. Trong nhiều thập niên, dường như thế giới đã học được bài học từ nhiều cuộc chiến tranh và thảm họa của nó, và đang dần tiến tới nhiều hình thức hòa nhập khác nhau. Thí dụ, đã có ước mơ về một châu Âu thống nhất, có khả năng thừa nhận nguồn gốc chung của nó và hân hoan trước sự đa dạng phong phú của nó. Chúng ta nghĩ đến “niềm xác tín chắc chắn của những người sáng lập ra Liên hiệp Châu Âu, những người đã hình dung ra một tương lai dựa trên khả năng làm việc với nhau trong việc bắc cầu qua các chia rẽ và trong việc cổ vũ hòa bình và hiệp thông giữa mọi dân tộc của lục địa này” [7]. Cũng đã có mong ước hòa nhập ngày một tăng ở Châu Mỹ Latinh và một số biện pháp đã được thực hiện theo hướng này. Ở một số quốc gia và khu vực, các nỗ lực hòa giải và xích lại gần nhau đã tỏ ra có kết quả, trong khi các nỗ lực khác cho thấy nhiều hứa hẹn.

11. Tuy nhiên, thời của chúng ta dường như đang cho thấy nhiều dấu hiệu của một sự thoái trào nào đó. Các cuộc xung đột xưa mà người ta cho là đã bị chôn vùi từ lâu đang bùng phát trở lại, trong khi các điển hình của chủ nghĩa dân tộc thiên cận, cực đoan, phản uất và hiếu chiến đang trên đà gia tăng. Ở một số quốc gia, khái niệm đoàn kết dân tộc và quốc gia bị ảnh hưởng bởi nhiều ý thức hệ khác nhau đang tạo ra những hình thức ích kỷ mới và đánh mất ý thức xã hội dưới chiêu bài bảo vệ lợi ích quốc gia. Một lần nữa, chúng ta được nhắc nhở rằng “mỗi thế hệ mới phải tiếp nhận những cuộc chiến đấu và thành tựu của các thế hệ trước, trong khi đặt tâm nhìn của mình lên cao hơn. Đó là đường đi. Lòng tốt, cùng với tình yêu, công lý và liên đới, không phải đạt được một lần là xong mãi mãi; chúng phải được thể hiện mỗi ngày. Không thể an phận với những gì đã đạt được trong quá khứ và tự mãn tận hưởng nó, như thể bằng cách nào đó, chúng ta có thể đã coi thường thực tại này: nhiều anh chị em của chúng ta vẫn còn đang phải chịu đựng những tình huống đòi chúng ta phải chú ý” [8].

12. “Mở ra với thế giới” là một kiểu nói đã được lãnh vực kinh tế và tài chính kết nạp và hiện được sử dụng độc quyền cho việc cởi mở đối với các lợi ích nước ngoài hoặc để các cường quốc kinh tế tự do đầu tư mà không gặp trở ngại hoặc biến chứng nào ở mọi quốc gia. Các xung đột địa phương và việc coi thường lợi ích chung bị nền kinh tế hoàn cầu lợi dụng để áp đặt một mô hình văn hóa đơn nhất. Nền văn hóa này thống nhất thế giới, nhưng chia rẽ các dân tộc và quốc gia, vì “khi xã hội ngày càng trở nên hoàn cầu hóa, nó khiến chúng ta trở thành láng giềng, nhưng không khiến chúng ta trở thành anh em” [9]. Chúng ta cô đơn hơn bao giờ hết trong một thế giới ngày càng đông đảo nhằm cổ vũ lợi ích cá nhân và làm suy yếu chiều kích cộng đồng của sự sống. Thật vậy, có những thị trường trong đó các cá nhân trở thành người tiêu dùng đơn thuần hoặc người bàng quan. Như một quy luật, sự tiến bộ của loại chủ nghĩa hoàn cầu này củng cố căn tính của những khu vực mạnh hơn, những người có thể tự bảo vệ mình, nhưng nó có xu hướng làm giảm căn tính của những khu vực yếu hơn và nghèo hơn, khiến họ dễ bị tổn thương và phụ thuộc hơn. Theo cách này, đời sống chính trị ngày càng trở nên mong manh trước các cường quốc kinh tế xuyên quốc gia hoạt động với nguyên tắc “chia để trị”.

Sự kết liễu của ý thức lịch sử

13. Kết quả là ngày càng mất đi cảm thức về lịch sử, dẫn đến sự chia rẽ thậm chí còn sâu xa hơn. Một loại "chủ nghĩa gỡ bỏ cấu trúc", theo đó tự do của con người cho là mình có thể tạo ra mọi thứ từ con số không, đang tung hoành trong nền văn hóa ngày nay. Một điều được nó

để lại phía sau là động lực tiêu dùng vô hạn và các biểu hiện của chủ nghĩa duy cá nhân trống rỗng. Quan tâm về điều này khiến tôi đưa ra một số lời khuyên cho người trẻ. “Nếu ai đó bảo những người trẻ làm nơ lịch sử của họ, bác bỏ kinh nghiệm của những bậc cao niên của họ, coi thường quá khứ và hướng tới một tương lai mà chính họ đang nắm giữ, thì lúc đó há không dễ dàng lôi kéo họ theo để họ chỉ làm những gì người này nói với họ sao? Người này cần người trẻ nông nổi, mất gốc và thiếu tin cậy, để chỉ còn biết tin tưởng vào các hứa hẹn của người này và hành động theo kế hoạch của người này mà thôi. Đó là cách các ý thức hệ khác nhau đang vận hành: chúng phá hủy (hoặc tháo gỡ) mọi khác biệt để chúng có thể thống trị mà không bị phản đối. Tuy nhiên, để làm được như vậy, chúng cần những người trẻ tuổi không có ích lợi gì cho lịch sử, những người vứt bỏ kho tàng tinh thần và nhân bản thừa hưởng được từ các thế hệ đi trước, và không biết gì về mọi điều đã diễn ra trước họ” [10].

14. Đây là những hình thức thực dân hóa mới về văn hóa. Chúng ta đừng quên rằng “những dân tộc từ bỏ truyền thống của mình và, một là vì một sự cuồng nhiệt muốn bắt chước người khác hoặc xúi bẩy bạo lực, hai là vì sự lơ là hoặc thờ ơ không thể tha thứ, để người khác cướp đi chính linh hồn của họ, kết cục không những đánh mất bản sắc tinh thần của họ mà còn cả sự nhất quán về đạo đức của họ và, cuối cùng, là sự độc lập về trí tuệ, kinh tế và chính trị của họ” [11]. Một cách hữu hiệu trong việc làm suy yếu ý thức lịch sử, tư duy phê phán, cuộc đấu tranh cho công lý và các diễn trình hòa nhập là làm trống rỗng ý nghĩa các hạn từ tuyệt vời hoặc thao túng chúng. Ngày nay, những hạn từ nhất định như dân chủ, tự do, công lý hay thông nhất thực sự có nghĩa gì? Chúng đã bị bẻ cong và định hình để phục vụ như các công cụ thống trị, như những cụm từ vô nghĩa có thể được sử dụng để biện minh cho bất cứ hành động nào.

THIẾU KẾ HOẠCH CHO MỌI NGƯỜI

15. Cách tốt nhất để thống trị và giành quyền kiểm soát người ta là gieo rắc sự tuyệt vọng và chán nản, ngay cả dưới chiêu bài bảo vệ những giá trị nào đó. Ngày nay, ở nhiều quốc gia, chủ nghĩa cường điệu, cực đoan và phân cực đã trở thành công cụ chính trị. Sử dụng chiến lược chế giễu, nghi ngờ và không ngừng chỉ trích, theo nhiều cách khác nhau, người ta phủ nhận quyền hiện hữu hoặc có ý kiến của người khác. Sự chia sẻ của họ về sự thật và các giá trị bị bác bỏ và kết quả là đời sống của xã hội bị làm nghèo đi và chịu sự giễu cợt của kẻ quyền thế. Đời sống chính trị không còn liên quan chi đến các cuộc tranh luận lành mạnh về các kế hoạch dài hạn nhằm cải thiện cuộc sống của người ta và thúc đẩy lợi ích chung, mà chỉ liên quan tới các kỹ thuật tiếp thị khéo léo chủ yếu nhằm làm mất uy tín của người khác. Trong việc trao đổi điên cuồng các cáo buộc và phản tố, cuộc tranh luận biến thành trạng thái bất đồng và đối đầu thường trực.

16. Giữa cuộc xung đột lợi ích mâu thuẫn này, trong đó chiến thắng bao gồm việc loại trừ đối thủ của mình, làm thế nào chúng ta có thể nâng tầm nhìn để nhận ra những người hàng xóm của chúng ta hoặc để giúp đỡ những người đã vấp ngã dọc đường? Một kế hoạch đặt ra những mục tiêu to lớn cho sự phát triển của cả gia đình nhân loại chúng ta ngày nay nghe có vẻ điên rồ. Chúng ta đang ngày càng xa nhau hơn, trong khi cuộc hành trình từ từ và nhiều đòi hỏi hướng tới một thế giới ngày càng thống nhất và công bằng hơn đang phải chịu một bước lùi mới và đầy bi đát.

17. Quan tâm đến thế giới chúng ta đang sống có nghĩa là quan tâm đến chính chúng ta. Tuy nhiên, chúng ta ngày càng cần nghĩ về bản thân mình như một gia đình đơn nhất sống trong một ngôi nhà chung. Sự quan tâm như vậy không gây hứng thú gì cho những cường quốc kinh tế đang đòi hỏi lợi nhuận nhanh chóng. Thông thường, những tiếng nói cất lên để bênh

vực môi trường sẽ bị làm cho cảm lạnh hoặc bị chế giễu, sử dụng những lập luận bề ngoài hợp lý chỉ đơn thuần làm bình phong cho những tư lợi đặc biệt. Trong nền văn hóa nông cạn, thiên cận mà chúng ta đã tạo ra, thiếu hẳn viễn kiến chung này, “điều có thể thấy trước là, một khi một số nguồn lực nhất định đã cạn kiệt, khung cảnh sẽ được xếp sắp cho những cuộc chiến mới, mặc dù dưới chiêu bài các yêu sách cao thượng” [12].

Một thế giới "vứt bỏ"

18. Dường như một số thành phần trong gia đình nhân loại của chúng ta có thể sẵn sàng bị hy sinh cho lợi ích của những người khác được coi là đáng được hưởng một cuộc sống vô tư. Cuối cùng, “con người không còn được coi là có giá trị tối quan trọng cần được chăm sóc và tôn trọng nữa, đặc biệt là khi họ nghèo và tàn tật, ‘chưa có ích’- như người chưa sinh, hoặc ‘không còn cần thiết nữa’- như người già. Chúng ta đã trở nên thờ ơ với mọi loại lãng phí, bắt đầu với việc lãng phí thức ăn, một điều hết sức đáng trách ” [13].

19. Sự suy giảm sinh suất, một sự suy giảm đang dẫn đến việc lão hóa dân số, cùng với việc bỏ xó người già phải sống một cuộc sống buồn bã và cô đơn, là một cách tinh tế để nói rằng tất cả là vì chúng ta, rằng mối quan tâm của cá nhân chúng ta là điều duy nhất quan trọng. Theo cách này, “những gì bị vứt bỏ không phải chỉ là thức ăn và đồ vật có thể vứt bỏ, mà đôi khi là chính con người” [14]. Chúng ta đã thấy những gì đã xảy ra cho người già ở một số nơi trong thế giới của chúng ta do kết quả của *coronavirus*. Họ không phải chết theo cách đó. Tuy nhiên, một điều tương tự đã xảy ra từ lâu trong các đợt nóng bức và trong các tình huống khác: những người lớn tuổi thấy mình bị bỏ rơi một cách tàn nhẫn. Chúng ta không nhận ra điều này, bằng cách cô lập người cao niên và để họ cho người khác chăm sóc mà không có sự gần gũi và quan tâm của các thành viên gia đình, chúng ta đã làm biến dạng và nghèo nàn chính gia đình. Kết cục, chúng ta cũng sẽ tước đoạt của người trẻ sự nối kết cần thiết với cội nguồn của họ và một sự khôn ngoan mà người trẻ không thể tự mình đạt được.

20. Cách loại bỏ người khác này có thể diễn ra dưới nhiều hình thức, chẳng hạn như nỗi ám ảnh về việc giảm chi phí lao động mà không quan tâm chi đến hậu quả nghiêm trọng của nó, vì nạn thất nghiệp mà nó trực tiếp tạo ra dẫn đến sự gia tăng nghèo đói [15]. Ngoài ra, sự sẵn sàng loại bỏ người khác tìm được biểu thức trong những thái độ xấu xa mà chúng ta tưởng là đã khuất dạng từ lâu, chẳng hạn như chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, nhưng thực ra chúng chỉ rút xuống hầm trú để tiếp tục tái xuất hiện. Các điển hình phân biệt chủng tộc tiếp tục khiến chúng ta xấu hổ, vì chúng cho thấy những điều được coi như tiến bộ xã hội của chúng ta không có thực chất hoặc đứt khoát như chúng ta nghĩ.

21. Một số quy định kinh tế đã tỏ ra hữu hiệu đối với việc tăng trưởng, nhưng không hữu hiệu đối với việc phát triển toàn diện con người [16]. Sự giàu có gia tăng, nhưng cùng với nó là sự bất bình đẳng, với kết quả là “các hình thức nghèo đói mới đang xuất hiện” [17]. Chủ trương cho rằng thế giới hiện đại đã giảm được nghèo đói được đưa ra với cách đo lường sự nghèo đói bằng các tiêu chuẩn của quá khứ không còn tương ứng với các thực tại ngày nay. Thí dụ, vào những thời điểm khác, việc thiếu khả năng tiếp cận năng lượng điện không bị coi là dấu hiệu nghèo đói, cũng không phải là nguồn gây khổ cực. Nghèo đói phải luôn được hiểu và đánh giá trong bối cảnh các cơ hội hiện có sẵn trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể.

Các nhân quyền không đủ phổ quát

22. Trên thực tế, điều đôi khi trở nên rõ ràng là các nhân quyền không bình đẳng cho mọi người. Tôn trọng những quyền này “là điều kiện sơ bộ để một quốc gia phát triển xã hội và

kinh tế. Khi phẩm giá một con người nhân bản được tôn trọng, và các quyền lợi của họ được công nhận và bảo đảm, thì tính sáng tạo và sự liên lập sẽ phát triển mạnh, và tính sáng tạo của nhân cách con người được giải thoát qua các hành động hướng tới ích chung” [18]. Tuy nhiên, “khi quan sát kỹ các xã hội đương thời, chúng ta thấy vô số mâu thuẫn khiến chúng ta tự hỏi liệu phẩm giá bình đẳng của mọi hữu thể nhân bản, vốn được công bố long trọng cách đây bảy mươi năm, có thực sự được công nhận, tôn trọng, bảo vệ và cổ vũ trong mọi tình huống hay không. Trong thế giới ngày nay, nhiều hình thức bất công vẫn tồn tại, được nuôi dưỡng bởi những viễn kiến nhân học có tính giản lược và mô hình kinh tế dựa trên lợi nhuận không ngần ngại bóc lột, vứt bỏ và thậm chí giết chết con người. Trong khi một bộ phận nhân loại sống trong sự giàu sang, thì một bộ phận khác lại thấy phẩm giá của mình bị bác bỏ, bị khinh miệt hoặc bị chà đạp, và các quyền căn bản của họ bị loại bỏ hoặc vi phạm” [19]. Điều này cho chúng ta biết điều gì về quyền bình đẳng dựa trên phẩm giá bẩm sinh của con người?

23. Tương tự như vậy, việc tổ chức các xã hội trên toàn thế giới vẫn còn lâu mới phản ánh rõ ràng điều này: phụ nữ có phẩm giá và các quyền giống hệt nam giới. Chúng ta nói một điều bằng lời nói, nhưng các quyết định và thực tại của chúng ta lại nói lên một câu chuyện khác. Thật vậy, “nghèo nàn gấp đôi là khi phụ nữ phải chịu đựng những hoàn cảnh bị loại trừ, bị ngược đãi và bạo lực, vì họ thường ít có khả năng bảo vệ các quyền lợi của mình” [20].

24. Chúng ta cũng nên công nhận rằng “mặc dù cộng đồng quốc tế đã tiếp nhận nhiều thỏa thuận nhằm kết liễu chế độ nô lệ dưới mọi hình thức và đã phát động nhiều chiến lược khác nhau để chống lại hiện tượng này, nhưng hàng triệu người ngày nay - trẻ em, phụ nữ và nam giới ở mọi lứa tuổi - bị tước đoạt tự do và bị buộc phải sống trong những điều kiện giống như chế độ nô lệ... Ngày nay, cũng như trong quá khứ, chế độ nô lệ bắt nguồn từ quan niệm về con người cho phép họ bị coi như một đồ vật... Bất kể do ép buộc, hay lừa dối, hoặc bằng sự cưỡng ép về thể lý hoặc tâm lý, các con người nhân bản, vốn được tạo dựng theo hình ảnh và họa ảnh Thiên Chúa, đang bị tước đoạt tự do, bị bán và biến thành tài sản của người khác. Họ bị coi như các phương tiện cho một mục đích... [Các mạng lưới tội ác] có kỹ năng sử dụng các phương tiện truyền thông hiện đại như một cách để rù quấy nam nữ thanh niên ở nhiều nơi khác nhau trên thế giới” [21]. Một sự đòi hỏi vượt quá mọi giới hạn khi nó khuất phục phụ nữ và sau đó ép họ phá thai. Một sự ghê tởm quá sức đến độ bất cóc người ta chỉ để bán nội tạng của họ. Việc buôn bán người và các hình thức nô dịch đương thời khác là một vấn đề hoàn cầu cần được toàn thể nhân loại xem xét một cách nghiêm túc: “vì các tổ chức tội ác sử dụng các mạng lưới hoàn cầu để đạt được mục tiêu của họ, nên những nỗ lực nhằm loại bỏ hiện tượng này cũng đòi một nỗ lực chung và thực sự có tính hoàn cầu từ các thành phần khác nhau của xã hội” [22].

Xung đột và sợ hãi

25. Chiến tranh, các cuộc tấn công khủng bố, bách hại chủng tộc hoặc tôn giáo, và nhiều lăng mạ khác liên quan đến phẩm giá con người được phán kết khác nhau, tùy thuộc vào mức độ thuận tiện của nó đối với các lợi ích nào đó, chủ yếu là kinh tế. Điều đúng miễn là nó thuận tiện cho người nắm quyền sẽ không còn đúng nữa một khi nó trở nên bất tiện. Điều buồn phải nói là những tình huống bạo lực này, “đã trở nên phổ biến đến mức tạo thành một ‘cuộc thế chiến thứ ba’ được đánh từng mảng” [23].

26. Điều trên không có gì đáng ngạc nhiên, nếu chúng ta nhận ra rằng chúng ta không còn những chân trời chung hợp nhất chúng ta nữa; thật vậy, nạn nhân đầu tiên của mọi cuộc chiến tranh là "ơn gọi bẩm sinh của gia đình nhân loại bước vào tình huynh đệ". Kết quả là, “mọi tình huống đầy đe dọa đang nuôi dưỡng sự ngờ vực và dẫn người ta tới việc tự rút lui vào

vùng an toàn của mình” [24]. Thế giới của chúng ta bị mắc kẹt trong một mâu thuẫn kỳ lạ: chúng ta tin rằng chúng ta có thể “bảo đảm sự ổn định và hòa bình qua cảm thức an toàn giả tạo được nâng đỡ bởi não trạng sợ hãi và ngờ vực” [25].

27. Nghịch lý thay, một số nỗi sợ hãi do tổ tiên để lại đã không vượt qua được bằng việc phát triển kỹ thuật; trái lại, chúng đã có thể ẩn nấp và củng cố phía sau các kỹ thuật mới. Ngày nay cũng thế, bên kia những bức tường thành cổ xưa là vực thẳm, lãnh thổ của những điều chưa biết, hoang địa. Bất cứ điều gì phát xuất từ đó đều không thể tin cậy, vì nó không được ai biết đến, không quen thuộc, không là một phần của thôn làng. Đó là lãnh thổ của "man rợ", mà chúng ta phải tự vệ chống lại bằng mọi giá. Kết quả là, những bức tường mới được dựng lên để tự bảo toàn, thế giới bên ngoài ngưng hiện hữu và chỉ để lại thế giới “của tôi”, đến mức những người khác, không còn được coi là những hữu thể nhân bản có phẩm giá bất khả chuyên nhượng nữa, đã trở thành “bọn chúng” nguyên tuyền. Một lần nữa, chúng ta gặp phải “con cám dỗ muốn xây dựng một nền văn hóa của những bức tường, dựng lên những bức tường, những bức tường trong trái tim, những bức tường trong lãnh thổ, để ngăn cản cuộc gặp gỡ với các nền văn hóa khác, với những người khác. Và những người dựng các bức tường kết cục sẽ trở thành nô lệ trong chính các bức tường họ đã xây dựng. Họ bị bỏ rơi không còn chân trời nào, vì họ thiếu sự trao đổi qua lại kiểu này với những người khác” [26].

28. Sự cô đơn, sợ hãi và bất an của những người cảm thấy bị hệ thống bỏ rơi tạo ra một mảnh đất màu mỡ cho nhiều loại “mafias” khác nhau. Những loại *mafias* này phát triển mạnh mẽ bởi vì chúng tự cho mình là người bảo vệ những người bị lãng quên, thường bằng cách cung cấp cho họ một số hình thức trợ giúp khác nhau dù chúng theo đuổi các lợi ích tội ác của chúng. Cũng hiện hữu một phương pháp sư phạm có tính “mafia” một cách điển hình, bằng cách kêu gọi một nền huyền bí cộng đồng giả tạo, tạo ra những ràng buộc phụ thuộc và đa trung thành rất khó mà thoát ra được.

HOÀN CẦU HÓA VÀ TIẾN BỘ MÀ KHÔNG CÓ BẢN ĐỒ CHỈ ĐƯỜNG CHUNG

29. Với Đại Imam Ahmad Al-Tayyeb, chúng ta không làm ngơ các tiến bộ tích cực đạt được trong các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật, y học, kỹ nghệ và phúc lợi, nhất là ở các nước phát triển. Tuy nhiên, “chúng ta muốn nhấn mạnh rằng, cùng với các tiến bộ lịch sử này, các tiến bộ rất vĩ đại và có giá trị, đang có một sự suy thoái đạo đức ảnh hưởng đến hành động quốc tế và đang làm suy yếu các giá trị và trách nhiệm tinh thần. Điều này góp phần vào cảm giác thất vọng, cô lập và tuyệt vọng nói chung”. Chúng ta thấy “căng thẳng bùng phát và tích lũy vũ khí và đạn dược trong bối cảnh hoàn cầu bị chi phối bởi sự bất trắc, vỡ mộng, lo sợ cho tương lai, và bị kiểm soát bởi các lợi ích kinh tế hạn hẹp”. Chúng ta cũng có thể chỉ ra “những cuộc khủng hoảng chính trị lớn, những tình huống bất công và thiếu sự phân phối công bằng các nguồn tài nguyên thiên nhiên... Đứng trước những cuộc khủng hoảng như vậy, những cuộc khủng hoảng dẫn đến cái chết của hàng triệu trẻ em – hốc hác vì đói và nghèo – hiện có sự im lặng không thể nào chấp nhận được trên bình diện quốc tế” [27]. Bức tranh toàn cảnh này, dù với những tiến bộ không thể phủ nhận của nó, dường như không dẫn đến một tương lai nhân đạo nào hơn.

30. Trong thế giới ngày nay, cảm thức thuộc về một gia đình nhân loại đơn nhất đang mờ dần, và ước mơ làm việc với nhau vì công lý và hòa bình dường như là một điều không tưởng lỗi thời. Thay vào đó, điều đang thống trị là sự thờ ơ lạnh lùng, thoải mái và có tính hoàn cầu, phát sinh từ sự vỡ mộng sâu xa được che giấu phía sau một ảo tưởng lừa dối: nghĩ rằng chúng ta là toàn năng, trong khi không nhận ra rằng tất cả chúng ta đều ở trên cùng một con thuyền. Ảo tưởng này, không quan tâm đến những giá trị huynh đệ cao cả, dẫn đến “một kiểu hoài

ngi. Vì đó là con cám dỗ chúng ta phải đối đầu nếu chúng ta đi vào con đường chán nản và thất vọng... Cô lập và tự thu mình vào lợi ích của chính mình không bao giờ là cách để khôi phục hy vọng và mang lại sự đổi mới. Đúng hơn, phải là sự gần gũi; phải là nền văn hóa của sự gặp gỡ. Cô lập, không; sự gần gũi, đúng. Xung đột văn hóa, không; văn hóa gặp gỡ, đúng” [28].

31. Trong thế giới chạy đua phía trước nhưng lại thiếu bản đồ chỉ đường chung này, chúng ta ngày càng cảm thấy rằng “hồ phân cách giữa sự quan tâm đối với phúc lợi bản thân của người ta và sự thịnh vượng của gia đình nhân loại lớn hơn dường như đang trải dài đến mức gây chia rẽ hoàn toàn giữa các cá nhân và cộng đồng con người... Cảm thấy buộc phải sống chung là một điều, nhưng biết trân quý sự phong phú và vẻ đẹp của các hạt giống sống chung đang cần được tìm kiếm và vun đắp lại là một điều hoàn toàn khác hẳn” [29]. Kỹ thuật không ngừng phát triển, tuy nhiên “sẽ tuyệt vời biết bao nếu sự phát triển của việc canh tân khoa học và kỹ thuật có thể xuất hiện cùng với việc có nhiều bình đẳng và hòa nhập xã hội hơn. Thật tuyệt vời biết bao, khi, cùng với việc khám phá ra những hành tinh xa xôi, chúng ta tái khám phá nhu cầu của những người anh chị em đang bao quanh chúng ta” [30].

CÁC ĐẠI DỊCH VÀ CÁC TAI HỌA KHÁC TRONG LỊCH SỬ

32. Quả thực, một thảm kịch toàn thế giới như đại dịch Covid-19 trong giây lát đã làm sống lại cảm thức chúng ta là một cộng đồng hoàn cầu, tất cả cùng chung một con thuyền, trong đó các vấn đề của một người là vấn đề của mọi người. Một lần nữa chúng ta hiểu ra rằng không ai một mình được cứu vớt; chúng ta chỉ có thể được cứu vớt cùng với nhau. Như tôi đã nói trong những ngày đó, “con bão đã bóc trần tính dễ bị tổn thương của chúng ta và để lộ ra những điều chắc chắn giả tạo và phù phiếm mà xung quanh chúng, chúng ta đang xây dựng lịch trình sinh hoạt hàng ngày, các dự án, các thói quen và ưu tiên của chúng ta... Giữa cơn bão tấp nập này, mặt tiền của những khuôn mẫu mà chúng ta đã dùng để ngụy trang cho cái tôi của chúng ta, luôn lo lắng về vẻ bề ngoài, đã rút xuống, để lộ một lần nữa ý thức không thể tránh được và đáng chúc phúc này: chúng ta là thành phần của nhau, chúng ta là anh chị em của nhau” [31].

33. Thế giới đang không ngừng tiến tới một nền kinh tế, nhờ tiến bộ kỹ thuật, tìm cách giảm “phí tổn nhân bản”; có những người làm chúng ta tin rằng tính tự do của thị trường đủ để giữ cho mọi sự được an toàn. Tuy nhiên, đòn tàn bạo và không lường trước được của cơn đại dịch không thể kiểm soát này đã buộc chúng ta hồi phục mối quan tâm của chúng ta đối với các hữu thể nhân bản, đối với mọi người, thay vì lợi ích của một số ít người. Ngày nay chúng ta có thể nhận ra rằng “chúng ta tự nuôi mình bằng những giấc mơ lộng lẫy và cao cả, và kết cục là việc mất tập trung, hẹp hòi đóng kín và cô độc đầy ám ảnh. Chúng ta ngẫu nhiên liên mạng và đánh mất hương vị của tình huynh đệ. Chúng ta tìm kiếm các kết quả nhanh chóng và an toàn, chỉ để thấy mình bị áp đảo bởi sự thiếu kiên nhẫn và lo lắng. Trở thành tù nhân cho thực tại ảo, chúng ta đã đánh mất mùi và vị của điều thực sự có thực” [32]. Nỗi đau, sự không chắc chắn và nỗi sợ hãi, và việc nhận ra các giới hạn của bản thân, do đại dịch đem tới, chỉ khiến việc chúng ta phải suy nghĩ lại phong cách sống, các mối liên hệ của mình, cách tổ chức các xã hội và trên hết, ý nghĩa của việc chúng ta hiện hữu, càng trở nên cấp bách hơn.

34. Nếu mọi thứ được nối kết với nhau, thì thật khó mà tưởng tượng rằng thảm họa hoàn cầu này không liên quan gì đến cách tiếp cận thực tại của chúng ta, việc chúng ta cho rằng mình là người làm chủ tuyệt đối cuộc đời của chính mình và của tất cả những gì đang hiện hữu. Tôi không muốn nói đến việc thần thánh báo oán, cũng như không đủ lý lẽ để nói rằng tác hại chúng ta gây ra cho thiên nhiên chính là hình phạt cho các vi phạm của chúng ta. Thế giới

đang kêu la nổi loạn. Chúng ta được nhắc nhớ câu thơ nổi tiếng của nhà thơ Virgil vốn gọi lên "những giọt nước mắt của sự vật", những bất hạnh của cuộc đời và của lịch sử [33].

35. Tuy nhiên, chúng ta quên mất những bài học của lịch sử, vốn là “người thầy của cuộc đời”, một cách quá nhanh chóng [34]. Một khi cuộc khủng hoảng sức khỏe này qua đi, phản ứng tột tệ nhất của chúng ta sẽ là lao đầu sâu hơn nữa vào chủ nghĩa tiêu dùng điên loạn và các hình thức bảo toàn bản thân vị kỷ mới. Nhờ ơn Chúa, sau tất cả những điều này, chúng ta sẽ không còn nghĩ theo chiều “bọn chúng” và “những người ấy”, mà chỉ theo chiều “chúng ta”. Ước chi điều này có thể chứng minh không những một bi kịch khác của lịch sử mà từ đó chúng ta không học được gì. Ước chi chúng ta luôn ghi nhớ tất cả những người cao niên đã chết vì thiếu mặt nạ phòng độc, một phần là do việc phá bỏ, năm này qua năm khác, các hệ thống chăm sóc sức khỏe. Ước chi nỗi buồn mênh mông này có thể không trở nên vô ích, nhưng giúp chúng ta tiến thêm một bước nữa hướng tới một phong cách sống mới. Ước chi chúng ta có thể dứt khoát khám phá lại việc chúng ta cần đến nhau, và bằng cách này, gia đình nhân loại của chúng ta có thể trải qua một sự tái sinh, với mọi khuôn mặt, mọi bàn tay và mọi giọng nói của nó, vượt trên các bức tường mà chúng ta đã dựng lên.

36. Trừ khi chúng ta khôi phục được niềm đam mê chung trong việc tạo ra một cộng đồng thống nhất và liên đới xứng đáng với thời đại, với năng lực và các nguồn lực của chúng ta, ảo tưởng hoàn cầu từng lừa dối chúng ta sẽ sụp đổ và để nhiều người ở lại trong sức kim kẹp của xao xuyên lo lắng và trống rỗng. Chúng ta cũng không nên ngây thơ bác bỏ việc thừa nhận rằng “nỗi ám ảnh về lối sống duy tiêu thụ, nhất là khi ít người có khả năng duy trì nó, chỉ có thể dẫn đến bạo lực và hủy diệt lẫn nhau” [35]. Khái niệm “mỗi người vì chính mình” sẽ nhanh chóng biến chất thành một thứ tự do muốn làm gì thì làm, một điều còn tồi tệ hơn bất cứ đại dịch nào.

THIẾU NHÂN PHẨM TẠI CÁC BIÊN GIỚI

37. Một số chế độ chính trị theo chủ nghĩa dân túy, cũng như một số phương thức kinh tế tự do, chủ trương rằng phải ngăn chặn dòng người di cư bằng mọi giá. Các lập luận cũng được đưa ra bênh vực tính đúng đắn của việc hạn chế viện trợ cho các nước nghèo, để họ khánh kiệt và thấy mình buộc phải thực hiện các biện pháp thắt lưng buộc bụng. Người ta không nhận ra rằng đằng sau những tuyên bố như vậy, trừu tượng và khó hỗ trợ, rất nhiều mạng sống đang bị đe dọa. Nhiều di dân đã chạy trốn chiến tranh, bách hại và thảm họa thiên nhiên. Những người khác, rất đúng, “đang tìm kiếm cơ hội cho bản thân và gia đình họ. Họ mơ ước một tương lai tốt đẹp hơn và họ muốn tạo điều kiện để đạt được điều đó” [36].

38. Đáng buồn thay, một số người trên “bị thu hút bởi văn hóa phương Tây, đôi khi với những kỳ vọng không thực tế khiến họ thất vọng nặng nề. Những kẻ buôn người vô lương tâm, thường có liên hệ với các băng đảng ma túy hoặc vũ khí, đang khai thác điểm yếu của di dân, những người thường xuyên phải trải qua bạo lực, buôn người, lạm dụng tâm lý và thể lý và những đau khổ không kể xiết trên hành trình của họ” [37]. Những người lên đường di cư đều “kinh qua sự xa cách với nơi xuất xứ của họ, và thường mất cả gốc rễ văn hóa và tôn giáo. Sự phân mảnh cũng được cảm nhận bởi các cộng đồng họ để lại, nơi mất đi các phân tử mạnh mẽ và dám nghĩ dám làm nhất của họ, và bởi các gia đình, nhất là khi một hoặc cả hai cha mẹ phải di cư, để lại con cái ở quê hương” [38]. Vì lý do này, “cũng cần phải khẳng định lại quyền không di cư, nghĩa là, quyền ở lại quê hương của người ta” [39].

39. Cũng thế, “ở một số quốc gia chủ nhà, di dân gây ra nỗi sợ hãi và bạo động, thường được thúc đẩy và khai thác cho các mục đích chính trị. Điều này có thể dẫn đến não trạng bài

ngoại, khi người ta tự khép mình vào chính mình, và điều này cần được giải quyết một cách dứt khoát” [40]. Các di dân không được coi là có quyền, như những người khác, được tham gia vào đời sống của xã hội, và người ta quên rằng họ có phẩm giá nội tại như bất cứ người nào khác. Do đó, họ phải là “các tác nhân trong việc tự cứu chính họ” [41]. Không ai có thể công khai phủ nhận rằng họ là những hữu thể nhân bản, nhưng trên thực tế, bằng quyết định của chúng ta và cách chúng ta đối xử với họ, chúng ta có thể chứng tỏ rằng chúng ta xem họ ít xứng đáng hơn, kém quan trọng hơn, kém nhân bản hơn. Đối với các Kitô hữu, lối suy nghĩ và hành động này là điều không thể chấp nhận được, vì nó đặt một số sở thích chính trị nhất định lên trên các niềm xác tín sâu xa về đức tin của chúng ta: phẩm giá bất khả chuyển nhượng của mỗi con người bất kể nguồn gốc, chủng tộc hay tôn giáo, và luật tối cao của tình yêu thương huynh đệ.

40. “Những cuộc di dân, hơn bao giờ hết, sẽ đóng một vai trò chủ chốt trong tương lai của thế giới chúng ta” [42]. Tuy nhiên, hiện nay, việc di dân bị ảnh hưởng bởi “việc mất cảm thức trách nhiệm đối với các anh chị em của chúng ta mà mọi xã hội dân sự vốn dựa vào” [43]. Châu Âu, chẳng hạn, đang có nguy cơ nghiêm trọng đi theo con đường này. Tuy nhiên, “được hỗ trợ bởi di sản văn hóa và tôn giáo vĩ đại của nó, nó có các phương thế để bảo vệ tính trung tâm của con người và tìm được sự cân bằng đúng đắn giữa trách nhiệm đạo đức kép của mình là bảo vệ quyền của công dân và bảo đảm việc hỗ trợ và chấp nhận di dân” [44].

41. Tôi nhận ra rằng một số người còn do dự và sợ hãi đối với di dân. Tôi coi điều này như một phần trong bản năng tự vệ tự nhiên của chúng ta. Tuy nhiên, điều cũng đúng là một cá nhân và một dân tộc chỉ sinh hoa kết trái và có hiệu năng nếu họ có khả năng khai triển tính cởi mở sáng tạo với người khác. Tôi yêu cầu mọi người vượt ra khỏi những phản ứng ban sơ đó vì “có vấn đề khi những nghi ngờ và sợ hãi điều khiển cách suy nghĩ và hành động của chúng ta đến mức khiến chúng ta trở nên bất khoan dung, khép kín và thậm chí phân biệt chủng tộc mà mình không biết. Theo cách này, nỗi sợ hãi lấy mất nơi chúng ta ước nguyện và khả năng gặp gỡ người khác” [45].

ẢO TƯỢNG TRUYỀN THÔNG

42. Thật kỳ lạ, trong khi thái độ khép kín và bất khoan dung đối với người khác đang gia tăng, thì các khoảng cách, đàng khác, lại đang thu hẹp hoặc biến mất đến mức quyền riêng tư ít còn hiện hữu. Mọi sự đã trở thành một loại cảnh tượng cần được khảo sát và thanh tra và cuộc sống của người ta hiện đang bị thám thính không ngừng. Truyền thông kỹ thuật số muốn đưa mọi sự ra thanh thiên bạch nhật; cuộc sống của người ta bị bóc lột, lật trần và bàn tán, thường là nặc danh. Sự tôn trọng đối với người khác đang tan rã, và ngay cả khi chúng ta gạt bỏ, phớt lờ hoặc giữ khoảng cách với người khác, chúng ta vẫn có thể trần tráo soi mói từng chi tiết cuộc sống của họ.

42. Về phần mình, các chiến dịch kỹ thuật số nhằm thù hận và hủy diệt không phải - như một số người vẫn nghĩ - là một hình thức tích cực để hỗ trợ lẫn nhau, nhưng đơn giản chỉ là việc liên hiệp các cá nhân, hợp nhất nhau để chống lại những người bị tri nhận là kẻ thù chung. “Các phương tiện truyền thông kỹ thuật số cũng có thể khiến người ta gặp nguy cơ nghiện ngập, cô lập và dần dần mất liên lạc với thực tại cụ thể, ngăn cản sự phát triển các mối liên hệ liên ngã chân chính” [46]. Chúng thiếu các cử chỉ thể lý, nét mặt, khoảnh khắc im lặng, ngôn ngữ thân xác và thậm chí cả những điều như mùi vị, run run bàn tay, đỏ mặt và đổ mồ hôi vẫn ngổ lờ với chúng ta và là một phần của việc truyền thông nhân bản. Các mối liên hệ kỹ thuật số, vì không đòi việc vun xới chậm chạp và từ từ các tình hữu nghị, việc tương tác bên

vững hoặc xây dựng một sự đồng thuận trưởng thành theo thời gian, nên bề ngoài có dáng thích thân thiện. Tuy nhiên, chúng không thực sự xây dựng cộng đồng; thay vào đó, chúng có xu hướng nguy tạo và mở rộng chính chủ nghĩa duy cá nhân vốn tìm được biểu thức trong thái độ bài ngoại và khinh thường những người dễ bị tổn thương. Tính nối kết kỹ thuật số không đủ để xây dựng những cây cầu. Nó không có khả năng hợp nhất nhân loại.

Hung hăng vô liêm sỉ

44. Ngay cả khi các cá nhân duy trì sự cô lập duy tiêu thụ được cho là thoải mái, họ vẫn có thể chọn một hình thức liên kết thường xuyên và cuồng nhiệt nhằm khuyến khích sự thù nghịch cực độ, các lăng mạ, lạm dụng, phi báng và bạo lực ngôn từ đến mức tiêu diệt hình ảnh người khác, trong một diễn biến không thể có trong tiếp xúc thể lý mà kết cục lại không tiêu diệt chính mình hết thảy. Tính hung hăng xã hội đã tìm được chỗ đứng vô song để phát triển quá các máy tính và thiết bị di động.

45. Điều này hiện đang cho phép các ý thức hệ được hoàn toàn tự do hành động. Những điều mà cho đến vài năm trước đây không ai có thể nói ra nếu không liềm mình đánh mất lòng tôn trọng phổ quát thì giờ đây có thể nói mà không sợ bị trừng phạt và nói một cách thô lỗ nhất, ngay cả bởi một số nhân vật chính trị. Chúng ta cũng không nên quên rằng “có những lợi ích kinh tế khổng lồ hoạt động trong thế giới kỹ thuật số, có khả năng thực hiện các hình thức kiểm soát vừa tinh vi vừa xâm lấn, tạo ra các cơ chế thao túng lương tâm và diễn trình dân chủ. Cách thức hoạt động của nhiều nguyên lý làm cơ sở cho các hệ điều hành (platform) thường kết cục tạo điều kiện cho cuộc gặp gỡ giữa những người có suy nghĩ giống nhau, bảo vệ họ khỏi cuộc tranh luận. Các mạch khép kín này tạo điều kiện cho việc loan truyền tin tức giả và thông tin sai lệch, xúi giục thành kiến và thù ghét” [47].

46. Chúng ta cũng nên nhìn nhận rằng các hình thức cuồng tín có tính phá hoại đôi khi được tìm thấy trong các tín đồ tôn giáo, kể cả các Kitô hữu; họ cũng “có thể bị cuốn vào các mạng lưới bạo lực bằng ngôn từ qua *internet* và các diễn đàn khác nhau của truyền thông kỹ thuật số. Ngay cả trong các phương tiện truyền thông Công Giáo, các giới hạn cũng có thể bị vượt qua, việc phi báng và vu khống có thể trở thành chuyện thông thường, và tất cả các tiêu chuẩn đạo đức và tôn trọng đối với tiếng tăm của người khác có thể bị bỏ qua” [48]. Làm thế nào điều này có thể góp phần vào tình huynh đệ mà Cha chung của chúng ta yêu cầu nơi chúng ta được?

Thông tin thiếu khôn ngoan

47. Sự khôn ngoan đích thực đòi hỏi một cuộc gặp gỡ với thực tại. Tuy nhiên, ngày nay, mọi sự đều có thể được chế tạo, nguy trang và sửa đổi. Do đó, một cuộc gặp gỡ trực tiếp dù ở ven rìa thực tại vẫn bị coi là không thể dung thứ. Lúc đó, một cơ chế lựa chọn bắt đầu hoạt động, theo đó tôi có thể lập tức tách biệt người thích khỏi người không thích, thứ tôi cho là hấp dẫn khỏi thứ tôi cho là khó chịu. Cùng một cách như thế, chúng ta có thể chọn những người mà chúng ta muốn chia sẻ thế giới của mình. Những người hoặc tình huống chúng ta thấy khó chịu hoặc không đồng ý với chỉ đơn giản bị bôi xóa trong các mạng ảo ngày nay; một thế giới ảo sau đó được tạo ra, cô lập chúng ta với thế giới thực trong đó chúng ta đang sống.

48. Khả năng ngồi xuống và lắng nghe người khác, nét đặc trưng của những cuộc gặp gỡ liên ngã, là điển hình của thái độ chào đón được thể hiện bởi những người vượt qua lòng yêu mình thái quá và chấp nhận người khác, quan tâm đến họ và chào đón họ vào cuộc sống của mình. Tuy nhiên, “thế giới ngày nay phần lớn là một thế giới của người điếc... Đôi khi, nhíp

độ điên cuồng của thế giới hiện đại ngăn cản chúng ta chăm chú lắng nghe điều người khác đang nói. Giữa chừng, chúng ta ngắt lời họ và muốn nói ngược lại điều họ còn chưa nói hết. Chúng ta không được đánh mất khả năng lắng nghe của mình”. Thánh Phanxicô “đã nghe tiếng Thiên Chúa, ngài đã nghe tiếng người nghèo, ngài đã nghe tiếng người ốm yếu và ngài đã nghe tiếng thiên nhiên. Ngài đã biến chúng thành một lối sống. Mong muốn của tôi là hạt giống mà Thánh Phanxicô đã gieo trồng có thể lớn lên trong trái tim nhiều người” [49].

49. Khi sự im lặng và thận trọng lắng nghe khuất dạng, thay thế bằng sự điên cuồng nhấn tin, thì cấu trúc căn bản của việc truyền thông khôn ngoan nhân bản sẽ gặp nguy hiểm. Một lối sống mới đang xuất hiện, trong đó, chúng ta chỉ tạo ra những gì chúng ta muốn và loại bỏ tất cả những gì chúng ta không thể kiểm soát hoặc biết được ngay lập tức và hời hợt. Diễn trình này, theo luận lý học nội tại của nó, ngăn chặn kiểu suy tư thanh thản có thể dẫn chúng ta đến một sự ngôn khoan chung.

50. Cùng nhau, chúng ta có thể tìm kiếm sự thật trong đối thoại, trong cuộc trò chuyện thoải mái hoặc trong cuộc tranh luận sôi nổi. Làm như vậy đòi hỏi sự kiên trì; nó hàm nghĩa sẽ có những khoảnh khắc im lặng và đau khổ, nhưng nó có thể kiên nhẫn đón nhận kinh nghiệm rộng lớn hơn của các cá nhân và dân tộc. Việc tràn ngập thông tin trong tầm tay của chúng ta không tạo ra sự khôn ngoan nhiều hơn. Sự khôn ngoan không phát sinh từ những tìm kiếm nhanh chóng trên *internet* và cũng không phải là một khối dữ liệu chưa được kiểm chứng. Nó không chín mùi đủ để trở thành cuộc gặp gỡ với sự thật. Các cuộc trò chuyện chỉ xoay quanh các dữ kiện mới nhất, chỉ có tính ngang tầm và chông đống đơn thuần. Chúng ta không dành sự tập trung chú ý vào đó, không đi sâu vào trọng tâm của vấn đề và nhận ra điều gì thiết yếu đem lại ý nghĩa cho cuộc sống của chúng ta. Do đó, tự do trở thành ảo tưởng người ta rao bán cho chúng ta, một ảo tưởng dễ bị nhầm lẫn với khả năng lục lọi trên màn ảnh. Diễn trình xây dựng tình huynh đệ, dù là địa phương hay phổ quát, chỉ có thể được thực hiện bởi những tinh thần tự do và cởi mở chào đón những cuộc gặp gỡ đích thực.

CÁC HÌNH THỨC LỆ THUỘC VÀ TỰ KHINH MÌNH

51. Một số quốc gia thịnh vượng về kinh tế có xu hướng tự đề cử mình làm mô hình văn hóa cho các quốc gia kém phát triển hơn; thay vào đó, mỗi quốc gia đó cần được giúp đỡ để phát triển theo cách riêng biệt của họ và phát triển các năng lực đổi mới trong khi vẫn tôn trọng các giá trị của nền văn hóa riêng của họ. Mong muốn bắt chước người khác một cách nôm nạc và thậm chí dẫn đến việc sao chép và tiêu thụ thay vì sáng tạo, và cổ vũ một lòng tự trọng rất thấp đối với dân tộc. Trong các thành phần giàu có của nhiều nước nghèo, và đôi khi ở những nước mới thoát được cảnh nghèo, có sự phản kháng đối với cách suy nghĩ và hành động bản địa, và có xu hướng coi thường bản sắc văn hóa của mình, như thể nó là nguyên nhân duy nhất của mọi bệnh tật.

52. Tiêu diệt lòng tự trọng là một cách dễ dàng để thống trị người khác. Đằng sau những xu hướng có khuynh hướng san bằng thế giới của chúng ta này, ta thấy có những quyền lợi mạnh mẽ lợi dụng lòng tự trọng thấp như thế, trong khi, nhờ các phương tiện và mạng truyền thông, cố gắng tạo ra một nền văn hóa mới phục vụ giới thượng lưu. Điều này rập khuôn chủ nghĩa cơ hội của những kẻ đầu cơ và cướp bóc tài chính, và người nghèo luôn kết cục là những người thua cuộc. Rồi cũng thế, việc phớt lờ nền văn hóa của dân tộc mình đã dẫn nhiều nhà lãnh đạo chính trị đến chỗ hết khả năng sáng chế ra một kế hoạch phát triển hữu hiệu có thể được chấp nhận và duy trì một cách tự do theo thời gian.

53. Chúng ta quên rằng “không có hình thức tha hóa nào tồi tệ hơn là cảm thấy mình bị búng

ễ, không thuộc về ai cả. Một lãnh thổ sẽ đơm hoa kết trái, và người dân của nó cũng sẽ sinh hoa kết trái và đem lại tương lai, chỉ trong chừng mực họ có thể phát huy cảm thức thuộc về nơi các thành viên của họ, tạo ra các mối dây liên kết hòa nhập giữa các thế hệ và các cộng đồng khác nhau, và tránh tất cả những gì khiến chúng ta vô cảm đối với người khác và dẫn tới việc tha hóa hơn nữa” [50].

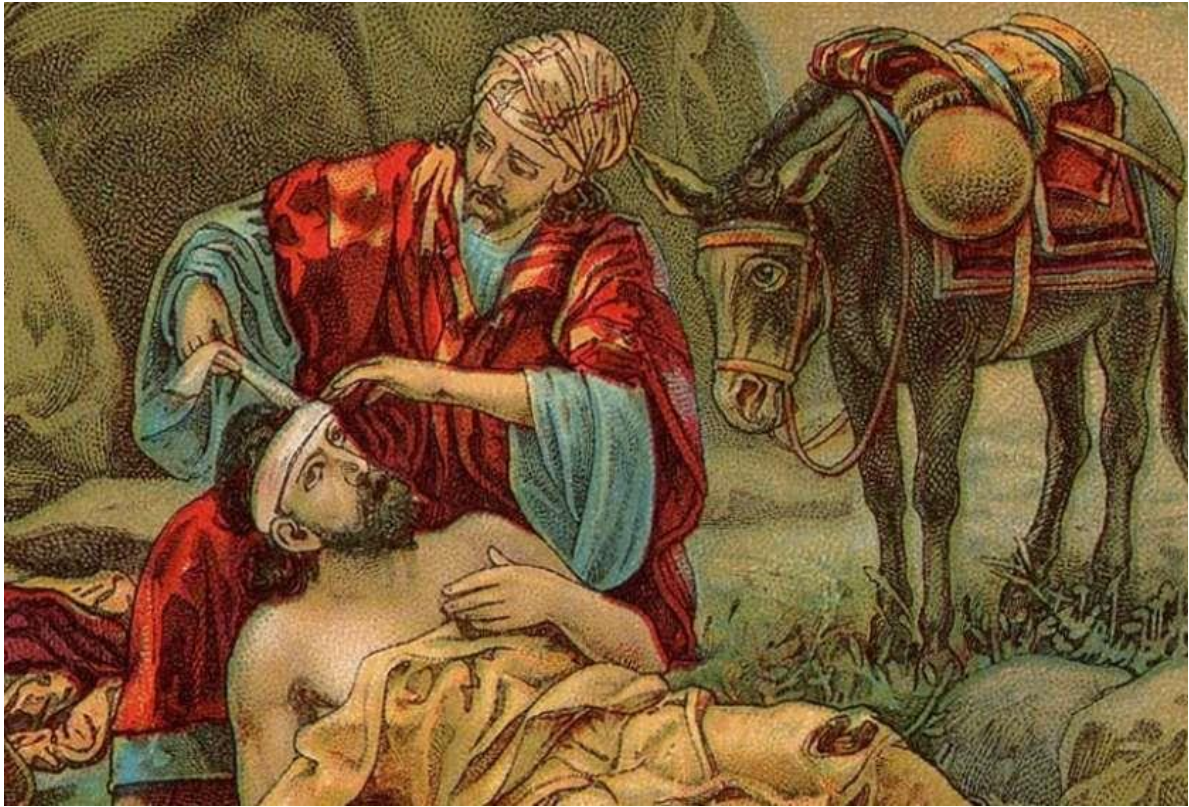
HY VỌNG

54. Bất chấp những đám mây đen trên, những đám mây ta không nên làm ngơ, tôi muốn, trong những trang tiếp theo, tiếp nhận và thảo luận nhiều nẻo đường hy vọng mới. Vì Thiên Chúa tiếp tục gieo nhiều hạt giống tốt lành trong gia đình nhân loại chúng ta. Đại dịch gần đây cho phép chúng ta nhận ra và đánh giá cao, một lần nữa, tất cả những người ở quanh chúng ta, giữa cơn sợ hãi, vẫn đã phản ứng bằng cách đặt mạng sống của họ lên tuyến đầu. Chúng ta bắt đầu nhận ra rằng cuộc sống của chúng ta được đan xen với và duy trì bởi những người bình thường nhưng đã anh dũng lên khuôn nhiều biến cố có tính quyết định trong lịch sử chung của chúng ta: các bác sĩ, y tá, dược sĩ, thủ kho và công nhân siêu thị, nhân viên dọn dẹp, người chăm sóc, công nhân chuyên chở, nam giới và nữ giới làm việc để cung cấp các dịch vụ thiết yếu và an toàn công cộng, các tình nguyện viên, các linh mục và tu sĩ... Họ hiểu rằng không ai được cứu vớt một mình [51].

55. Tôi thân mời mọi người bước vào niềm hy vọng đổi mới, vì hy vọng “nói với chúng ta về một điều gì bén rễ sâu trong trái tim mỗi con người, không phụ thuộc vào hoàn cảnh và điều kiện lịch sử của chúng ta. Hy vọng nói với chúng ta về một cơn khát, một khát vọng, một mong mỏi có được một cuộc sống viên mãn, một khát vọng đạt được những điều to lớn, những điều lấp đầy trái tim và nâng cao tinh thần của chúng ta lên những thực tại cao cả như chân, thiện và mỹ, công bằng và yêu thương... Hy vọng luôn có tính mạnh bạo; nó có thể nhìn xa hơn thuận tiện bản thân, những an toàn và tương thưởng nhỏ mọn chuyên giới hạn chân trời của chúng ta, và nó có thể mở lòng chúng ta ra đón nhận các lý tưởng vĩ đại vốn làm cho cuộc sống trở nên tươi đẹp và đáng giá hơn” [52]. Vậy chúng ta hãy tiếp tục tiến bước trên các nẻo đường hy vọng.

CHƯƠNG HAI: MỘT NGƯỜI XA LẠ DỌC ĐƯỜNG

56. Không nên đọc chương trước như một mô tả lạnh lùng và vô tư về các vấn đề ngày nay, vì “Vui mừng và hy vọng, ưu sầu và lo lắng của con người ngày nay, nhất là của người nghèo và những ai đau khổ, cũng là vui mừng và hy vọng, ưu sầu và lo lắng của các môn đệ Chúa Kitô, và không có gì thực sự là của con người mà lại không gieo âm hưởng trong lòng họ” [53]. Trong nỗ lực tìm kiếm một tia sáng giữa những gì chúng ta đang kinh qua, và trước khi đề nghị một vài hướng hành động, lúc này, tôi muốn dành một chương cho dụ ngôn được Chúa Giêsu Kitô kể lại cách nay hai nghìn năm. Mặc dù Thông điệp này được gửi đến tất cả những người có thiện chí, bất kể niềm tin tôn giáo của họ là gì, nhưng dụ ngôn này là một dụ ngôn mà bất cứ ai trong chúng ta cũng có thể liên hệ với và cảm thấy là thách thức.



“Và này có người thông luật kia đứng lên hỏi Chúa Giêsu để thử Người rằng: ‘Thưa Thầy, tôi phải làm gì để được sự sống đời đời làm gia nghiệp?’ Người đáp: ‘Trong Luật đã viết gì? Ông đọc thế nào?’ Ông ấy thưa: ‘Người phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của người, hết lòng, hết linh hồn, hết sức lực, và hết trí khôn người, và yêu mến người thân cận như chính mình’. Đức Giêsu bảo ông ta: ‘Ông trả lời đúng lắm. Cứ làm như vậy là sẽ được sống’. Nhưng ông ấy muốn chứng tỏ là mình có lý, nên mới thưa cùng Đức Giêsu rằng: ‘Nhưng ai là người thân cận của tôi?’ Đức Giêsu đáp: ‘Một người kia từ Giêrusalem xuống Giêrikhô, dọc đường bị rơi vào tay kẻ cướp. Chúng lột sạch người ấy, đánh nhừ tử, rồi bỏ đi, để mặc người ấy nửa sống nửa chết. Tình cờ, có thầy tư tế cũng đi xuống trên con đường ấy. Trông thấy người này, ông tránh qua bên kia mà đi. Rồi cũng thế, một thầy Lêvi đi tới chỗ ấy, cũng thấy, cũng tránh qua bên kia mà đi. Nhưng một người Samari kia đi đường, tới ngang chỗ người ấy, cũng thấy, và chạnh lòng thương. Ông ta lại gần, lấy dầu lấy rượu đổ lên vết thương cho người ấy và băng bó lại, rồi đặt người ấy trên lưng lừa của mình, đưa về quán trọ mà săn sóc. Hôm sau, ông lấy ra hai quan tiền, trao cho chủ quán và nói: ‘Nhờ bác săn sóc cho người này, có tốn kém thêm bao nhiêu, thì khi trở về, chính tôi sẽ hoàn lại bác.’ Vậy theo ông nghĩ, trong ba người đó, ai đã tỏ ra là người thân cận với người đã bị rơi vào tay kẻ cướp?’ Người thông luật trả lời: ‘Chính là kẻ đã thực thi lòng thương xót đối với người ấy’. Đức Giêsu bảo ông ta: ‘Ông hãy đi, và cũng hãy làm như vậy’”. (Lc 10,25-37).

Bối cảnh

57. Dụ ngôn trên liên quan đến một vấn đề rất xưa. Ngay sau khi tường thuật về sự sáng tạo ra thế giới và con người, Kinh Thánh đề cập đến vấn đề liên hệ giữa con người với nhau. Cain giết Abel em trai mình và sau đó nghe Thiên Chúa hỏi: "Abel, em trai của người, đâu?" (St 4: 9). Câu trả lời của anh ta là câu trả lời mà chính chúng ta cũng thường đưa ra: "Tôi có

phải là người canh giữ em trai tôi đâu?” (*đđ*). Do chính câu hỏi Người đã đặt ra, Thiên Chúa không dành chỗ nào để nại tới thuyết tiền định hay thuyết định mệnh hòng biện minh cho sự thờ ơ của chúng ta. Thay vào đó, Người khuyến khích chúng ta tạo ra một nền văn hóa khác, trong đó chúng ta giải quyết các xung đột và việc quan tâm đến nhau của chúng ta.

58. Sách Gióp coi nguồn gốc của chúng ta từ một Đấng Tạo Hóa duy nhất là nền tảng của một số quyền lợi chung: “Chẳng phải Đấng đã tạo ra tôi trong lòng mẹ cũng đã tạo nên anh ta đó sao? Và không phải cùng một Đấng ấy đã tượng hình chúng ta trong bụng mẹ đó sao? ” (*Gióp* 31:15). Nhiều thế kỷ sau, Thánh Irênê đã sử dụng hình ảnh giai điệu (*melody*) để đưa ra cùng một quan điểm: “Người tìm kiếm sự thật không nên tập trung vào các dị biệt giữa nốt này và nốt nọ, nghĩ như thể mỗi nốt nhạc được tạo ra tách biệt và cách biệt với các nốt nhạc khác; thay vào đó, họ nên nhận ra rằng cũng một người và cùng người đó đã sáng tác ra toàn bộ giai điệu” [54].

59. Trong các truyền thống Do Thái trước đây, mệnh lệnh yêu thương và chăm sóc người khác dường như chỉ giới hạn vào các mối liên hệ giữa các thành viên của cùng một quốc gia. Giới răn cổ xưa phải “yêu người lân cận như chính mình” (*Lev* 19:18) thường được hiểu như nói đến đồng bào của người ta, nhưng ranh giới dần dần được mở rộng, nhất là trong đạo Do Thái phát triển bên ngoài lãnh thổ Israel. Chúng ta gặp thấy mệnh lệnh đừng làm cho người khác điều bạn không muốn họ làm cho bạn (*xem Tb* 4:15). Vào thế kỷ thứ nhất trước Công nguyên, Giáo sĩ Hillel từng tuyên bố: “Đây là toàn bộ Kinh Torah. Mọi sự khác đều là bình luận” [55]. Mong muốn bắt chước cách hành động của Thiên Chúa dần dần thay thế xu hướng chỉ nghĩ đến những người ở gần chúng ta nhất: “Lòng cảm thương của con người dành cho người lân cận của họ, nhưng lòng cảm thương của Chúa dành cho mọi sinh vật” (*Hc* 18:13).

60. Trong Tân Ước, giới luật của Hillel đã được diễn tả bằng những từ ngữ tích cực: “Trong mọi việc, hãy làm cho người khác như bạn muốn họ làm cho bạn; vì đây là luật và các ngôn sứ” (*Mt* 7:12). Mệnh lệnh này có tính phổ quát về phạm vi, bao trùm mọi người trên cơ sở nhân tính chung của chúng ta, vì Cha trên trời “làm cho mặt trời của Người mọc trên người dữ và người lành” (*Mt* 5:45). Do đó, mà có lời kêu gọi “hãy thương xót như Cha anh em là Đấng thương xót” (*Lc* 6:36).

61. Trong các bản văn cổ nhất của Kinh Thánh, chúng ta tìm thấy lý do tại sao trái tim chúng ta nên mở rộng để đón nhận người xa lạ. Nó bắt nguồn từ ký ức bền bỉ của người Do Thái rằng chính họ đã từng sống như những người ngoại quốc ở Ai Cập:

“Người ngoại kiều, người không được ngược đãi và áp bức, vì chính các ngươi đã là ngoại kiều ở đất Ai Cập” (*Xh* 22:20).

“Người ngoại kiều, các ngươi không được áp bức; chính các ngươi đã biết thân phận của người ngoại kiều, vì các ngươi đã là ngoại kiều ở đất Ai-cập” (*Xh* 23: 9).

“Khi có ngoại kiều cư ngụ với (các) ngươi trong xứ các ngươi, các ngươi đừng bức hiếp nó. (Các) ngươi phải đối xử với người ngoại kiều cư ngụ với các ngươi như với một người bản xứ, một người trong các ngươi; (các) ngươi phải yêu nó như chính mình, vì các ngươi đã từng là ngoại kiều tại đất Ai Cập. Ta là ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của các ngươi” (*Lv* 19: 33-34).

“Khi hái nho, thì anh (em) không được mót lại; những trái còn sót dành cho ngoại kiều và cô nhi quả phụ. Anh em hãy nhớ mình đã làm nô lệ bên đất Ai Cập” (*Đnl* 24: 21-22).

Lời kêu gọi bước vào tình yêu huynh đệ vang vọng suốt bộ Tân Ước:

“Vì tất cả Lễ Luật được nên trọn trong điều răn duy nhất này là: Người phải yêu người thân cận như chính mình người”(Gl 5:14).

“Ai yêu thương anh em mình thì ở lại trong ánh sáng, và nơi người ấy không có gì nên có vấp phạm. Nhưng ai ghét anh em mình thì ở trong bóng tối và đi trong bóng tối mà chẳng biết mình đi đâu, vì bóng tối đã làm cho mắt người ấy ra mù quáng” (1 Ga 2,10-11).

“Chúng ta biết rằng: chúng ta đã từ cõi chết bước vào cõi sống, vì chúng ta yêu thương anh em. Kẻ không yêu thương, thì ở lại trong sự chết” (1 Ga 3:14).

“Ai không yêu anh hay chị em mà mình nhìn thấy, thì không thể yêu Thiên Chúa mà mình chưa thấy” (1 Ga 4:20).

62. Tuy nhiên, lời kêu gọi yêu thương này có thể bị hiểu lầm. Thánh Phaolô, nhận ra cơn cám dỗ của các cộng đồng Kitô hữu đầu tiên muốn thành lập các nhóm khép kín và cô lập, đã thúc giục các môn đệ của ngài trở vượt về tình yêu thương “với nhau và với mọi người” (1 Tx 3:12). Trong cộng đồng Thánh Gioan, các Kitô hữu đồng đạo phải được chào đón, “dù họ là những người xa lạ đối với anh em” (3 Ga 5). Trong bối cảnh này, chúng ta có thể hiểu rõ hơn ý nghĩa của dụ ngôn Người Samaritanô nhân hậu: tình yêu thương không quan tâm đến việc anh chị em đang gặp khó khăn phát xuất từ nơi này hay nơi nọ. Vì “tình yêu phá tan xiềng xích vốn khiến chúng ta bị cô lập và cách biệt; ở nơi họ, nó xây dựng các cây cầu. Tình yêu giúp chúng ta tạo ra một gia đình lớn lao, trong đó, tất cả chúng ta có thể cảm thấy như ở nhà... Tình yêu tràn chảy lòng cảm thương và phẩm giá” [56].

Bị bỏ rơi bên vệ đường

63. Chúa Giêsu kể câu chuyện về một người đàn ông bị kẻ trộm hành hung và nằm bị thương bên vệ đường. Một số người đi ngang qua ông ta, nhưng không dừng lại. Đây là những người nắm giữ các vị trí quan trọng trong xã hội, nhưng thiếu quan tâm thực sự đến lợi ích chung. Họ sẽ không lãng phí một vài phút để chăm sóc người đàn ông bị thương, hoặc thậm chí kêu gọi sự giúp đỡ. Chỉ có một người dừng lại, tới gần người đàn ông và đích thân chăm sóc ông ta, thậm chí chi tiền riêng của mình để cung cấp những gì ông ta cần. Người này cũng cho ông ấy một thứ mà trong thế giới điên cuồng của mình, chúng ta thường bám lấy thật chặt: ông đã cho ông ấy thời gian của mình. Chắc chắn, ông đã có kế hoạch riêng cho ngày hôm đó, những nhu cầu, cam kết và mong muốn của riêng ông. Tuy nhiên, ông đã có thể đặt tất cả những điều đó sang một bên khi đối diện với một người đang cần đến mình. Dù thậm chí không hề biết đến người đàn ông bị thương, ông vẫn thấy ông ta xứng đáng được ông dành thì giờ và sự quan tâm của ông.

64. Các bạn đồng nhất hóa với người nào trong số những người này? Câu hỏi này, một câu hỏi hết sức thẳng thừng, quả có tính trực tiếp và thâm thía. Các bạn giống với nhân vật nào trong số những nhân vật này? Chúng ta cần thừa nhận rằng chúng ta thường xuyên bị cám dỗ muốn phớt lờ người khác, nhất là những người yếu thế. Chúng ta hãy thừa nhận rằng, đối với mọi tiên bộ chúng ta đã đạt được, chúng ta vẫn còn “mù chữ” khi đụng tới việc đồng hành, chăm sóc và hỗ trợ những thành viên yếu đuối và dễ bị tổn thương nhất trong các xã hội phát triển của chúng ta. Chúng ta đã trở nên quen thuộc với việc nhìn đi hướng khác, bước qua, phớt lờ các tình huống cho đến khi chúng ảnh hưởng trực tiếp đến chúng ta.

65. Có người bị tấn công trên đường phố của chúng ta, và nhiều người vội vàng chạy đi như thể họ không nhìn thấy. Người ta tông xe vào ai đó rồi bỏ chạy khỏi hiện trường. Mong muốn duy nhất của họ là tránh lời thôi; Bất kể chuyện, vì lỗi của họ, mà một người khác có thể mất mạng. Tất cả những điều này là dấu hiệu của một cách tiếp cận cuộc sống đang lan tràn nhiều cách tính tế khác nhau. Hơn thế nữa, bị mắc kẹt bởi các nhu cầu của chính mình, cảnh tượng một người đang đau khổ làm phiền chúng ta. Nó khiến chúng ta không thoải mái vì chúng ta không có thời gian để lãng phí cho các vấn đề của người khác. Đây là những triệu chứng của một xã hội không lành mạnh. Một xã hội tìm kiếm sự thịnh vượng nhưng quay lưng với đau khổ.

66. Cầu mong chúng ta đừng chìm xuống những vực sâu như vậy! Chúng ta hãy nhìn vào gương sáng của Người Samaritanô nhân hậu. Dụ ngôn của Chúa Giêsu kêu gọi chúng ta khám phá lại ơn gọi của chúng ta như những công dân của các quốc gia liên hệ và của toàn thế giới, những người xây dựng mối liên kết xã hội mới mẻ. Lời triệu tập này luôn mới mẻ, nhưng nó dựa trên một quy luật căn bản của hữu thể chúng ta: chúng ta được kêu gọi hướng xã hội theo đuổi công ích và với mục đích này trong tâm trí, kiên trì củng cố trật tự chính trị và xã hội, kết cấu liên hệ của nó, các mục tiêu nhân bản của nó. Qua các hành động của mình, Người Samaritanô nhân hậu đã chứng tỏ rằng “Hiện hữu của mỗi cá nhân đều gắn chặt với hiện hữu của những người khác: cuộc sống không đơn giản chỉ là thời gian trôi qua; cuộc sống là thời gian cho những tương tác” [57].

67. Dụ ngôn trình bày một cách hùng hồn quyết định căn bản mà chúng ta cần thực hiện để xây dựng lại thế giới bị thương của chúng ta. Đối diện với quá nhiều đau đớn và khổ sở, đường đi duy nhất của chúng ta là noi gương Người Samaritanô nhân hậu. Bất cứ quyết định nào khác đều làm chúng ta trở thành một trong những tên cướp hoặc một trong những người đi ngang qua mà không biểu lộ lòng cảm thương trước những đau khổ của người đàn ông bên vệ đường. Câu chuyện ngụ ngôn cho chúng ta thấy một cộng đồng có thể được xây dựng lại ra sao bởi những người đàn ông và đàn bà biết đồng nhất hóa với tính dễ bị tổn thương của những người khác, biết bác bỏ việc tạo ra một xã hội loại trừ, và thay vào đó hành động như những người hàng xóm, nâng dậy và phục hồi những người vấp ngã vì lợi ích chung. Đồng thời, nó cảnh báo chúng ta về thái độ của những người chỉ nghĩ đến bản thân và không chung vai gánh vác những trách nhiệm không thể tránh khỏi trong cuộc sống như đang diễn ra.

68. Dụ ngôn rõ ràng không bằng lòng với việc giảng đạo đức trừu tượng, mà thông điệp của nó cũng không chỉ mang tính xã hội và đạo đức. Nó nói với chúng ta về một khía cạnh thiết yếu và thường bị lãng quên của nhân tính chung của chúng ta: chúng ta được tạo dựng để đạt được sự viên mãn mà chỉ có thể tìm thấy trong tình yêu. Chúng ta không thể thờ ơ với đau khổ; chúng ta không thể để bất cứ ai kinh qua cuộc sống như một kẻ bị ruồng bỏ. Thay vào đó, chúng ta nên cảm thấy phần nộ, bị thách thức thoát khỏi sự cô lập thoải mái của chúng ta và được thay đổi khi tiếp xúc với những đau khổ của con người. Đó là ý nghĩa của phẩm giá.

Một câu chuyện được kể lại không ngừng

69. Dụ ngôn trên rõ ràng và thẳng thắn, nhưng nó cũng gợi lên cuộc đấu tranh nội tâm mà mỗi người chúng ta đều cảm nghiệm khi chúng ta dần dần hiểu được chính bản thân mình qua các mối liên hệ với anh chị em của mình. Không sớm thì muộn, chúng ta đều sẽ gặp một người đau khổ. Ngày nay càng ngày càng có nhiều người như họ. Quyết định bao gồm hoặc loại trừ những người nằm bị thương bên vệ đường có thể được dùng làm tiêu chuẩn để đánh giá mọi dự án kinh tế, chính trị, xã hội và tôn giáo. Mỗi ngày, chúng ta phải quyết định trở

thành Người Samaritanô nhân hậu hay thành những người bàng quan thờ ơ. Và nếu chúng ta chịu nhìn vào lịch sử cuộc sống của chính mình và của toàn thế giới, tất cả chúng ta đều giống, hay từng giống, mỗi nhân vật trong câu chuyện dụ ngôn. Tất cả chúng ta đều có trong mình một điều gì đó của người đàn ông bị thương, một điều gì đó của tên cướp, một điều gì đó của những người qua đường, và một điều gì đó của người Samaritanô nhân hậu.

70. Điều đáng chú ý là cách các nhân vật khác nhau trong câu chuyện thay đổi, khi phải đối diện với cảnh tượng đau đớn của người đàn ông khốn khổ bên vệ đường. Các phân biệt giữa người Giuđêa và người Samaria, giữa thầy tư tế và thương gia, mờ dần ý nghĩa. Bây giờ chỉ còn hai loại người: những người chăm sóc một ai đó đang bị thương tích và những người đi ngang qua; những người cúi xuống giúp đỡ và những người nhìn đi hướng khác và vội vàng bỏ đi. Ở đây, mọi phân biệt, mọi nhãn hiệu và mặt nạ của chúng ta đều rơi xuống: đây là khoảnh khắc của sự thật. Liệu chúng ta có cúi xuống để chạm vào và chữa lành vết thương của người khác không? Liệu chúng ta có cúi xuống và giúp người khác đứng lên không? Đây là thách thức hiện nay và chúng ta không nên sợ hãi khi đối đầu với nó. Trong thời điểm khủng hoảng, các quyết định trở nên cấp thiết. Có thể nói rằng, ở đây và bây giờ, bất cứ ai không phải là kẻ trộm cướp hay người qua đường, đều là người bị thương hoặc đang mang người bị thương trên vai.

71. Câu chuyện về Người Samaritanô nhân hậu không ngừng được nhắc đi nhắc lại. Chúng ta có thể thấy điều này rõ ràng vì sức trì trệ chính trị và xã hội đang biến nhiều nơi trên thế giới của chúng ta thành một đường phụ hoang vắng, ngay cả khi các tranh chấp quốc nội và quốc tế và việc cướp đi các cơ hội đang khiến một số lượng lớn người bị gạt ra bên lề đường. Trong dụ ngôn của Người, Chúa Giêsu không đưa ra những lựa chọn thay thế; Người không hỏi điều gì sẽ xảy ra nếu người đàn ông bị thương hoặc người đã giúp ông ta nghiêng về phía tức giận hoặc khao khát trả thù. Chúa Giêsu tin tưởng vào điều tốt nhất của tinh thần con người; Với dụ ngôn này, Người khuyến khích chúng ta kiên trì trong yêu thương, khôi phục phẩm giá cho những người đau khổ và xây dựng một xã hội xứng đáng với tên gọi.

Các nhân vật của câu chuyện

72. Dụ ngôn bắt đầu với những tên cướp. Chúa Giêsu chọn bắt đầu câu chuyện khi vụ cướp đã xảy ra, kéo chúng ta chăm chú vào chính tội ác hoặc những kẻ trộm đã phạm tội ác đó. Tuy nhiên, chúng ta biết rõ những người đó. Chúng ta đã thấy, đang tiến bước trong thế giới của chúng ta là những bóng đen của sự bỏ rơi và bạo lực nhằm phục vụ các quyền lợi nhỏ mọn của quyền lực, thu góp và chia rẽ. Câu hỏi thực sự là: chúng ta sẽ bỏ rơi người đàn ông bị thương để chạy tìm nơi trú ẩn khỏi bạo lực, hay chúng ta sẽ truy đuổi những tên cướp? Liệu người đàn ông bị thương có kết cục trở thành người biện minh cho các chia rẽ không thể hàn gắn, sự thờ ơ tàn nhẫn của chúng ta, các xung đột nội bộ của chúng ta hay không?

73. Sau đó, dụ ngôn yêu cầu chúng ta xem xét kỹ hơn những người qua đường. Sự thờ ơ lo lắng khiến họ bước qua phía bên kia đường – bất kể là vô tội hay không, bất kể là do khinh bỉ hay chỉ là do lơ đãng - khiến thầy tư tế và thầy Lêvi trở thành một hình ảnh phản chiếu đáng buồn khoảng cách ngày càng lớn giữa chúng ta và thế giới xung quanh. Có nhiều cách để bước qua ở một khoảng cách an toàn: chúng ta có thể rút vào chính mình, phớt lờ người khác, hoặc thờ ơ với cảnh ngộ của họ. Hoặc chỉ đơn giản nhìn đi nơi khác, như ở một số quốc gia, hoặc một số khu vực của họ, có sự khinh miệt đối với người nghèo và văn hóa của họ, và người ta nhìn đi chỗ khác, như thể một kế hoạch phát triển được nhập từ bên ngoài sẽ đẩy lui họ. Đây là cách một số người biện minh cho sự thờ ơ của họ: người nghèo, những người mà những lời cầu xin giúp đỡ có thể chạm đến trái tim của họ, đơn giản không hiện hữu. Người

nghèo nằm ngoài phạm vi quan tâm của họ.



74. Về những người qua đường, ta thấy một chi tiết nổi bật: họ là người tôn giáo, tận tâm thờ phượng Chúa: một tư tế và một thầy Lêvi. Không nên bỏ qua chi tiết này. Nó cho thấy niềm tin vào Thiên Chúa và sự thờ phượng Thiên Chúa không đủ để bảo đảm rằng chúng ta đang thực sự sống đẹp lòng Thiên Chúa. Một tín hữu có thể không chân thật đối với mọi điều được đức tin của họ đòi hỏi nơi họ, nhưng vẫn nghĩ rằng họ gần gũi với Thiên Chúa và tốt hơn những người khác.

Mặt khác, có những cách sống đức tin tạo điều kiện cho việc cởi mở đối với người khác; và lối này mới bảo đảm việc cởi mở đích thực đối với Thiên Chúa. Thánh Gioan Chrysostom đã phát biểu điều này một cách sắc cạnh khi ngài thách thức các Kitô hữu nghe ngài rằng: “anh chị em có muốn tôn vinh thân thể của Đấng Cứu Thế không? Đừng khinh thường nó khi nó trần truồng. Đừng tôn vinh nó trong nhà thờ với lễ phục bằng lụa trong khi ở bên ngoài nó trần truồng và tê cóng vì lạnh” [58]. Nghịch lý thay, những người cho mình là người không tin đôi khi có thể thực hành ý muốn của Thiên Chúa tốt hơn các tín hữu.

75. “Kẻ cướp” thường tìm đồng minh bí mật ở những người “đi ngang qua và nhìn đi hướng khác”. Có một sự tương tác nào đó giữa những kẻ thao túng và lừa đảo xã hội, và những người, trong khi tự cho mình là những người chỉ trích khách quan và vô tư, nhưng thực ra sống dựa nhờ hệ thống đó và các lợi ích của nó. Có một sự đạo đức giả đáng buồn khi quyền đặc miễn tội phạm, việc sử dụng các định chế để trục lợi cá nhân hoặc tập đoàn, và những tệ nạn khác dường như không thể diệt trừ được, thường đi kèm với việc chỉ trích không ngừng về đủ mọi chuyện, một việc không ngừng gieo rắc nghi ngờ dẫn đến việc mất lòng tin và nhầm lẫn. Khiếu nại cho rằng “mọi sự đều đã đổ vỡ” được trả lời bằng chủ trương cho là “nó không thể sửa được” hoặc “tôi làm gì được?” Điều này càng làm gia tăng sự vỡ mộng và tuyệt vọng, và khó mà khuyến khích tinh thần liên đới và quảng đại. Dẫn sâu con người vào tuyệt vọng khép lại một vòng tròn hoàn toàn sai trái: đó là nghị trình của nền độc tài vô hình của các quyền lợi giấu mặt đã giành được quyền làm chủ cả các tài nguyên lẫn khả thể suy nghĩ và bày tỏ ý kiến.

76. Cuối cùng chúng ta hãy hướng về người đàn ông bị thương. Có những lúc chúng ta cảm thấy như ông ta, bị tổn thương nặng nề và bị bỏ lại ở vệ đường. Chúng ta cũng có thể cảm thấy bất lực vì các định chế của chúng ta bị bỏ bê và thiếu tài nguyên, hoặc chỉ đơn giản phục vụ lợi ích của một thiểu số, bên ngoài và bên trong. Thật vậy, “xã hội hoàn cầu hóa thường có một cách chuyển dịch cái nhìn một cách tao nhã. Dưới chiêu bài chính xác về chính trị hay hợp thời thượng ý thức hệ, chúng ta chỉ nhìn những người đau khổ chứ không chạm vào họ. Chúng ta truyền hình trực tiếp các hình ảnh về họ, thậm chí nói về họ bằng nhiều uyển ngữ và đầy khoan dung biểu kiến” [59].

Bắt đầu lại

77. Mỗi ngày đều mang đến cho chúng ta một cơ hội mới, một khả thể mới. Chúng ta không nên mong đợi mọi sự từ những người cai trị chúng ta, vì điều đó có tính con nít. Chúng ta có không gian cần thiết để cùng chịu trách nhiệm trong việc tạo ra và áp dụng các diễn trình và

thay đổi mới. Chúng ta hãy tham gia tích cực vào việc đổi mới và hỗ trợ các xã hội đang gặp khó khăn của chúng ta. Hôm nay, chúng ta có cơ hội lớn để phát biểu tình huynh đệ bầm sinh của mình, trở thành những Người Samaritanô nhân hậu, những người gánh nỗi đau rắc rối của người khác thay vì xúi giục lòng căm thù và oán giận lớn hơn. Giống như người du hành tình cờ trong dụ ngôn, chúng ta chỉ cần có lòng mong muốn thuần túy và đơn giản được là một dân tộc, một cộng đồng, không ngừng và không mệt mỏi cố gắng bao gồm, hòa nhập và nâng đỡ những người vấp ngã. Có thể chúng ta thường thấy mình rơi vào nỗi trạng của những kẻ bạo lực, tham vọng một cách mù quáng, những kẻ gieo rắc ngờ vực và dối trá. Có thể những người khác cứ tiếp tục coi chính trị hoặc kinh tế như một đấu trường cho những cuộc chơi quyền lực của họ. Về phần mình, chúng ta hãy cố vũ điều tốt và đặt mình phục vụ nó.

78. Chúng ta có thể bắt đầu từ bên dưới và tùy từng trường hợp, hành động ở các bình diện cụ thể nhất và có tính địa phương, và, sau đó mở rộng đến những vùng xa xôi nhất của đất nước và thế giới của chúng ta, với cùng sự quan tâm và chăm sóc mà người Samaritanô đã biểu lộ với từng vết thương của người đàn ông bị thương. Chúng ta hãy tìm kiếm người khác và đón nhận thể giới trong hiện trạng của có, mà không sợ đau đớn hay cảm thức bất cập, vì ở đó chúng ta sẽ khám phá ra tất cả những điều tốt lành mà Thiên Chúa đã gieo trồng vào lòng con người. Những khó khăn tưởng chừng như quá sức lại là cơ hội để phát triển, chứ không phải là lý do bào chữa cho một sự nhần nhục ử rử chỉ có thể dẫn đến sự phục tùng. Tuy nhiên, chúng ta đừng làm điều này một mình, với tư cách cá nhân. Người Samaritanô đã phát hiện được một người chủ quán vui lòng chăm sóc người đàn ông; chúng ta cũng được kêu gọi đoàn kết như một gia đình mạnh hơn tổng số các thành viên cá thể nhỏ mọn. Vì “toàn thể lớn hơn bộ phận, nhưng nó cũng lớn hơn tổng số các bộ phận của nó” [60]. Chúng ta hãy từ bỏ óc nhỏ nhen và oán giận của cuộc chiến nội bộ vô bổ và không ngừng đối kháng. Chúng ta hãy ngưng việc thương hại mình để thừa nhận tội ác, sự thờ ơ, các dối trá của mình. Sự đền bù và hòa giải sẽ mang lại cho chúng ta cuộc sống mới và giải thoát chúng ta khỏi sự sợ hãi.

79. Người Samaritanô, người đã dừng lại dọc đường, đã lên đường mà không hề mong đợi được công nhận hay biết ơn. Nỗ lực giúp đỡ một người khác của ông đã mang lại cho ông một sự hài lòng to lớn trong cuộc sống và trước mặt Thiên Chúa của ông, và do đó trở thành một nghĩa vụ. Tất cả chúng ta đều có trách nhiệm đối với những người bị thương, những người của dân tộc chúng ta và của mọi dân tộc trên trái đất. Chúng ta hãy quan tâm đến nhu cầu của mọi người nam và người nữ, người trẻ và người già, với cùng một tinh thần chăm sóc và gần gũi huynh đệ từng lên đặc điểm cho người Samaritanô nhân hậu.

80. Chúa Giêsu kể dụ ngôn Người Samaritanô nhân hậu để trả lời cho câu hỏi: Ai là người hàng xóm của tôi? Chữ “người hàng xóm”, trong xã hội thời Chúa Giêsu, thường có nghĩa là những người gần chúng ta nhất. Người ta cảm thấy sự giúp đỡ chủ yếu nên được dành cho những người thuộc nhóm và chủng tộc riêng của mình. Đối với một số người Do Thái thời đó, người Samaritanô bị coi thường, bị coi là không trong sạch. Họ không nằm trong số những người phải giúp đỡ. Chúa Giêsu, bản thân là một người Do Thái, hoàn toàn biến đổi cách tiếp cận này. Người yêu cầu chúng ta không nên quyết định xem ai là người đủ gần gũi để trở thành người hàng xóm của chúng ta, mà đúng hơn chính chúng ta phải trở thành người hàng xóm cho mọi người.

81. Chúa Giêsu yêu cầu chúng ta hiện diện với những người cần giúp đỡ, bất kể họ có thuộc nhóm xã hội của chúng ta hay không. Trong trường hợp này, người Samaritanô trở thành hàng xóm của người Giuđêa bị thương. Bằng cách tiếp cận và làm cho mình hiện diện, ông đã vượt qua mọi rào cản về văn hóa và lịch sử. Chúa Giêsu kết thúc dụ ngôn bằng câu: “Hãy

đi và làm như vậy” (Lc 10:37). Nói cách khác, Người thách thức chúng ta gạt bỏ mọi dị biệt và, đứng trước đau khổ, sẵn sàng đến gần người khác mà không cần thắc mắc. Tôi không nên nói tôi có người hàng xóm để giúp đỡ, mà bản thân tôi phải là người hàng xóm cho người khác.

82. Tuy nhiên, dụ ngôn này có làm ta bối rối, vì Chúa Giêsu nói rằng người bị thương là người Giuđêa, trong khi người dừng lại và giúp đỡ ông ta là người Samaria. Chi tiết này khá có ý nghĩa đối với sự suy giảm của chúng ta về một tình yêu bao gồm mọi người. Người Samaria sống trong một khu vực thực hành các nghi lễ ngoại giáo. Đối với người Do Thái, điều này khiến họ trở nên ô uế, đáng ghét và nguy hiểm. Thực tế, một bản văn cổ Do Thái đề cập đến các quốc gia bị ghét bỏ, nói về Samaria “thậm chí không phải là một dân tộc” (Hc 50:25); nó cũng nhắc đến “dân ngu xuẩn sống ở Shechem” (50:26).

83. Điều này giải thích tại sao một phụ nữ Samaria, khi được Chúa Giêsu xin uống nước, đã trả lời cộc lốc: “Làm sao mà ông, một người Do Thái, lại xin nước uống của tôi, một phụ nữ Samaria?” (Ga 4: 9). Lời buộc tội xúc phạm nhất mà những ai tìm cách làm mất uy tín của Chúa Giêsu có thể đưa ra là Người bị “quí ám” và là “người Samaritanô” (Ga 8:48). Vì vậy, cuộc gặp gỡ lòng thương xót này giữa một người Samaritanô và một người Do Thái có tính kích thích; nó không chừa chỗ cho sự thao túng ý thức hệ và thách thức chúng ta mở rộng biên giới của chúng ta. Nó mang lại một chiều kích phổ quát cho ơn gọi yêu thương của chúng ta, một chiều kích vượt quá mọi định kiến, mọi rào cản lịch sử và văn hóa, mọi quyền lợi nhỏ nhất.

Lời nài xin của người khách lạ

84. Cuối cùng, tôi xin lưu ý rằng trong một đoạn Tin Mừng khác, Chúa Giêsu nói: “Ta là khách lạ và các con đã đón tiếp Ta” (Mt 25:35). Chúa Giêsu có thể nói những lời đó vì Người có tấm lòng rộng mở, nhạy cảm đối với các khó khăn của người khác. Thánh Phaolô thúc giục chúng ta hãy “vui với người vui, khóc với người khóc” (Rm 12:15). Khi trái tim chúng ta làm được điều này, chúng có khả năng đồng nhất với những người khác mà không cần lo lắng về việc họ sinh ra hoặc phát xuất từ đâu. Trong khi đó, chúng ta cảm nghiệm được người khác như là “thịt máu của chính mình” (Is 58: 7).

85. Đối với các Kitô hữu, lời lẽ của Chúa Giêsu còn có một ý nghĩa sâu xa hơn nữa. Chúng buộc chúng ta phải nhận ra chính Chúa Kitô trong mỗi người anh chị em bị bỏ rơi hoặc bị loại trừ (x. Mt 25: 40,45). Đức tin có năng lực vô hạn trong việc truyền cảm hứng và duy trì lòng tôn trọng của chúng ta đối với người khác, vì các tín hữu biết rằng Thiên Chúa yêu mọi người nam nữ bằng một tình yêu vô hạn và “do đó ban cho nhân loại phẩm giá vô hạn” [61]. Chúng ta cũng tin rằng Chúa Kitô đã đổ máu mình vì mỗi người chúng ta và không ai nằm ngoài phạm vi tình yêu phổ quát của Người. Nếu chúng ta đi đến nguồn gốc cuối cùng của tình yêu đó, một tình yêu vốn là chính sự sống của Thiên Chúa ba ngôi, chúng ta sẽ gặp trong cộng đồng Ba Ngôi Thiên Chúa nguồn gốc và hình mẫu hoàn hảo của mọi cuộc sống xã hội. Thần học tiếp tục được phong phú hóa bởi sự suy tư của nó về sự thật vĩ đại này.

86. Đôi khi tôi tự hỏi tại sao, dưới ánh sáng của điều này, phải mất quá nhiều thời gian để Giáo hội có thể dứt khoát lên án chế độ nô lệ và các hình thức bạo lực khác nhau. Ngày nay, với nền linh đạo và thần học phát triển của chúng ta, chúng ta không có lý do gì để bào chữa. Tuy nhiên, vẫn có những người dường như cảm thấy được khuyến khích hoặc ít nhất được đức tin cho phép ủng hộ hàng loạt các chủ nghĩa duy dân tộc đầy hẹp hòi và bạo lực, bài ngoại và khinh miệt, và thậm chí cả việc ngược đãi những người khác biệt. Đức tin, và chủ

nghĩa nhân bản được đức tin truyền cảm hứng, phải duy trì một cảm thức có phê phán khi đứng trước những khuynh hướng này, và đưa ra phản ứng ngay lập tức bất cứ khi nào chúng xuất đầu lộ diện. Vì lý do này, điều quan trọng là việc dạy giáo lý và thuyết giảng phải nói một cách trực tiếp và rõ ràng hơn về ý nghĩa xã hội của hiện sinh, chiều kích huynh đệ của linh đạo, niềm xác tín của chúng ta về phẩm giá bất khả chuyển nhượng của mỗi con người, và các lý do khiến chúng ta yêu thương và chấp nhận mọi anh chị em của mình.

CHƯƠNG BA: DỰ KIẾN VÀ PHÁT SINH MỘT THẾ GIỚI CỎI MỎ

87. Con người được tạo ra theo cách họ không thể sống, phát triển và tìm thấy sự viên mãn ngoại trừ “trong việc tự hiến chân thành cho người khác” [62]. Họ cũng không thể nhận biết đầy đủ về bản thân ngoài cuộc gặp gỡ với người khác: “Tôi chỉ thông đạt hữu hiệu với chính tôi trong chừng mực tôi thông đạt với người khác” [63]. Không ai có thể cảm nghiệm được vẻ đẹp thực sự của đời sống mà không liên hệ với người khác, mà không có khuôn mặt thực sự để yêu thương. Đây là một phần trong mầu nhiệm của hiện sinh nhân bản đích thực. “Sự sống hiện hữu ở nơi có sự gắn bó, có hiệp thông, có tình huynh đệ; và sự sống thì mạnh mẽ hơn sự chết khi nó được xây dựng trên những mối liên hệ thực sự và đây nối kết thủy chung. Ngược lại, sẽ không có sự sống nào khi chúng ta tự cho mình là đủ và sống như những hòn đảo: trong những thái độ này, sự chết chiếm ưu thế” [64].

VƯỢT QUÁ CHÍNH CHÚNG TA

88. Trong thăm sâu mỗi trái tim, tình yêu tạo ra mối liên kết và mở rộng hiện sinh, vì nó lôi kéo người ta ra khỏi chính mình và hướng tới người khác [65]. Vì chúng ta được tạo ra để yêu thương, nên trong mỗi chúng ta xem ra đều có “luật *ekstasis* [ra khỏi mình]” vận hành: “người yêu ‘đi ra ngoài’ bản thân để tìm một sự hiện hữu trọn vẹn hơn nơi một người khác” [66]. Vì lý do này, “con người luôn phải đón nhận thách đố vượt quá chính mình” [67].

89. Tôi cũng không thể giản lược cuộc sống tôi vào các mối liên hệ với một nhóm nhỏ, thậm chí với gia đình riêng của mình; tôi không thể biết mình ngoài một mạng lưới liên hệ rộng lớn hơn, bao gồm cả những mối liên hệ có trước và lên khuôn cho cả cuộc đời tôi. Mối liên hệ của tôi với những người tôi tôn trọng phải lưu ý đến sự kiện này là họ không sống chỉ vì tôi, cũng không phải tôi sống chỉ vì họ. Các mối liên hệ của chúng ta, muốn lành mạnh và chân thực, phải cởi mở chúng ta đón nhận những người khác, những người vốn làm chúng ta lớn thêm và làm giàu chúng ta. Ngày nay, cảm thức xã hội cao quý nhất của chúng ta dễ dàng bị giản lược thành số không nhường chỗ cho những dây liên kết vị kỷ chuyên chuộng về bề ngoài của những liên hệ sâu sắc. Ngược lại, tình yêu đích thực và trưởng thành và tình bạn chân chính chỉ có thể bén rễ trong những trái tim sẵn sàng để mình được nên trọn vẹn. Sự kiện kết hôn hay trở thành bạn bè phải mở cõi lòng ta cho những giới khác giúp ta khả năng bước ra khỏi chính mình một cách có thể đón nhận mọi người. Các nhóm khép kín và các cặp vợ chồng chỉ quan tâm đến mình, tức những người thiết lập một “cái chúng tôi” trong thế đối lập với người khác, thường là các hình thức lý tưởng hóa của ích kỷ và chỉ lo bảo tồn mình không hơn không kém.

90. Đáng chú ý là nhiều cộng đồng nhỏ sống trong các vùng sa mạc đã phát triển một hệ thống đáng chú ý chào đón những người hành hương như một việc thực thi nghĩa vụ hiếu khách thánh thiêng. Các cộng đồng đơn tu thời Trung cổ cũng làm như vậy, như chúng ta thấy trong Luật Dòng của Thánh Bênêđictô. Dù thừa nhận rằng điều đó có thể làm sao lãng kỷ luật và sự im lặng của các đan viện, nhưng Thánh Bênêđictô vẫn nhấn mạnh rằng “người nghèo và các khách hành hương phải được đối xử một cách hết sức quan tâm và lưu ý” [68].

Sự hiếu khách là một cách cụ thể chấp nhận thách thức và hiến thân hiện diện trong cuộc gặp gỡ với những người nằm bên ngoài vòng kết nối của chính ta. Các đan sĩ nhận ra rằng các giá trị họ tìm cách trau dồi phải đi kèm với sự sẵn sàng vượt quá bản thân để cởi mở với người khác.

Giá trị đạo đức của tình yêu

91. Người ta có thể phát triển một số thói quen nào đó bề ngoài giống như các giá trị đạo đức: mạnh mẽ, tiết độ, chăm chỉ và các nhân đức tương tự. Tuy nhiên, nếu các hành vi nhân đức luân lý khác nhau phải được điều hướng một cách đúng đắn, thì người ta cần phải lưu ý đến mức độ chúng cổ vũ sự cởi mở và kết hợp với những người khác. Ta có thể làm điều đó trở thành khả hữu nhờ đức ái Thiên Chúa đã phú ban. Không có đức ái, có lẽ chúng ta chỉ có những nhân đức bề ngoài, không có khả năng nâng đỡ cuộc sống chung. Do đó, Thánh Tôma Aquinô đã có thể nói, khi trích dẫn lời của Thánh Augustinô, rằng tính khí của một người tham lam không có cách chi nhân đức cho được [69]. Về phần mình, thánh Bonaventura giải thích rằng các nhân đức khác, nếu không có đức ái, nói đúng ra, là không chu toàn các điều răn “theo cách Thiên Chúa muốn chúng được chu toàn” [70].

92. Tầm vóc tinh thần của đời người được đo bằng tình yêu thương, một thứ tình, trước sau, vẫn là “tiêu chuẩn để xác định dứt khoát về giá trị hay vô giá trị của đời người” [71]. Tuy nhiên, một số tín hữu nghĩ rằng nó hệ ở việc áp đặt ý thức hệ riêng của họ lên mọi người khác, hoặc ở việc bảo vệ sự thật một cách bạo lực, hoặc trong những cuộc biểu dương sức mạnh đầy ấn tượng. Tất cả chúng ta, trong tư cách tín hữu, cần phải nhìn nhận rằng tình yêu chiếm vị trí hàng đầu: tình yêu không bao giờ được đặt vào thế nguy cơ, và nguy cơ lớn nhất chính là việc không yêu thương (x. 1Cr 13:1-13).

93. Thánh Tôma Aquinô đã tìm cách mô tả tình yêu mà ơn thánh Thiên Chúa vốn làm cho khả hữu như một chuyển động dẫn chúng ta tập trung chú ý vào một người khác, bằng cách “đồng nhất hóa họ với chính mình” [72]. Tình cảm của chúng ta dành cho người khác khiến chúng ta tự do khao khát tìm kiếm điều tốt đẹp cho họ một cách nhưng không. Tất cả những điều này bắt nguồn từ cảm thức quý mến, biết đánh giá cao giá trị của người khác. Cuối cùng, đó chính là ý tưởng đứng đằng sau chữ “bác ái”: những người được yêu rất “đắt giá” đối với tôi; nghĩa là “họ được định giá rất cao” [73]. Và “tình yêu nhờ đó một người nào đó trở nên đẹp lòng (*grata*) một người khác là lý do tại sao người khác này trao cho họ một thứ gì đó một cách nhưng không (*gratis*)” [74].

94. Vậy thì tình yêu không chỉ là một chuỗi các hành động nhân từ. Những hành động này có nguồn gốc từ sự kết hợp ngày càng hướng tới những người khác, coi họ có giá trị, xứng đáng, đẹp lòng và đẹp đẽ bất chấp đáng về thể lý hay đạo đức của họ. Tình yêu của chúng ta đối với người khác, đối với con người hiện thực của họ, thúc đẩy chúng ta tìm kiếm điều tốt nhất cho cuộc sống của họ. Chỉ bằng cách nuôi dưỡng cách liên hệ với nhau này, chúng ta mới tạo ra một tình bạn xã hội không loại trừ ai và một tình huynh đệ cởi mở chào đón mọi người.

TÌNH YÊU MỖI NGÀY MỖI CỞI MỞ HƠN

95. Tình yêu, sau cùng, thúc đẩy chúng ta tiến tới sự hiệp thông phổ quát. Không ai có thể trưởng thành hoặc tìm thấy sự viên mãn bằng cách tự cô lập mình. Tự bản chất của nó, tình yêu đòi một tính cởi mở ngày một tăng tiến, một khả năng lớn hơn đón nhận người khác, trong cuộc phiêu lưu liên tục, một cuộc phiêu lưu hướng mọi vùng ngoại vi tới một cảm thức thực sự thuộc về nhau. Chúa Giêsu từng nói với chúng ta: “Các con đều là anh em” (Mt 23:

8).

96. Nhu cầu phải vượt quá các giới hạn của chính chúng ta cũng áp dụng vào các khu vực và quốc gia khác nhau. Thật vậy, “số lượng ngày càng gia tăng các nối kết qua lại và truyền thông trong thế giới ngày nay khiến chúng ta ý thức mạnh mẽ được tính thống nhất và vận mệnh chung của các quốc gia. Trong năng động tính của lịch sử, và trong sự đa dạng của các nhóm sắc tộc, các xã hội và nền văn hóa, chúng ta thấy những mầm mống của một ơn gọi tạo ra một cộng đồng gồm những anh chị em biết chấp nhận và chăm sóc lẫn nhau” [75].

Các xã hội cởi mở hòa nhập mọi người

97. Một số vùng ngoại vi gần với chúng ta, trong các trung tâm thành phố hoặc trong các gia đình của chúng ta. Do đó, trong tình yêu có tính hiện sinh hơn địa lý, có khía cạnh cởi mở phổ quát. Nó liên quan đến các cố gắng hàng ngày của chúng ta muốn mở rộng vòng nối kết bạn bè, vươn tay ra với những người, dù họ vốn gần gũi với tôi, nhưng tôi không tự nhiên coi họ như một phần trong vòng quan tâm của tôi. Mỗi anh chị em gặp khó khăn, khi bị xã hội nơi tôi đang sống bỏ rơi hoặc phớt lờ, đều trở thành một người ngoại quốc về phương diện hiện sinh, mặc dù cùng sinh ra trong cùng một đất nước. Họ có thể là công dân với đầy đủ quyền lợi, nhưng họ bị đối xử như người nước ngoài trong chính đất nước của họ. Phân biệt chủng tộc là một loại virút biến đổi (mutate) nhanh chóng và thay vì biến mất, chỉ ẩn núp và chờ đợi tái xuất.

98. Tôi muốn đề cập đến một số “người lưu vong giấu mặt” bị coi như những bộ phận ngoại nhân trong xã hội [76]. Nhiều người khuyết tật “cảm thấy họ hiện hữu mà không thuộc về ai và không tham gia vào đâu cả”. Phần lớn vẫn ngăn cản họ quyền được bỏ phiếu hoàn toàn. Mối quan tâm của chúng ta không phải chỉ chăm sóc họ mà còn bảo đảm để họ “tham gia tích cực vào cộng đồng dân sự và giáo hội. Đó là một diễn trình đòi hỏi và thậm chí gây mệt mỏi, nhưng là một diễn trình sẽ dần dần góp phần đào tạo lương tâm biết thừa nhận mỗi cá nhân như một con người độc đáo và không thể lặp lại”. Tôi cũng nghĩ tới “những người già, những người cũng do khuyết tật của họ, đôi khi bị coi như gánh nặng”. Tuy nhiên, mỗi người trong số họ có thể cống hiến “một đóng góp độc đáo cho lợi ích chung qua những câu chuyện đáng chú ý về cuộc sống của họ”. Tôi xin nhắc lại: chúng ta cần có “can đảm để đem lại tiếng nói cho những người bị kỳ thị do sự khuyết tật của họ, bởi vì đáng buồn thay, ở một số quốc gia, ngay cả lúc này, người ta khó thừa nhận họ là những người có phẩm giá bình đẳng” [77].

Những hiểu biết bất cập về tình yêu phổ quát

99. Một tình yêu có khả năng vượt quá biên giới là cơ sở cho điều mà ở mọi thành phố và quốc gia có thể gọi là “tình bạn xã hội”. Tình bạn xã hội chân chính trong một xã hội làm cho sự cởi mở phổ quát thực sự trở nên khả hữu. Điều này rất khác xa với chủ nghĩa phổ quát sai lầm của những người thường xuyên đi du lịch nước ngoài vì họ không thể bao dung hoặc yêu thương người dân của chính họ. Những người coi thường đồng bào mình có xu hướng tạo ra trong xã hội những hạng người hạng nhất và hạng hai, những người có phẩm giá cao hơn hoặc kém hơn, những người được hưởng nhiều quyền hơn hoặc ít hơn. Bằng cách này, họ phủ nhận việc có chỗ dành cho mọi người.

100. Chắc chắn, tôi không đề nghị một chủ nghĩa phổ quát độc đoán và trừu tượng, được nghĩ ra hoặc lên kế hoạch bởi một nhóm nhỏ và được trình bày như một lý tưởng nhằm mục đích san bằng, thống trị và cướp bóc. Thực tế, một mô hình hoàn cầu hóa “ý thức nhằm đạt tới sự độc dạng chỉ có một chiều và tìm cách xóa bỏ mọi khác biệt và truyền thống trong một cuộc

muu cầu thống nhất phiến diện... Nếu một loại hoàn cầu hóa nào đó có cao vọng san bằng mọi người, như thể đây là một trái cầu, thì thứ hoàn cầu hóa ấy sẽ phá hủy sự phong phú cũng như tính đặc thù của mỗi con người và mỗi dân tộc” [78]. Chủ nghĩa phổ quát sai lầm này kết cục tước đoạt của thế giới các màu sắc khác nhau, vẻ đẹp của nó và, cuối cùng, nhân tính của nó. Vì “tương lai không đơn sắc; nếu chúng ta can đảm, chúng ta có thể chiêm ngắm nó trong tất cả vẻ khác nhau và đa dạng của những gì mỗi cá nhân có dịp cung hiến. Gia đình nhân loại của chúng ta cần học hỏi xiết bao cách chung sống hòa thuận và bình an, nhưng không cần tất cả chúng ta đều giống y như nhau!” [79].

VƯỢT QUÁ MỘT THẾ GIỚI "NHỮNG KẺ ĐỒNG HỘI"

101. Bây giờ chúng ta hãy quay lại với dụ ngôn Người Samaritanô nhân hậu, vì nó vẫn còn nhiều điều để nói với chúng ta. Một người đàn ông bị thương nằm bên vệ đường. Những người đi ngang qua ông không để ý đến lời hiệu triệu bên trong phải hành động như những người hàng xóm; họ quan tâm đến các nghĩa vụ, địa vị xã hội, vị thế nghề nghiệp của họ trong xã hội. Họ coi mình là người quan trọng đối với xã hội đương thời, và lo lắng đóng vai trò thích hợp của mình. Người đàn ông bên vệ đường, bầm dập và bị bỏ rơi, là một sự sao lãng, một sự gián đoạn đối với tất cả những điều đó; dù sao, ông ta đâu có quan trọng gì. Ông ta “không là ai cả”, không có gì đáng kể, không liên quan đến kế hoạch của họ cho tương lai. Người Samaritanô nhân hậu vượt quá những phân loại hạn hẹp ấy. Bản thân ông không phù hợp với bất cứ loại người nào trong số đó; ông chỉ đơn giản là một người nước ngoài không có chỗ đứng trong xã hội. Thoát khỏi mọi nhãn hiệu và địa vị, ông có thể gián đoạn cuộc hành trình của mình, thay đổi kế hoạch của mình và bất ngờ đến cứu một người bị thương cần ông giúp đỡ.

102. Ngày nay, phản ứng đối với câu chuyện y hết như thế, trong một thế giới liên tục chứng kiến sự xuất hiện và phát triển của những nhóm xã hội bám riết vào một danh tính ngăn cách họ với những người khác, sẽ như thế nào? Nó sẽ ảnh hưởng như thế nào đến những người tự tổ chức mình nhằm ngăn chặn bất cứ sự hiện diện nào của người nước ngoài, một sự hiện diện có thể đe dọa danh tính và các cơ cấu khép kín và tự quy chiếu của họ? Ở đó, ngay cả khả thể hoạt động như một người hàng xóm cũng bị loại trừ; người ta chỉ là láng giềng với những người phục vụ mục đích của họ. Chữ “hàng xóm” mất hết mọi ý nghĩa; chỉ còn những “người đồng hội đồng thuyền” (associates), những đối tác theo đuổi những quyền lợi riêng [80].

Tự do, bình đẳng và huynh đệ

103. Tình huynh đệ phát sinh không những từ một bầu khí tôn trọng các quyền tự do cá nhân, hoặc thậm chí từ một chính sách bình đẳng nào đó được chính phủ bảo đảm. Tình huynh đệ nhất thiết kêu gọi một điều gì đó lớn lao hơn, một điều, ngược lại, nâng cao tự do và bình đẳng. Điều gì xảy ra khi tình huynh đệ không được vun đắp một cách có ý thức, khi thiếu ý chí chính trị cổ vũ nó qua việc giáo dục tình huynh đệ, qua đối thoại và qua việc công nhận các giá trị của tính hỗ tương và làm giàu lẫn nhau? Lúc đó, tự do sẽ yếu đi, do đó, càng trở thành một điều kiện để sống cô lập, hoàn toàn độc lập trong việc thuộc về ai hay thuộc về điều gì, hoặc chỉ đơn giản là chiếm hữu hoặc thụ hưởng. Điều này vẫn không hề làm khô cạn sự phong phú của tự do, một tự do trước hết vốn hướng chúng ta tới tình yêu.

104. Bình đẳng cũng không đạt được bằng một tuyên ngôn trừu tượng cho rằng “tất cả mọi người nam và nữ đều bình đẳng”. Thay vào đó, nó là kết quả của sự vun đắp tình huynh đệ một cách có ý thức và thận trọng. Những người chỉ có khả năng làm “người đồng hội đồng

thuyền” tạo ra các thế giới khép kín. Trong khuôn khổ đó, đâu là nơi dành cho những người không thuộc nhóm đồng hội đồng thuyền của mình, nhưng vẫn mong muốn một cuộc sống tốt hơn cho bản thân và gia đình của họ?

105. Chủ nghĩa cá nhân không làm chúng ta tự do hơn, bình đẳng hơn, huynh đệ hơn. Nguyên tổng số các quyền lợi cá nhân mà thôi không có khả năng tạo ra một thế giới tốt đẹp hơn cho toàn thể gia đình nhân loại. Nó cũng không thể cứu chúng ta khỏi nhiều tệ nạn đang ngày càng được hoàn cầu hóa. Chủ nghĩa cá nhân triệt để là một thứ vi rút cực kỳ khó tận diệt, vì nó rất khôn khéo. Nó khiến chúng ta tin rằng mọi sự hệ ở việc để thả lỏng mọi tham vọng riêng của mình, như thể hễ cứ theo đuổi những tham vọng lớn hơn bao giờ hết và tạo ra các mạng lưới an toàn, là chúng ta sẽ phục vụ lợi ích chung cách nào đó.

MỘT TÌNH YÊU PHỔ QUÁT NHĂM CỔ VŨ CON NGƯỜI

106. Tình bạn xã hội và tình huynh đệ phổ quát nhất thiết kêu gọi sự thừa nhận giá trị của mỗi con người nhân bản, luôn luôn và ở mọi nơi. Nếu mỗi cá nhân đều có giá trị lớn lao như vậy, thì cần phải tuyên bố rõ ràng và chắc chắn rằng “nguyên sự kiện một số người sinh ra ở những nơi có ít tài nguyên hơn hoặc kém phát triển hơn không biện minh cho sự kiện này là họ phải sống với một phẩm giá kém hơn” [81]. Đây là một nguyên tắc căn bản của đời sống xã hội, một đời sống có xu hướng bị làm ngơ nhiều cách khác nhau bởi những người cảm thấy rằng nó không phù hợp với thế giới quan của họ hoặc phục vụ các mục đích của họ.

107. Mọi hữu thể nhân bản đều có quyền được sống xứng đáng và được phát triển toàn diện; quyền căn bản này không thể bị bác bỏ bởi bất cứ quốc gia nào. Mọi người có quyền này ngay cả khi họ không sản xuất được chi, hoặc được sinh ra với hoặc phát triển nhiều hạn chế. Điều này không làm giảm phẩm giá tuyệt vời của họ như những con người nhân bản, một phẩm giá không dựa trên hoàn cảnh mà dựa trên giá trị nội tại của con người họ. Trừ khi nguyên tắc căn bản này được đề cao, sẽ không có tương lai cho tình huynh đệ hay cho sự tồn vong của nhân loại.

108. Một số xã hội chấp nhận một phần nguyên tắc trên. Họ đồng ý rằng các cơ hội nên dành cho mọi người, nhưng sau đó lại nói rằng mọi sự tùy thuộc cá nhân. Theo quan điểm lệch lạc này, “tạo dễ dàng cho việc đầu tư các nỗ lực vào việc giúp đỡ những người chậm chạp, yếu kém hoặc kém tài năng để họ tìm được cơ hội trong cuộc sống” là điều vô nghĩa[82]. Các khoản đầu tư hỗ trợ những người dễ bị tổn thương có thể không có lợi; chúng có thể làm cho mọi sự kém hiệu năng đi. Không. Điều thực sự cần thiết là các nhà nước và định chế dân sự, đang hiện diện và hoạt động, phải có tầm nhìn quá bên kia sự vận hành tự do và có hiệu năng của một số hệ thống kinh tế, chính trị hoặc ý thức hệ nào đó, và chủ yếu quan tâm đến các cá nhân và lợi ích chung.

109. Một số người sinh ra trong các gia đình ổn định về kinh tế, nhờ thế, nhận được nền giáo dục tốt, lớn lên được nuôi dưỡng tốt hoặc tự nhiên đã có những tài năng tuyệt vời. Họ chắc chắn sẽ không cần đến một nhà nước chủ động; họ chỉ cần đòi hỏi tự do của họ. Tuy nhiên, cùng một quy tắc y hệt rõ ràng không được áp dụng cho người khuyết tật, người sinh ra trong hoàn cảnh nghèo khó, những người không được giáo dục tốt và ít được tiếp cận với dịch vụ chăm sóc sức khỏe thỏa đáng. Nếu một xã hội được điều hành chủ yếu bởi các tiêu chuẩn tự do và hiệu năng của thị trường, thì sẽ không có chỗ cho những người như vậy, và tình huynh đệ sẽ mãi mãi chỉ là một lý tưởng mơ hồ khác nữa mà thôi.

110. Thật vậy, “đòi hỏi tự do kinh tế trong khi các điều kiện thực tế ngăn cản nhiều người

thực sự tiếp cận được với nó, và trong khi các khả thể có việc làm tiếp tục bị thu hẹp, là thực hành kiểu nói nước đôi” [83]. Những chữ như tự do, dân chủ hay tình huynh đệ tỏ ra vô nghĩa, vì sự thực là “chỉ khi nào hệ thống kinh tế và xã hội của chúng ta không còn tạo ra dù chỉ một nạn nhân, một người duy nhất bị gạt sang một bên, thì chúng ta mới có thể cử hành lễ hội tình huynh đệ phổ quát” [84]. Một xã hội thực sự nhân bản và huynh đệ sẽ có khả năng bảo đảm một cách hữu hiệu và ổn định để mỗi thành viên của nó được đồng hành trong mọi giai đoạn của cuộc sống. Không chỉ bằng cách chu cấp cho các nhu cầu căn bản của họ, mà còn bằng cách giúp họ có khả năng cống hiến điều tốt nhất của họ, mặc dù hiệu suất của họ có thể không ở mức tối ưu, nhịp độ của họ chậm hoặc hiệu năng của họ có giới hạn.

111. Con người nhân bản, với các quyền bất khả chuyển nhượng của họ, tự bản chất, vốn cởi mở đón nhận liên hệ. Cây sâu trong chúng ta là lời kêu gọi vượt quá chính mình qua cuộc gặp gỡ với người khác. Vì lý do này, “cần phải thận trọng để không rơi vào một số sai sót có thể phát sinh từ việc hiểu lầm khái niệm nhân quyền và việc sử dụng nó một cách sai lầm. Ngày nay có xu hướng đòi các quyền lợi cá nhân - tôi muốn nói các quyền lợi cá nhân chủ nghĩa - ngày càng rộng rãi hơn. Bên dưới điều này là một quan niệm về con người nhân bản tách rời khỏi mọi bối cảnh xã hội và nhân học, như thể con người là một “đơn tử” (monás), ngày càng không liên quan đến người khác... Trừ khi các quyền của mỗi cá nhân được sắp xếp một cách hài hòa cho một lợi ích cao cả hơn, những quyền đó kết cục sẽ được coi là vô giới hạn và do đó sẽ trở thành nguồn gốc của xung đột và bạo động” [85].

CỔ VỮ THIỆN ÍCH ĐẠO ĐỨC

112. Chúng ta cũng không thể không đề cập đến sự kiện việc tìm kiếm và theo đuổi sự thiện của người khác và của toàn thể gia đình nhân loại cũng ngụ ý giúp các cá nhân và xã hội trưởng thành trong các giá trị đạo đức nhằm thúc đẩy sự phát triển con người toàn diện. Tân Ước mô tả một hoa trái của Chúa Thánh Thần (xem Gl 5:22) là *agathosyne*; chữ tiếng Hy Lạp này phát biểu sự gắn bó với điều tốt, theo đuổi điều tốt. Hơn thế nữa, nó còn gọi lên ý phấn đấu đạt sự tuyệt hảo và những gì tốt nhất cho người khác, sự tăng tiến trưởng thành và sức khỏe của họ, sự trau dồi các giá trị chứ không phải chỉ là phúc lợi vật chất. Một biểu thức tương tự cũng tồn tại trong tiếng Latinh: *benevolentia* (nhân từ). Đây là thái độ “mong muốn điều tốt” cho người khác; nó nói lên một khao khát hướng tới sự tốt lành, một khuynh hướng hướng tới tất cả những gì tốt đẹp và tuyệt hảo, một mong muốn làm đầy cuộc sống của người khác bằng những gì đẹp đẽ, cao siêu và xây dựng.

113. Ở đây, thật đáng tiếc, tôi cảm thấy phải nhắc lại rằng “chúng ta đã có đủ sự vô luân và nhạo báng đạo đức, lòng tốt, đức tin và sự trung thực. Đã đến lúc phải thừa nhận rằng sự hời hợt nhẹ dạ đã không hề đem lại cho chúng ta một điều tốt nào. Một khi nền tảng của đời sống xã hội bị xói mòn, điều xảy ra sau đó là những cuộc đấu tranh giành những quyền lợi xung khắc nhau” [86]. Chúng ta hãy quay lại với việc cổ vũ những điều tốt đẹp, cho chúng ta và cho cả gia đình nhân loại, và do đó cùng nhau tiến tới một sự phát triển chân chính và toàn diện. Mọi xã hội cần bảo đảm để các giá trị được lưu truyền; nếu không, những gì được lưu truyền chỉ là ích kỷ, bạo lực, tham nhũng dưới nhiều hình thức khác nhau, sự thờ ơ và cuối cùng là một cuộc sống khép kín đối với siêu việt và cố thủ trong các quyền lợi cá nhân.

Giá trị liên đới

114. Tôi muốn đặc biệt đề cập đến tình liên đới, là điều “như một nhân đức đạo đức và một thái độ xã hội phát sinh từ sự hoán cải bản thân, kêu gọi sự cam kết của những người có trách nhiệm giáo dục và đào tạo. Tôi nghĩ đầu tiên đến các gia đình, được kêu gọi đảm nhiệm sứ

mệnh giáo dục chính yếu và quan trọng. Gia đình là nơi đầu tiên mà các giá trị tình yêu và tình anh em, tình đoàn kết và cùng nhau chia sẻ, quan tâm và chăm sóc người khác được đem ra sống và lưu truyền. Gia đình cũng là môi trường ưu tuyển để truyền dạy đức tin, bắt đầu bằng những cử chỉ sùng kính đơn giản đầu tiên mà các bà mẹ từng dùng để dạy dỗ con cái họ. Các thầy cô, những người có nhiệm vụ đầy thách thức là đào tạo trẻ em và thanh thiếu niên trong các trường học hoặc các môi trường khác, nên ý thức rằng trách nhiệm của họ cũng trải dài đến các khía cạnh đạo đức, tinh thần và xã hội của cuộc sống. Các giá trị tự do, tôn trọng lẫn nhau và liên đới có thể được lưu truyền từ khi còn nhỏ... Người truyền thông cũng có trách nhiệm giáo dục và đào tạo, nhất là ngày nay, khi các phương tiện thông tin và truyền thông hết sức phổ biến” [87].

115. Vào lúc mà mọi sự dường như tan rã và mất đi tính nhất quán, chúng ta nên kêu gọi tính “vững chắc” [88] phát sinh từ ý thức rằng chúng ta chịu trách nhiệm về sự mỏng manh của người khác khi chúng ta cố gắng xây dựng một tương lai chung. Tình liên đới tự phát biểu một cách cụ thể qua việc phục vụ, một việc có thể có nhiều hình thức khác nhau trong cố gắng chăm sóc người khác. Và phục vụ phần lớn có nghĩa là “quan tâm đến tình trạng dễ bị tổn thương, đến những thành viên dễ bị tổn thương trong gia đình, xã hội, nhân dân chúng ta”. Khi phục vụ như vậy, các cá nhân học cách “gạt bỏ những mong muốn và ước muốn của riêng họ, việc theo đuổi quyền lực của họ, trước cái nhìn cụ thể của những người dễ bị tổn thương nhất... Phục vụ luôn nhìn vào khuôn mặt của họ, đụng đến da thịt của họ, cảm nhận sự gần gũi của họ và thậm chí, trong một số trường hợp, phải 'chịu đựng' sự gần gũi đó và cố gắng giúp đỡ họ. Phục vụ không bao giờ có tính ý thức hệ, vì chúng ta không phục vụ các ý tưởng, chúng ta phục vụ những con người” [89].

116. Người nghèo nói chung “thực hành tình liên đới đặc biệt có nơi người nghèo khó và đau khổ, và là điều mà nền văn minh của chúng ta dường như đã quên hoặc thực tế thích quên đi hơn. Tình liên đới là một hạn từ không phải lúc nào cũng được đón nhận; trong một số tình huống nào đó, nó đã trở nên một hạn từ thô bỉ, một hạn từ không dám nói ra. Tình liên đới có nghĩa hơn là tham gia vào các hành vi quảng đại lẽ tẻ. Nó có nghĩa là suy nghĩ và hành động theo hướng cộng đồng. Nó có nghĩa là cuộc sống của mọi người có trước việc chiếm đoạt của cải của một số ít người. Nó cũng có nghĩa là chống lại các nguyên nhân cơ cấu của nghèo đói, bất bình đẳng, thiếu việc làm, đất đai và nhà ở, bác bỏ các quyền lao động và xã hội. Nó có nghĩa là đương đầu với những hậu quả hủy diệt của đế quốc tiền bạc... Liên đới, hiểu theo nghĩa sâu xa nhất của nó, là một cách tạo lịch sử, và đó là điều các phong trào bình dân đang thực hiện” [90].

117. Khi chúng ta nói đến việc cần thiết phải chăm sóc ngôi nhà chung của chúng ta, tức hành tinh của chúng ta, chúng ta kêu gọi tia lửa ý thức phổ quát và mối quan tâm lẫn nhau đó, những điều vẫn có thể còn đang hiện hữu trong trái tim người ta. Những ai được hưởng lượng nước dư thừa nhưng chọn bảo tồn nó vì lợi ích của đại gia đình nhân loại lớn hơn quả đã đạt được tầm vóc đạo đức giúp họ nhìn xa hơn bản thân họ và nhóm mà họ thuộc về. Thật nhân bản một cách kỳ diệu xiết bao! Cũng cần cùng một thái độ như thế nếu chúng ta muốn công nhận các quyền lợi của mọi người, ngay cả những người sinh ra ở bên ngoài biên giới của chúng ta.

TÁI DỰ KIẾN VAI TRÒ XÃ HỘI CỦA SỞ HỮU

118. Thế giới hiện hữu vì mọi người, bởi vì tất cả chúng ta sinh ra đều có cùng một phẩm giá. Các khác biệt về màu da, tôn giáo, tài năng, nơi sinh hoặc nơi cư trú, và nhiều điều khác, không thể được dùng để biện minh cho các đặc quyền của một số người trên quyền lợi của

mọi người. Là một cộng đồng, chúng ta có nghĩa vụ bảo đảm để mọi người sống đúng phẩm giá và có đủ cơ hội để phát triển toàn diện.

119. Trong những thế kỷ Kitô giáo đầu tiên, một số nhà tư tưởng đã khai triển một viễn kiến phổ quát trong các suy tư của họ về đích đến chung của hàng hóa được tạo ra [91]. Điều này khiến họ nhận ra rằng nếu một người thiếu những gì cần thiết để sống đúng phẩm giá, thì đó là bởi vì một người khác đã chiếm giữ nó. Thánh Gioan Chrysostom tóm tắt điều đó như sau: “Không chia sẻ sự giàu có của chúng ta với người nghèo là cướp đi sinh kế của họ. Của cải chúng ta sở hữu không phải của riêng chúng ta mà là của cả họ nữa” [92]. Theo lời của Thánh Grêgôriô Cả, “Khi chúng ta cung cấp những nhu cầu căn bản cho người nghèo, chúng ta đang cho họ những gì thuộc về họ, chứ không thuộc chúng ta” [93].

120. Một lần nữa, tôi muốn nhắc lại câu nói của Thánh Gioan Phaolô II mà sức mạnh của nó có lẽ chưa được công nhận đầy đủ: “Thiên Chúa đã ban trái đất cho toàn thể loài người để nuôi sống mọi thành viên của nó, không loại trừ hay ưu ái bất cứ ai” [94]. Về phần mình, tôi nhận xét rằng “truyền thống Kitô giáo chưa bao giờ công nhận quyền tư hữu là tuyệt đối hoặc bất khả xâm phạm, và đã nhấn mạnh đến mục đích xã hội của mọi hình thức tư hữu” [95]. Nguyên tắc sử dụng chung các hàng hóa được tạo ra là “nguyên tắc đầu tiên của toàn bộ trật tự xã hội và đạo đức” [96]; nó là một quyền tự nhiên và cổ hữu, có ưu tiên hơn những quyền khác [97]. Mọi quyền lợi khác liên quan đến hàng hóa cần thiết cho sự viên mãn toàn diện của con người, bao gồm quyền tư hữu hoặc bất cứ loại sở hữu nào khác, - theo lời Thánh Phaolô VI - “không nên cản trở [quyền này], nhưng nên tích cực tạo điều kiện để thực hiện nó” [98]. Quyền tư hữu chỉ có thể được coi là một quyền tự nhiên đệ nhị đẳng, xuất phát từ nguyên tắc đích đến phổ quát của hàng hóa được tạo ra. Điều này có những hậu quả cụ thể cần phải được phản ánh trong hoạt động của xã hội. Tuy nhiên, thường xảy ra việc các quyền đệ nhị đẳng di dời các quyền đệ nhất đẳng và vượt qua các quyền này, trên thực tế biến chúng thành bất liên quan.

Các quyền không có biên giới

121. Vì vậy, không ai có thể mãi bị loại trừ vì nơi sinh của họ, càng không bị loại trừ vì những đặc ân mà những người sinh ra ở những vùng đất có nhiều cơ hội hơn được hưởng. Các giới hạn và biên giới của các quốc gia cá thể không thể cản trở điều này. Không thể chấp nhận được việc một số người ít có quyền hơn vì là phụ nữ thế nào, thì cũng không thể chấp nhận được việc nơi sinh hoặc nơi cư trú của một người sẽ khiến họ ít có cơ hội hơn để có một cuộc sống phát triển và đàng hoàng như vậy.

122. Phát triển không được nhằm việc thu tích của cải cho một số ít người, mà phải bảo đảm “các nhân quyền – quyền cá nhân và quyền xã hội, quyền kinh tế và quyền chính trị, kể cả các quyền của các quốc gia và dân tộc” [99]. Quyền của một số người được tự do doanh nghiệp hoặc tự do thị trường không thể thay thế quyền của các dân tộc và phẩm giá của người nghèo, hoặc, cũng trong vấn đề này, việc tôn trọng môi trường tự nhiên, vì “nếu chúng ta tự làm ra được thứ gì đó, thì chỉ là để quản lý nó vì thiện ích của mọi người” [100].

123. Hoạt động kinh doanh, trong yếu tính, là “một ơn gọi cao quý, hướng đến việc sản xuất ra của cải và cải thiện thế giới của chúng ta” [101]. Thiên Chúa khuyến khích chúng ta phát triển các tài năng Người đã ban cho chúng ta, và Người đã biến vũ trụ của chúng ta thành một vũ trụ có tiềm năng mênh mông. Trong kế hoạch của Thiên Chúa, mỗi cá nhân được kêu gọi cổ vũ sự phát triển của chính họ [102], và điều này bao gồm việc tìm ra các phương tiện kinh tế và kỹ thuật tốt nhất để nhân thừa của cải và gia tăng thịnh vượng. Các khả năng kinh

doanh, vốn là hồng phúc của Thiên Chúa, nên luôn được điều hướng rõ ràng vào việc phát triển người khác và xóa bỏ nghèo đói, đặc biệt là qua việc tạo ra các cơ hội việc làm đa dạng. Quyền tư hữu luôn đi kèm với nguyên tắc đệ nhất đẳng và đi trước là bất mọi tư hữu tùy thuộc việc phân phối phổ quát các của cải của trái đất, và do đó quyền của mọi người được sử dụng chúng [103].

Quyền của các dân tộc

124. Ngày nay, niềm tin vững chắc vào đích đến chung của của cải trên trái đất đòi hỏi nguyên tắc này cũng phải được áp dụng cho các quốc gia, vùng lãnh thổ và các tài nguyên của họ. Nhìn từ quan điểm không những về tính hợp pháp của quyền tư hữu và quyền của các công dân mà còn về nguyên tắc đầu tiên về đích đến chung của của cải, thì chúng ta có thể nói rằng mỗi quốc gia cũng thuộc về người nước ngoài, do đó, không được từ khước của cải của lãnh thổ đối với một người túng thiếu phát xuất từ một lãnh thổ khác. Như các Giám mục Hoa Kỳ đã dạy, có những quyền căn bản “đi trước bất cứ xã hội nào vì chúng xuất phát từ phẩm giá được ban cho mỗi người vốn được Thiên Chúa tạo dựng nên” [104].

125. Điều này giả định một lối hiểu khác về các mối liên hệ và trao đổi giữa các quốc gia. Nếu mỗi con người đều sở hữu một phẩm giá bất khả chuyển nhượng, nếu mọi người đều là anh chị em của tôi, và nếu thế giới thực sự thuộc về mọi người, thì đâu có quan hệ bao nhiêu khi người hàng xóm của tôi sinh ra ở nước tôi hay ở nơi khác. Đất nước tôi cũng chia sẻ trách nhiệm đối với sự phát triển của họ, mặc dù nó có thể chu toàn trách nhiệm đó theo nhiều cách khác nhau. Nó có thể cung ứng sự chào đón quảng đại cho những người có nhu cầu cấp thiết, hoặc nỗ lực cải thiện điều kiện sống ở quê hương của họ bằng cách từ chối khai thác các quốc gia đó hoặc tiêu hao các tài nguyên thiên nhiên của họ, ủng hộ các hệ thống thối nát vốn cản trở sự phát triển xứng đáng của dân tộc họ. Điều áp dụng cho các quốc gia cũng áp dụng cho các khu vực khác nhau trong mỗi quốc gia, vì thường có sự bất bình đẳng quá lớn. Đôi khi, việc không thể thừa nhận phẩm giá bình đẳng của con người dẫn các khu vực phát triển hơn ở một số quốc gia nghĩ rằng họ có thể loại bỏ "những gánh nặng chết người" của các khu vực nghèo hơn và do đó gia tăng mức tiêu thụ của họ.

126. Chúng ta thực sự đang nói tới một mạng lưới tương quan quốc tế mới, vì không có cách nào để giải quyết các vấn đề nghiêm trọng của thế giới nếu chúng ta tiếp tục chỉ nghĩ theo sự tương trợ giữa các cá nhân hoặc các nhóm nhỏ. Chúng ta cũng không nên quên rằng “sự không công bằng không những ảnh hưởng đến các cá nhân mà còn toàn bộ các quốc gia; nó buộc chúng ta xem xét một nền đạo đức tương quan quốc tế” [105]. Thật vậy, công lý đòi hỏi phải công nhận và tôn trọng không những các quyền của cá nhân, mà còn cả các quyền xã hội và quyền của các dân tộc [106]. Điều này có nghĩa phải tìm ra cách để bảo đảm “quyền căn bản của các dân tộc được sống còn và tiến bộ” [107], một quyền đôi khi bị hạn chế nghiêm trọng bởi áp lực do nợ nước ngoài tạo ra. Trong nhiều trường hợp, việc trả nợ không những không cổ vũ sự phát triển mà còn hạn chế và buộc điều kiện cho nó một cách nghiêm trọng. Mặc dù tôn trọng nguyên tắc mọi khoản nợ nhận được một cách hợp pháp phải được hoàn trả, nhưng cách thức trong đó nhiều nước nghèo chu toàn nghĩa vụ này không nên kết cục bằng việc xâm hại đến sự tôn vinh và phát triển của họ.

127. Chắc chắn, tất cả những điều này đòi hỏi một cách suy nghĩ khác. Nếu không có gắng đi vào lối suy nghĩ này, những gì tôi đang nói ở đây sẽ nghe có vẻ không thực tiễn. Mặt khác, nếu chúng ta chấp nhận nguyên tắc lớn này là có những quyền phát sinh từ nhân phẩm bất khả chuyển nhượng của chúng ta, thì chúng ta có thể đương đầu với thách thức dự kiến một nhân loại mới. Chúng ta có thể khát mong một thế giới biết cung cấp đất đai, nhà ở và công

việc cho mọi người. Đây là con đường hòa bình chân thực, không phải là chiến lược vô nghĩa và thiên cận gieo rắc sợ hãi và ngờ vực khi đối diện với các mối đe dọa từ bên ngoài. Vì một nền hòa bình chân thực và lâu bền chỉ khả hữu “trên cơ sở nền đạo đức hoàn cầu chuyên dạy tình liên đới và sự hợp tác nhằm phục vụ một tương lai được lên khuôn bởi sự liên lập và trách nhiệm chung nơi toàn thể gia đình nhân loại” [108].

CHƯƠNG BỐN: TRÁI TIM MỞ RA TOÀN THỂ GIỚI

128. Nếu xác tín cho rằng tất cả loài người là anh chị em không chỉ là một ý tưởng trừu tượng nhưng tìm được hiện thân cụ thể, thì nhiều vấn đề liên quan xuất hiện, buộc chúng ta phải nhìn sự việc dưới một ánh sáng mới và khai triển ra các đáp ứng mới.

CÁC BIÊN GIỚI VÀ CÁC GIỚI HẠN CỦA CHÚNG

129. Những thách thức phức tạp nảy sinh khi người hàng xóm của chúng ta tình cờ là một di dân [109]. Lý tưởng là tránh được việc di dân không cần thiết; điều này đòi hỏi phải tạo ra nơi các nước gốc những điều kiện cần thiết cho một cuộc sống xứng đáng và một cuộc phát triển toàn diện. Tuy nhiên, cho đến khi mục tiêu này đạt được các tiên bộ đáng kể, chúng ta có nghĩa vụ tôn trọng quyền của mọi cá nhân tìm được một nơi có khả năng đáp ứng các nhu cầu căn bản của họ và của gia đình họ, và là nơi họ có thể tìm thấy sự viên mãn bản thân. Phản ứng của chúng ta đối với việc các di dân đến với chúng ta có thể được tóm tắt trong bốn chữ sau đây: chào đón, bảo vệ, phát huy và hòa nhập. Vì “đây không phải là trường hợp thực hiện các chương trình phúc lợi từ trên xuống, mà đúng hơn, là cùng đảm nhiệm một hành trình với nhau, qua bốn hành động này, để xây dựng các thành phố và quốc gia, những thực thể, trong khi bảo tồn bản sắc văn hóa và tôn giáo tương ứng của họ, cởi mở đối với các khác biệt và biết cách phát huy chúng trong tinh thần huynh đệ nhân bản” [110].

130. Điều này hàm ngụ việc thực hiện một số biện pháp không thể thiếu, đặc biệt là để đáp ứng những người đang chạy trốn các cuộc khủng hoảng nhân đạo nghiêm trọng. Chúng ta có thể đưa ra một số điển hình: gia tăng và đơn giản hóa việc cấp thị thực xuất nhập cảnh; chuẩn nhận các chương trình tài trợ cá nhân và cộng đồng; mở các hành lang nhân đạo cho những người tị nạn dễ bị tổn thương nhất; cung cấp nhà ở phù hợp và xứng đáng; đảm bảo an ninh cá nhân và tiếp cận các dịch vụ căn bản; bảo đảm sự trợ giúp thỏa đáng về lãnh sự và quyền được lưu giữ các giấy tờ tùy thân; tiếp cận công bằng với hệ thống tư pháp; khả thể mở tài khoản ngân hàng và bảo đảm mức tối thiểu cần thiết để sinh tồn; tự do đi lại và khả thể có việc làm; bảo vệ trẻ vị thành niên và bảo đảm để họ được tiếp cận giáo dục thường xuyên; cung cấp các chương trình giám hộ tạm thời hoặc tạm trú; bảo đảm tự do tôn giáo; cổ vũ việc hội nhập vào xã hội; hỗ trợ việc đoàn tụ gia đình; và chuẩn bị cho các cộng đồng địa phương cho diễn trình hội nhập [111].

131. Đối với những người không phải là người mới đến và đã tham gia vào cơ cấu xã hội, điều quan trọng là phải áp dụng khái niệm “quyền công dân”, một khái niệm vốn “dựa trên sự bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, theo đó mọi người đều được hưởng công lý. Do đó, điều quan trọng là phải thiết lập trong các xã hội của chúng ta khái niệm về quyền công dân đầy đủ và bác bỏ việc sử dụng có tính kỳ thị thuật ngữ các nhóm thiểu số, vốn gây ra cảm giác cô lập và tự ti. Việc lạm dụng nó mở đường cho sự thù nghịch và bất hòa; nó hủy hoại bất cứ thành công nào và lấy đi các quyền tôn giáo và dân sự của một số công dân, những người do đó bị phân biệt đối xử” [112].

132. Ngay cả khi họ thực hiện các biện pháp thiết yếu như thế, các quốc gia không thể tự

minh thực hiện các giải pháp thích hợp, “vì các hậu quả của các quyết định của mỗi quốc gia chắc chắn sẽ gây ra hậu quả đối với toàn bộ cộng đồng quốc tế”. Kết quả là, “đáp ứng của chúng ta chỉ có thể là kết quả của một cố gắng chung” [113] nhằm khai triển một hình thức quản trị hoàn cầu liên quan đến các phong trào di dân. Vì vậy, “cần có việc lên kế hoạch trung hạn và dài hạn không giới hạn vào các đáp ứng khẩn cấp mà thôi. Việc lập kế hoạch như thế cần bao gồm việc hỗ trợ hữu hiệu để hội nhập các di dân vào các nước tiếp nhận họ, trong khi cũng cố vũ việc phát triển các quốc gia gốc của họ qua các chính sách lấy cảm hứng từ tình liên đới, chứ không liên kết việc hỗ trợ vào các chiến lược và thực hành ý thức hệ xa lạ hoặc trái ngược với nền văn hóa của các dân tộc được hỗ trợ” [114].

NHỮNG ƠN PHÚC QUA LẠI

133. Việc những người khác biệt, đến từ những lối sống và nền văn hóa khác, có thể là một ơn phúc, vì “các câu chuyện của di dân luôn là các câu chuyện về gặp gỡ giữa các cá nhân và giữa các nền văn hóa. Đối với các cộng đồng và xã hội nơi họ đến, các di dân mang tới một cơ hội làm giàu và phát triển con người toàn diện cho mọi người” [115]. Vì lý do này, “Tôi đặc biệt kêu gọi những người trẻ tuổi đừng chạy theo những người đặt họ chồng lại những người trẻ tuổi khác, mới đến đất nước của họ, và những người khuyến khích họ coi những người sau này như một mối đe dọa, chứ không có cùng một phẩm giá bất khả chuyển nhượng như mọi con người nhân bản khác” [116].

134. Thật vậy, khi chúng ta mở lòng ra với những người khác biệt, điều này cho phép họ phát triển một cách mới mẻ, trong khi vẫn là chính họ. Các nền văn hóa khác nhau, những nền văn hóa vốn phát triển mạnh mẽ qua nhiều thế kỷ, cần được bảo tồn, kéo thế giới của chúng ta trở nên nghèo nàn. Đồng thời, những nền văn hóa đó nên được khuyến khích cởi mở đối với những trải nghiệm mới mẻ qua cuộc gặp gỡ của họ với những thực tại khác, vì nguy cơ sa vào chứng xơ cứng văn hóa luôn hiện diện. Đó là lý do tại sao “chúng ta cần thông đạt với nhau, khám phá những ơn phú của mỗi người, cố vũ những gì hợp nhất chúng ta và coi các khác biệt của chúng ta như cơ hội để lớn lên trong việc tôn trọng lẫn nhau. Sự kiên nhẫn và tin tưởng được kêu gọi cho một cuộc đối thoại như vậy, giúp cho các cá nhân, các gia đình và cộng đồng lưu truyền các giá trị trong nền văn hóa riêng của họ và chào đón những điều tốt đẹp phát xuất từ kinh nghiệm của người khác” [117].

135. Ở đây tôi sẽ đề cập đến một số điển hình mà tôi đã sử dụng trong quá khứ. Nền văn hóa Latinh là "chất men giá trị và khả thể có thể làm giàu rất nhiều cho Hoa Kỳ", vì "việc di dân sôi nổi luôn luôn ảnh hưởng và biến đổi nền văn hóa của một nơi... Ở Argentina, việc di dân sôi nổi từ Ý đã để lại dấu ấn trong nền văn hóa của xã hội, và sự hiện diện của khoảng 200,000 người Do Thái có ảnh hưởng lớn đến 'phong cách' văn hóa của Buenos Aires. Các di dân, nếu được giúp đỡ để hòa nhập, là một ơn phúc, một nguồn làm giàu và món tặng phẩm mới khuyến khích một xã hội lớn lên” [118].

136. Ở một quy mô rộng lớn hơn nữa, Đại Imam Ahmad Al-Tayyeb và tôi đã nhận thấy rằng “các tương quan tốt đẹp giữa Đông và Tây là rõ ràng cần thiết cho cả hai. Chúng không được sao lãng, để mỗi bên có thể được làm giàu bằng nền văn hóa của bên kia qua việc trao đổi và đối thoại hữu hiệu. Phương Tây có thể khám phá ra ở phương Đông các phương pháp chữa trị cho những căn bệnh tâm linh và tôn giáo do chủ nghĩa duy vật thịnh hành gây ra. Và phương Đông có thể tìm thấy ở phương Tây nhiều yếu tố có thể giúp giải phóng nó khỏi yếu kém, chia rẽ, xung đột và suy thoái về khoa học, kỹ thuật và văn hóa. Điều quan trọng là phải chú ý tới các khác biệt về tôn giáo, văn hóa và lịch sử vốn là một thành phần quan trọng trong việc lên khuôn nhân cách, văn hóa và văn minh của phương Đông. Điều cũng quan trọng là cùng

cổ mối dây nối kết các nhân quyền căn bản nhằm giúp bảo đảm một cuộc sống xứng đáng cho mọi người nam nữ ở phương Đông và phương Tây, tránh nền chính trị hai mặt” [119].

Một cuộc trao đổi hữu hiệu

137. Sự hỗ trợ lẫn nhau giữa các nước chứng tỏ đã làm giàu lẫn nhau. Một quốc gia tiến lên trong khi vẫn giữ được nền tảng vững chắc trong cơ sở văn hóa nguyên gốc của nó là một kho báu cho toàn thể nhân loại. Chúng ta cần phát triển ý thức cho rằng ngày nay tất cả chúng ta một là được cứu vớt cùng với nhau hai là không ai được cứu vớt cả. Nghèo đói, suy đồi và đau khổ ở một phần của trái đất là cơ sở thâm lặng nuôi dưỡng các vấn đề kết cục sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ hành tinh. Nếu chúng ta gặp bói rồi bởi sự tuyệt chủng của một số loài, thì chúng ta càng trở nên bói rồi hơn khi ở một số nơi trên thế giới, các cá nhân hoặc dân tộc của chúng ta đang bị ngăn cản trong việc phát triển tiềm năng và vẻ đẹp của họ bởi nghèo đói hoặc những hạn chế khác về cơ cấu. Cuối cùng, điều này sẽ làm tất cả chúng ta nghèo nàn đi.

138. Mặc dù điều trên luôn luôn đúng, nhưng chưa bao giờ rõ ràng hơn thời đại chúng ta, khi thế giới được liên kết với nhau bằng chính sách hoàn cầu hóa. Chúng ta cần đạt được một trật tự pháp lý, chính trị và kinh tế hoàn cầu “có thể gia tăng và định hướng cho sự hợp tác quốc tế nhằm phát triển mọi dân tộc trong tinh thần liên đới” [120]. Cuối cùng, điều này sẽ mang lại ích lợi cho toàn thế giới, vì “viện trợ phát triển cho các nước nghèo” hàm nghĩa “tạo ra thịnh vượng cho mọi người” [121]. Theo quan điểm phát triển toàn diện, điều này giả định “đem lại cho các quốc gia nghèo hơn một tiếng nói hữu hiệu trong việc ra quyết định chung” [122] và khả năng “tạo điều kiện tiếp cận thị trường quốc tế cho các quốc gia nghèo và kém phát triển” [123].

Việc nhưng không cho đi mở ra cho người khác

139. Mặc dù vậy, tôi không muốn giới hạn việc trình bày này vào một kiểu tiếp cận thực dụng. Luôn có nhân tố “cho đi nhưng không” (gratuitousness): khả năng làm một số việc đơn giản chỉ vì tự chúng, chúng vốn là điều tốt, không quan tâm chi đến lợi ích hay đền đáp bản thân. Sự cho không khiến chúng ta có thể chào đón người lạ, dù điều này không mang lại lợi ích hữu hình tức khắc nào cho chúng ta. Tuy nhiên, một số nước giả thiết chỉ chấp nhận các nhà khoa học hoặc nhà đầu tư.

140. Cuộc sống không có việc cho đi nhưng không một cách đầy tình huynh đệ trở thành một hình thức thương mại điên cuồng, trong đó chúng ta không ngừng cân nhắc những gì chúng ta cho đi và những gì chúng ta nhận lại được. Mặt khác, Thiên Chúa cho đi một cách tự do, đến mức giúp đỡ ngay cả những người bất trung; Người “làm cho mặt trời mọc trên kẻ dữ và người lành” (Mt 5:45). Có một lý do tại sao Chúa Giêsu nói với chúng ta: “Khi bố thí, anh em đừng cho tay phải biết việc tay trái làm, để việc bố thí của anh em được bí mật” (Mt 6: 3-4). Chúng ta đã nhận được cuộc sống một cách nhưng không; chúng ta không phải trả giá chi cả để nhận được nó. Do đó, mọi người chúng ta đều có thể cho đi mà không mong nhận lại bất cứ điều gì, làm điều tốt cho người khác mà không đòi hỏi họ phải đối xử tốt với mình. Như Chúa Giêsu đã nói với các môn đệ: “Anh em đã được cho không, thì cũng phải cho không như vậy” (Mt 10:8).

141. Giá trị thực sự của các quốc gia khác nhau trên thế giới của chúng ta được đo bằng khả năng suy nghĩ của họ không chỉ đơn giản như một quốc gia mà còn như một phần của đại gia đình nhân loại. Điều này được thấy một cách đặc biệt trong thời kỳ khủng hoảng. Các hình thức hẹp hòi của chủ nghĩa dân tộc là một biểu hiện cực đoan của việc không thể hiểu được ý

nghĩa của sự cho đi nhưng không này. Họ sai lầm khi nghĩ rằng họ có thể tự phát triển, không cần để ý đến sự hủy hoại cho người khác, bằng cách đóng cửa với người khác, họ sẽ được bảo vệ tốt hơn. Các di dân được coi là những kẻ tiếm quyền không có gì để cung hiến. Điều này dẫn đến niềm tin ngây ngô rằng người nghèo nguy hiểm và vô dụng, trong khi thực ra họ là những nhà hảo tâm mạnh mẽ và hào phóng. Chỉ có nền văn hóa xã hội và chính trị nào sẵn sàng chào đón người khác một cách “nhưng không” mới có tương lai.

ĐỊA PHƯƠNG VÀ HOÀN VŨ

142. Cần lưu ý rằng “hiện có sự căng thẳng cố hữu giữa việc hoàn cầu hóa và địa phương hóa. Chúng ta cần chú ý đến khía cạnh hoàn cầu để tránh sự hẹp hòi và tầm thường. Tuy nhiên, chúng ta cũng cần nhìn khía cạnh địa phương, nơi giữ chúng ta luôn ở thế có cơ sở thực tiễn. Cùng với nhau, cả hai khía cạnh ngăn chúng ta rơi vào một trong hai thái cực sau đây: Đầu tiên, con người bị cuốn vào một chủ nghĩa vũ trụ trừu tượng, hoàn cầu hóa... Mặt khác, họ tự biến mình thành một viện bảo tàng văn hóa dân gian ẩn dật khép kín, cứ phải lặp đi lặp lại cùng những điều y như nhau, không có khả năng để mình bị chất vấn bởi những gì khác biệt, hoặc đánh giá được vẻ đẹp mà Thiên Chúa vốn ban tặng ở bên ngoài biên giới của họ” [124]. Chúng ta cần có một cái nhìn hoàn cầu để tự cứu chúng ta khỏi chủ nghĩa tinh lẻ nhỏ nhen. Khi ngôi nhà của chúng ta không còn là một ngôi nhà và bắt đầu trở thành một khu bị rào vây quanh, một phòng giam, thì nhân tố hoàn cầu sẽ đến giải cứu chúng ta, như một “chính nghĩa cuối cùng” lôi kéo chúng ta hướng đến việc viên mãn của mình. Trong khi cùng một lúc, nhân tố địa phương cũng cần được đón nhận một cách thiết tha, vì nó có một điều mà nhân tố hoàn cầu không có được: nó có khả năng là một chất men, đem lại sự phong phú hóa, phát khởi các cơ chế phụ đới. Vì vậy, tình huynh đệ phổ quát và tình bạn xã hội là hai cực không thể tách rời và quan trọng như nhau trong mọi xã hội. Tách chúng ra sẽ làm biến dạng mọi điều và tạo ra sự phân cực đầy thành kiến.

Hương vị địa phương

143. Giải pháp không phải là một sự cởi mở nhằm bác bỏ sự phong phú của chính mình. Cũng như không thể có cuộc đối thoại với “những người khác” nếu không có ý thức về bản sắc riêng của chúng ta, vì vậy không thể có sự cởi mở giữa các dân tộc ngoại trừ trên cơ sở tình yêu đối với mảnh đất của riêng mình, dân tộc mình, cội nguồn văn hóa của riêng mình. Tôi không thể thực sự gặp gỡ người khác trừ khi tôi đứng trên những nền tảng vững chắc, vì chính dựa trên cơ sở của những điều này, tôi mới có thể chấp nhận tặng phẩm mà người kia mang lại và đến lượt mình, tôi tặng một tặng phẩm đích thực của riêng tôi. Tôi có thể chào đón những người khác, những người khác biệt, và đánh giá cao việc đóng góp độc đáo mà họ sẽ thực hiện, chỉ khi nào tôi bén rễ vững chắc vào chính dân tộc và văn hóa của mình. Mọi người đều yêu và quan tâm đến quê hương và làng mạc của mình, cũng như họ yêu và chăm sóc cho ngôi nhà của họ và đích thân chịu trách nhiệm đối với việc duy trì nó. Lợi ích chung cũng thế, đòi hỏi chúng ta phải bảo vệ và yêu thương quê hương của chúng ta. Nếu không, các hậu quả của một thảm họa ở một quốc gia sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ hành tinh. Tất cả điều này mang lại ý nghĩa tích cực cho quyền đối với tài sản: Tôi chăm sóc và vun đắp một điều được tôi sở hữu, một cách khiến nó có thể đóng góp vào lợi ích của mọi người.

144. Nó cũng làm nảy sinh các trao đổi lành mạnh và làm ta phong phú. Kinh nghiệm được lớn lên ở một nơi đặc thù và chia sẻ nền văn hóa đặc thù đem lại cho chúng ta một cái nhìn sâu sắc vào các khía cạnh của thực tại mà những người khác không thể dễ dàng tri nhận. Yếu tố hoàn vũ không nhất thiết có nghĩa là nhạt nhẽo, độc dạng và được tiêu chuẩn hóa, dựa trên một mô hình văn hóa đơn nhất đương thịnh, vì điều này cuối cùng sẽ dẫn đến việc mất đi một

bảng phong phú gồm nhiều sắc thái và màu sắc, và kết quả là một đơn điệu hoàn toàn. Đó là con cảm đồ được nhắc đến trong câu chuyện xưa về Tháp Babel. Nỗ lực xây dựng một tòa tháp có thể vươn tới trời không phải là biểu hiện của sự thống nhất giữa các dân tộc khác nhau nói với nhau từ tính đa dạng của họ. Thay vào đó, đó là một nỗ lực sai lầm, phát sinh từ niềm kiêu căng và tham vọng, muốn tạo ra một sự thống nhất khác với sự thống nhất được Thiên Chúa mong muốn trong kế hoạch quan phòng của Người cho các quốc gia (xem *St* 11: 1-9).

145. Có thể có một sự cởi mở sai lầm đối với yếu tố hoàn vũ, phát sinh từ sự nồng nặc của những người thiếu cái nhìn sâu sắc vào thiên tài của quê hương họ hoặc nuôi dưỡng sự oán hận chưa được giải quyết nhằm vào dân tộc họ. Dù thế nào đi nữa, “chúng ta liên tục phải mở rộng các chân trời của chúng ta và nhìn thấy điều tốt đẹp hơn sẽ mang lại lợi ích cho tất cả chúng ta. Nhưng điều này phải được thực hiện mà không tránh né hoặc mất gốc. Chúng ta cần phải cắm rễ sâu hơn vào mảnh đất và lịch sử màu mỡ của quê hương, vốn là hồng phúc của Thiên Chúa. Chúng ta có thể làm việc trên một quy mô nhỏ, trong khu vực lân cận của chúng ta, nhưng với viễn ảnh rộng lớn hơn... Yếu tố hoàn cầu không cần phải gò bó, mà yếu tố đặc thù cũng không cần phải chứng tỏ là cần cỗi” [125]; mô hình của chúng ta phải là một hình đa diện, trong đó giá trị của mỗi cá nhân được tôn trọng, nơi “toàn thể lớn hơn bộ phận, nhưng cũng lớn hơn tổng số các bộ phận của nó” [126].

Một chân trời phổ quát

146. Có một loại yêu mình thái quá có tính “địa phương” không liên quan đến tình yêu lành mạnh đối với dân tộc và văn hóa riêng của mình. Nó phát sinh từ một nỗi bất an và sợ hãi nào đó về người khác dẫn đến việc bác bỏ và mong muốn dựng lên những bức tường để tự vệ. Tuy nhiên, không thể “địa phương” một cách lành mạnh nếu không chân thành cởi mở đối với phổ quát, không cảm thấy được thách thức bởi những gì đang xảy ra ở những nơi khác, không có sự cởi mở để làm giàu bởi các nền văn hóa khác, và không có tình liên đới và quan tâm đến những thảm kịch đang ảnh hưởng đến các dân tộc khác. Thay vào đó, “lòng yêu mình thái quá địa phương” chỉ lưu tâm đến một số ý tưởng, phong tục và hình thức an ninh hạn chế; không có khả năng chiêm ngưỡng tiềm năng rộng lớn và vẻ đẹp được thế giới rộng lớn hơn cung cấp, nó thiếu hẳn một tinh thần liên đới chân chính và quảng đại. Cuộc sống ở bình diện địa phương vì vậy ngày càng trở nên ít chào đón hơn, người ta ít cởi mở hơn đối với việc bổ túc cho nhau. Các khả năng phát triển của nó hẹp dần; nó trở nên mệt mỏi và ốm yếu. Mặt khác, một nền văn hóa lành mạnh, tự bản chất của nó, có tính cởi mở và chào đón; quả tình, “một nền văn hóa nếu không có các giá trị phổ quát thì không thực sự là một nền văn hóa” [127].

147. Chúng ta hãy nhận ra rằng khi tâm trí chúng ta càng hạn hẹp, thì khả năng hiểu thế giới xung quanh càng kém đi. Nếu không gặp gỡ và tương quan với các khác biệt, thì khó mà đạt được một sự hiểu biết rõ ràng và đầy đủ về chính bản thân và quê hương của chúng ta. Các nền văn hóa khác không phải là “kẻ thù” mà chúng ta cần phải tự vệ chống lại, mà là những phản ảnh khác nhau của một sự phong phú vô tận của sự sống con người. Nhìn bản thân chúng ta theo quan điểm của người khác, của một người khác biệt, chúng ta có thể nhận ra tốt hơn những nét độc đáo của chúng ta và của nền văn hóa chúng ta: sự phong phú, các khả năng và hạn chế của nó. Kinh nghiệm địa phương của chúng ta cần phát triển “tương phản với” và “hài hòa với” các kinh nghiệm của những người khác sống trong các bối cảnh văn hóa đa dạng [128].

148. Thực tế, sự cởi mở lành mạnh không bao giờ đe dọa bản sắc riêng của người ta. Một

nền văn hóa sống động, được làm giàu bởi các yếu tố từ những nơi khác, không du nhập một bản sao đơn thuần các yếu tố mới đó, mà hòa nhập chúng một cách độc đáo riêng của nó. Kết quả là một cuộc tổng hợp mới, một cuộc tổng hợp, cuối cùng, có lợi cho mọi người, vì nền văn hóa nguyên gốc kết cục được nuôi dưỡng. Đó là lý do tại sao tôi đã thúc giục người dân bản địa trân quý cội nguồn và văn hóa tổ tiên của họ. Mặc dù, cùng một lúc, tôi cũng muốn nhấn mạnh rằng tôi không có ý định đề nghị “một ‘chủ nghĩa duy bản địa’ hoàn toàn khép kín, phi lịch sử, tĩnh tụ, muốn bác bỏ bất cứ kiểu pha trộn nào (mestizaje)”. Vì “bản sắc văn hóa riêng của chúng ta được củng cố và làm giàu nhờ đối thoại với những người không giống chúng ta. Danh tính chân chính của chúng ta cũng không được bảo tồn bởi một sự cô lập nghèo nàn” [129]. Thế giới phát triển và tràn ngập vẻ đẹp mới, nhờ các cuộc tổng hợp tiếp theo nhau được tạo ra giữa các nền văn hóa biết cởi mở và không có bất cứ hình thức áp đặt văn hóa nào.

149. Đối với mối tương quan lành mạnh giữa tình yêu quê hương đất nước và cảm thức lành mạnh được thuộc về một gia đình nhân loại lớn hơn của chúng ta, điều hữu ích là ghi nhớ rằng xã hội hoàn cầu không phải là tổng số các quốc gia khác nhau, mà là sự hiệp thông hiện hữu giữa họ. Cảm thức hỗ tương được thuộc về nhau có trước việc xuất hiện các nhóm cá thể. Mỗi nhóm đặc thù trở thành một phần của cơ cấu hiệp thông phổ quát và ở đó khám phá ra vẻ đẹp riêng của nó. Mọi cá nhân, bất kể nguồn gốc, đều biết rằng họ là một phần của gia đình nhân loại lớn hơn, nếu không có gia đình này, họ sẽ không thể hiểu được chính họ một cách đầy đủ.

150. Nhìn sự việc theo cách này mang lại niềm vui nhận ra rằng không một dân tộc, một nền văn hóa hay cá nhân nào có thể tự mình đạt được mọi sự: để đạt được sự viên mãn trong cuộc sống, chúng ta cần những người khác. Việc ý thức được các hạn chế và sự thiếu hoàn thiện của chính chúng ta, không hề là một đe dọa, nhưng trở thành chìa khóa để dự kiến và theo đuổi một dự án chung. Vì “con người là một hữu thể vừa có biên giới, vừa vô biên giới” [130].

Bắt đầu với khu vực của chúng ta

151. Nhờ việc trao đổi ở bình diện khu vực, qua đó, các nước nghèo hơn trở nên cởi mở đối với thế giới rộng lớn hơn, mà tính phổ quát không hẳn sẽ làm giảm các đặc điểm riêng biệt của họ. Sự cởi mở thích hợp và chân chính với thế giới giả định khả năng cởi mở với hàng xóm của mình trong gia đình các quốc gia. Do đó, hội nhập văn hóa, kinh tế và chính trị với các dân tộc láng giềng nên đi kèm với một diễn trình giáo dục biết cổ vũ giá trị của tình yêu thương đối với láng giềng của mình, bước đầu tiên không thể thiếu để đạt được sự hội nhập hoàn cầu lành mạnh.

152. Ở một số khu vực của các thành phố của chúng ta, vẫn còn một cảm thức khu xóm sống động. Mỗi người tự nhiên tri nhận được bốn phận phải đồng hành và giúp đỡ người người lân cận của mình. Ở những nơi mà những giá trị cộng đồng này được duy trì, người ta cảm nghiệm được một sự gắn gũi mang đặc điểm của lòng biết ơn, tình liên đới và sự hỗ tương. Tình khu xóm mang lại cho họ một cảm thức về bản sắc chung [131]. Ước chi các quốc gia lân bang có thể khuyến khích một tinh thần láng giềng tương tự giữa các dân tộc của họ! Tuy nhiên, tinh thần cá nhân chủ nghĩa cũng ảnh hưởng đến các tương quan giữa các quốc gia. Sự nguy hiểm khi nghĩ rằng chúng ta phải tự vệ chống lại nhau, coi người khác là đối thủ cạnh tranh hoặc là kẻ thù nguy hiểm, cũng ảnh hưởng đến các tương quan giữa các dân tộc trong cùng một khu vực. Có lẽ chúng ta đã được huấn luyện kiểu sợ hãi và ngờ vực này.

153. Có những quốc gia hùng mạnh và những doanh nghiệp lớn hưởng lợi từ sự cô lập này và thích đàm phán riêng với từng quốc gia. Mặt khác, các nước nhỏ hoặc nghèo có thể ký các thỏa hiệp với các nước láng giềng trong khu vực giúp họ đàm phán như một khối và do đó tránh bị cắt đứt, cô lập và phụ thuộc vào các cường quốc. Ngày nay, không quốc gia nào có thể bảo đảm lợi ích chung cho dân mình nếu cứ mãi cô lập.

CHƯƠNG NĂM: MỘT LOẠI CHÍNH TRỊ TỐT HƠN

154. Sự phát triển của một cộng đồng huynh đệ hoàn cầu dựa trên việc thực hành tình hữu nghị xã hội từ phía các dân tộc và quốc gia đòi phải có một loại chính trị tốt hơn, một loại chính trị thực sự phục vụ lợi ích chung. Đáng buồn thay, chính trị ngày nay thường mang các hình thức nhằm cản trở sự tiến bộ hướng tới một thế giới khác.

CÁC HÌNH THỨC DÂN TÚY VÀ TỰ DO CHỦ NGHĨA

155. Sự thiếu quan tâm đến những người dễ bị tổn thương có thể ẩn nấp phía sau một chủ nghĩa dân túy nhằm khai thác những người này một cách mị dân cho các mục đích riêng của nó, hoặc một chủ nghĩa tự do chuyên phục vụ lợi ích kinh tế của những kẻ có quyền lực. Trong cả hai trường hợp, thật khó để dự kiến một thế giới cởi mở tạo không gian cho mọi người, kể cả những người dễ bị tổn thương nhất, và biểu lộ lòng tôn trọng đối với các nền văn hóa khác nhau.

Người được lòng dân và người dân túy

156. Trong những năm gần đây, chữ “dân túy chủ nghĩa” và “người dân túy” đã xâm nhập vào các phương tiện truyền thông và chuyện trò hàng ngày. Kết quả là, chúng đã mất đi bất cứ giá trị nào mà chúng có thể có, và trở thành một nguồn phân cực khác nữa trong một xã hội vốn đã chia rẽ. Các cố gắng đã được đưa ra để phân loại toàn bộ các dân tộc, các nhóm, các xã hội và chính phủ như là "dân túy" hoặc không. Ngày nay, việc bày tỏ quan điểm về bất cứ chủ đề nào mà không bị phân loại cách này hay cách khác đã trở nên bất khả, một là bị mất uy tín một cách bất công hai là được tung hô tận trời xanh.

157. Mưu toan coi chủ nghĩa dân túy như chìa khóa giải thích thực tại xã hội có vấn đề một cách khác: nó coi thường ý nghĩa chính đáng của hạn từ “nhân dân”. Bất cứ cố gắng nào nhằm loại bỏ khái niệm này khỏi cách nói thông thường có thể dẫn đến việc loại bỏ chính khái niệm dân chủ như là “chính phủ do nhân dân”. Nếu chúng ta muốn duy trì việc cho rằng xã hội không chỉ là một tập hợp đơn thuần các cá nhân, thì thuật ngữ “nhân dân” là điều chứng tỏ cần thiết. Có những hiện tượng xã hội tạo ra các khối đa số, cũng như các xu hướng lớn và các khát vọng cộng đồng. Những người đàn ông và đàn bà có khả năng đưa ra những mục tiêu chung vượt lên trên các khác biệt của họ và do đó có thể tham gia vào một nỗ lực chung. Rồi nữa, sẽ rất khó thực hiện một dự án dài hạn trừ khi nó trở thành một nguyện vọng tập thể. Tất cả các nhân tố này nằm phía sau việc chúng ta sử dụng các từ ngữ “nhân dân” và “được lòng dân”. Trừ khi chúng được xem xét - cùng với một việc phê bình đúng đắn về trò mị dân - một khía cạnh căn bản của thực tại xã hội sẽ bị làm ngơ.

158. Ở đây, có thể có một sự hiểu lầm. “‘Nhân dân’ không phải là một phạm trù luận lý học, cũng không phải là một phạm trù huyền bí, nếu qua đó chúng ta muốn nói rằng mọi sự nhân dân làm đều tốt cả, hoặc nhân dân là một thực tại ‘thiên thần’”. Đúng hơn, nó là một phạm trù huyền thoại... Khi giải thích điều bạn muốn nói qua hạn từ nhân dân, bạn phải sử dụng các phạm trù luận lý học để giải thích, và nhất thiết phải như vậy. Tuy nhiên, theo cách đó, bạn

không thể giải thích ý nghĩa của việc thuộc về một dân tộc. Hạn từ 'dân tộc' có một ý nghĩa sâu sắc hơn không thể phát biểu bằng các thuật ngữ luận lý học thuần túy. Trở thành một phần của dân tộc là trở thành một phần của bản sắc chung phát sinh từ các dây liên kết xã hội và văn hóa. Và đó không phải là một cái điều tự động, mà là một diễn trình chậm chạp, khó khăn... tiến tới một dự án chung” [132].

159. Quả có các nhà lãnh đạo “được lòng dân”, những người có khả năng giải thích cảm quan và động lực văn hóa của một dân tộc, và các xu hướng quan trọng trong xã hội. Việc phục vụ mà họ cung cấp trong cố gắng hợp nhất và lãnh đạo có thể trở thành nền tảng cho một viễn kiến lâu dài nhằm biên giới và tăng trưởng, vốn cũng bao gồm việc dành chỗ cho những người khác trong việc theo đuổi lợi ích chung. Nhưng điều này có thể thoái hóa thành một “chủ nghĩa dân túy” không lành mạnh khi các cá nhân có thể khai thác về chính trị nền văn hóa của một dân tộc, dưới bất cứ hình thức ý thức hệ nào, vì lợi thế bản thân của họ hoặc để tiếp tục nắm quyền. Hoặc khi, trong những lúc khác, họ tìm kiếm sự nổi tiếng bằng cách kêu gọi những khuynh hướng đê hèn và ích kỷ nhất của một số thành phần dân chúng. Điều này càng trở nên nghiêm trọng hơn khi, bất cứ dưới hình thức thô thiển hay tinh vi hơn, nó dẫn đến việc tiếm đoạt các định chế và luật lệ.

160. Các nhóm dân túy khép kín bóp méo hạn từ “nhân dân”, vì họ không nói về một nhân dân chân chính. Khái niệm "nhân dân" trên thực tế là một khái niệm mở (open-ended). Một nhân dân sống động và năng động, một nhân dân có tương lai, là một nhân dân không ngừng cởi mở đón nhận một tổng hợp mới qua khả năng chào đón các khác biệt. Bằng cách này, nó không phủ nhận bản sắc riêng của nó, nhưng cởi mở đối với việc được vận động, được thách thức, được mở rộng và làm giàu bởi những người khác, và do đó được tăng trưởng và phát triển hơn nữa.

161. Một dấu hiệu khác cho thấy sự suy giảm của khả năng lãnh đạo được lòng dân là quan tâm tới lợi thế ngắn hạn. Một lợi thế thoả mãn đòi hỏi thu được nhiều phiếu bầu hay sự ủng hộ hơn, nhưng không thúc đẩy, bằng một nỗ lực gian khổ và liên tục, việc tạo ra các nguồn tài nguyên mà nhân dân cần để phát triển và kiếm sống bằng chính nỗ lực và óc sáng tạo của họ. Về phương diện này, tôi đã nói rõ rằng “Tôi không có ý định đề xướng một chủ nghĩa dân túy vô trách nhiệm nào” [133]. Xóa bỏ bất bình đẳng đòi hỏi một việc tăng trưởng kinh tế có khả năng giúp khai thác tiềm năng của từng khu vực và do đó bảo đảm sự bình đẳng lâu dài [134]. Đồng thời, điều tiếp theo là "dự án phúc lợi, vốn đáp ứng các nhu cầu cấp thiết nào đó, chỉ nên được coi như các đáp ứng tạm thời ” [135].

162. Vấn đề lớn nhất là việc làm. Điều thực sự “được lòng dân” - vì nó cô vũ lợi ích của nhân dân - là cung cấp cho mọi người cơ hội để nuôi dưỡng những hạt giống mà Thiên Chúa đã gieo vào mỗi người chúng ta: các tài năng, sáng kiến và nguồn lực bẩm sinh của chúng ta. Đây là sự giúp đỡ tốt đẹp nhất mà chúng ta có thể dành cho người nghèo, con đường tốt nhất để có một cuộc sống hợp nhân phẩm. Do đó, tôi xin nhấn mạnh rằng, “giúp đỡ người nghèo về mặt tài chính luôn phải là một giải pháp tạm thời trước những nhu cầu cấp bách. Mục tiêu rộng lớn hơn luôn phải là giúp họ có một cuộc sống xứng đáng qua việc làm” [136]. Vì các hệ thống sản xuất có thể thay đổi, nên các hệ thống chính trị phải tiếp tục hoạt động để cấu trúc xã hội theo cách mọi người đều có cơ hội đóng góp tài năng và nỗ lực của riêng mình. Vì “không có cái nghèo nào tồi tệ hơn cái nghèo lấy mất việc làm và phẩm giá của việc làm” [137]. Trong một xã hội phát triển thực sự, việc làm là một chiều kích thiết yếu của đời sống xã hội, vì nó không những là phương tiện kiếm cơm hàng ngày mà còn là phương tiện phát triển bản thân, xây dựng các mối tương quan lành mạnh, tự phát biểu bản thân và trao đổi các thiên phú. Việc làm đem lại cho chúng ta ý thức về trách nhiệm chung đối với việc phát triển

thế giới, và cuối cùng, đối với cuộc sống của chúng ta như một dân tộc.

Lợi ích và giới hạn của các phương thức tự do

163. Khái niệm “nhân dân”, một khái niệm tự nhiên bao hàm quan điểm tích cực về các mối liên kết cộng đồng và văn hóa, thường bị các phương thức tự do của chủ nghĩa cá nhân bác bỏ; các phương thức này vốn coi xã hội chỉ là tổng số các lợi ích cùng sống chung với nhau. Người ta nói tới việc tôn trọng tự do, nhưng không có gốc rễ trong một trình thuật chung; trong một số bối cảnh nào đó, những người bênh vực quyền lợi của những thành viên dễ bị tổn thương nhất trong xã hội có xu hướng bị chỉ trích là những người theo chủ nghĩa dân túy. Ý niệm nhân dân bị coi như một cấu trúc trừu tượng, một điều không thực sự hiện hữu. Nhưng điều này tạo ra một lưỡng phân (dichotomy) không cần thiết. Cũng không thể coi khái niệm “nhân dân” hay “người lân cận” chỉ thuần túy có tính trừu tượng hay lãng mạn, đến nỗi việc tổ chức xã hội, khoa học và các định chế công dân có thể bị bác bỏ hoặc bị đối xử một cách khinh miệt [138].

164. Mặt khác, đức ái hợp nhất cả hai chiều kích - trừu tượng và định chế - vì nó đòi hỏi một diễn trình hữu hiệu thay đổi lịch sử bao trùm mọi sự: các định chế, luật pháp, kỹ thuật, kinh nghiệm, chuyên môn nghề nghiệp, phân tích khoa học, thủ tục hành chính, và vân vân. Đối với vấn đề đó, “cuộc sống riêng tư không thể hiện hữu trừ khi nó được bảo vệ bởi trật tự công cộng. Mái ấm gia đạo sẽ không có hơi ấm thực sự trừ khi nó được bảo vệ bởi luật pháp, bởi một trạng thái yên bình dựa trên luật pháp, và được hưởng mức an sinh tối thiểu được bảo đảm bởi sự phân công lao động, trao đổi thương mại, công bằng xã hội và quyền công dân chính trị” [139].

165. Lòng bác ái chân chính có khả năng kết hợp tất cả các yếu tố này trong mối quan tâm của nó đối với người khác. Trong trường hợp gặp gỡ bản thân, kể cả những cuộc gặp gỡ liên quan đến anh / chị / em ở xa hoặc bị lãng quên, nó có thể làm như vậy nhờ biết sử dụng mọi tài nguyên mà các định chế của một xã hội có tổ chức, tự do và sáng tạo có khả năng tạo ra. Chẳng hạn, ngay cả Người Samaritanô nhân hậu cũng cần có một quán trọ gần đó để có thể cung cấp sự giúp đỡ mà bản thân ông không thể cung cấp. Tình yêu người lân cận có tính cụ thể và không lãng phí bất cứ nguồn tài nguyên nào cần thiết cho việc mang lại thay đổi có tính lịch sử có thể sinh lợi ích cho người nghèo và người bị thiệt thòi. Tuy nhiên, đôi khi, các ý thức hệ cánh tả hoặc các học thuyết xã hội liên kết với phương thức hành động cá nhân chủ nghĩa và các thủ tục không hữu hiệu chỉ ảnh hưởng đến một số ít người, trong khi phần lớn những người bị bỏ quên vẫn phải phụ thuộc vào thiện chí của những người khác. Điều này chứng tỏ sự cần thiết phải có một tinh thần huynh đệ lớn hơn, nhưng cũng cần một tổ chức thế giới hữu hiệu hơn nhằm giải quyết các vấn đề đang gây họa cho những người bị bỏ rơi đang đau khổ và ngắc ngoải ở các nước nghèo. Nó cũng cho thấy sẽ không có một giải pháp nào, không có một phương pháp luận duy nhất có thể chấp nhận nào, không có một công thức kinh tế nào có thể được áp dụng một cách không phân biệt cho mọi người. Ngay các nghiên cứu khoa học nghiêm ngặt nhất cũng chỉ có thể đề xướng các hướng hành động khác nhau.

166. Vậy thì, mọi sự đều phụ thuộc vào khả năng của chúng ta trong việc nhìn thấy sự cần thiết phải thay đổi tâm hồn, thái độ và lối sống. Nếu không, các tuyên truyền chính trị, các phương tiện truyền thông và những người lên khuôn công luận sẽ tiếp tục cổ vũ một nền văn hóa cá nhân chủ nghĩa và không phê phán, lệ thuộc lợi ích kinh tế và định chế xã hội không bị kiểm soát nhằm phục vụ những người đã được hưởng quá nhiều quyền lực. Những lời chỉ trích của tôi về mô hình kỹ trị không chỉ đơn giản nghĩ rằng nếu chúng ta kiểm soát được các thái quá của nó thì mọi sự sẽ yên ổn. Nguy cơ lớn hơn không phát sinh từ các đối tượng

chuyên biệt, các thực tại hoặc thể chế vật chất, mà từ cách chúng được sử dụng. Nó liên quan đến sự yếu đuối của con người, xu hướng ưa thích ích kỷ vốn là một phần của điều mà truyền thống Kitô giáo gọi là “tự dục”: khuynh hướng nhân bản chỉ quan tâm đến bản thân tôi, nhóm của tôi, những quyền lợi nhỏ nhen của riêng tôi. Tự dục không phải là một thiếu sót chỉ giới hạn ở thời đại của chúng ta. Nó đã có mặt từ thuở sơ khai của loài người, và chỉ thay đổi và mặc lây những hình thức khác nhau qua các thời đại, sử dụng bất cứ phương tiện nào mà mỗi khoảnh khắc lịch sử có thể cung cấp. Tuy nhiên, tự dục có thể được khắc phục với sự giúp đỡ của Thiên Chúa.

167. Giáo dục và dưỡng dục, việc quan tâm đến người khác, một cái nhìn được tổng hợp tốt về cuộc sống và sự phát triển tinh thần: tất cả những điều này đều có tính thiết yếu đối với các mối tương quan nhân bản có phẩm chất cao và đối với việc tạo điều kiện để chính xã hội phản ứng lại những bất công, sai lệch và lạm dụng kinh tế, kỹ thuật, chính trị và quyền lực truyền thông. Một số phương thức tự do làm ngơ nhân tố này về sự yếu kém của con người; chúng dự kiến một thể giới tuân theo một trật tự đã định sẵn và tự nó có khả năng bảo đảm một tương lai tươi sáng và cung cấp các giải pháp cho mọi vấn đề.

168. Thị trường, tự nó, không thể giải quyết mọi vấn đề, bất kể chúng ta thường được yêu cầu tin vào tín điều này của niềm tin tân tự do. Bất chấp thử thách là chi, trường phái tư tưởng nghèo nàn và lặp đi lặp lại này luôn đưa ra những công thức giống y như nhau. Chủ nghĩa tân tự do chỉ tự tái tạo mình bằng cách sử dụng các lý thuyết ma thuật “chảy tràn” hoặc “nhỏ giọt” - mà không dùng đến tên - như một giải pháp duy nhất cho các vấn đề xã hội. Nó ít đánh giá được thực tại này là điều được cho là “chảy tràn” không giải quyết được sự bất bình đẳng từng phát sinh ra các hình thức bạo lực mới đe dọa chính kết cấu của xã hội. Nhất thiết phải có một chính sách kinh tế chủ động nhằm “cổ vũ một nền kinh tế tạo điều kiện thuận lợi cho tính đa dạng chế tác và tính sáng tạo kinh doanh” [140] và tạo khả thể cho việc làm được tạo ra chứ không bị cắt giảm. Đầu cơ tài chính, trong căn bản, nhằm thu lợi nhuận nhanh chóng tiếp tục gây tàn phá. Thật vậy, “nếu không có các hình thức liên đới nội bộ và tin cậy lẫn nhau, thị trường không thể hoàn thành đầy đủ chức năng kinh tế riêng của nó. Và ngày nay sự tin tưởng này đã không còn hiện hữu” [141]. Câu chuyện không kết thúc như dự kiến của nó, và các công thức giáo điều của lý thuyết kinh tế hiện hành được chứng tỏ không phải là không sai lầm. Tính mong manh của các hệ thống thế giới khi đối đầu với đại dịch đã chứng tỏ rằng không phải mọi sự đều có thể được giải quyết bằng tự do thị trường. Nó cũng chứng tỏ rằng, ngoài việc khôi phục một đời sống chính trị lành mạnh không bị chi phối bởi lệnh lạc tài chính, “chúng ta phải đặt nhân phẩm trở lại trung tâm và trên trụ cột đó, xây dựng các cấu trúc xã hội thay thế mà chúng ta vốn cần đến” [142].

169. Thí dụ, trong một số phương thức kinh tế khép kín và đơn sắc, dường như không có chỗ cho các phong trào bình dân nhằm kết hợp những người thất nghiệp, lao động tạm thời và phi chính thức và nhiều người khác không dễ dàng tìm được chỗ đứng trong các cơ cấu hiện có. Tuy nhiên, những phong trào đó quản lý nhiều hình thức kinh tế bình dân và sản xuất cộng đồng. Điều cần là một mô hình tham gia xã hội, chính trị và kinh tế "có thể bao gồm các phong trào bình dân và tiếp thêm sức mạnh cho các cơ cấu quản lý địa phương, quốc gia và quốc tế với luồng năng lực đạo đức phát sinh từ việc bao gồm cả những người bị loại trừ trong việc xây dựng một vận mệnh chung", trong khi cũng bảo đảm để “những kinh nghiệm liên đới lớn lên từ bên dưới, từ tầng đất cái (subsoil) của hành tinh - có thể đến với nhau, được phối hợp nhiều hơn, tiếp tục gặp gỡ nhau” [143]. Tuy nhiên, điều này phải xảy ra một cách không phản bội cách hoạt động khác biệt của họ như “những người gieo rắc thay đổi, cổ vũ một diễn trình bao gồm hàng triệu hành động, lớn và nhỏ, đan xen một cách sáng tạo như lời lẽ trong một bài thơ” [144]. Theo nghĩa này, những phong trào như vậy là “những nhà thơ

xã hội”, theo cách riêng của họ, đã làm việc, đề xướng, cổ vũ và giải phóng. Họ giúp làm cho khả hữu một sự phát triển con người toàn diện vượt ra ngoài “ý niệm coi các chính sách xã hội như chính sách *cho* người nghèo, chứ không bao giờ *với* người nghèo và không bao giờ *của* người nghèo, càng không như một phần của dự án nhằm tái hợp nhất mọi người” [145]. Họ có thể gây rắc rối, và một số “lý thuyết gia” có thể khó phân loại được họ, nhưng chúng ta phải tìm đủ can đảm để thừa nhận rằng, nếu không có họ, “dân chủ sẽ teo tóp, biến thành một hạn từ đơn thuần, một lễ thói; nó mất đi đặc tính đại diện của nó và trở thành thất thân, vì nó bỏ rơi con người trong cuộc đấu tranh hàng ngày giành phẩm giá, trong việc xây dựng tương lai của họ”.

QUYỀN LỰC QUỐC TẾ

170. Một lần nữa tôi cho rằng “cuộc khủng hoảng tài chính 2007-08 đã cung cấp cơ hội để phát triển một nền kinh tế mới, chú ý nhiều hơn đến các nguyên tắc đạo đức và nhiều cách thức mới để điều chỉnh các thực hành tài chính đầu cơ và của cải ảo. Nhưng phản ứng đối với cuộc khủng hoảng không bao gồm việc xem xét lại các tiêu chuẩn lỗi thời vẫn tiếp tục thống trị thế giới” [147]. Thật vậy, có vẻ như các chiến lược thực tế được phát triển khắp thế giới sau cuộc khủng hoảng đã cổ vũ chủ nghĩa cá nhân nhiều hơn, ít hội nhập hơn và tăng cường tự do cho những người thực sự có quyền lực, những người luôn tìm cách trốn thoát mà không hề hấn chi.

171. Tôi cũng xin nhấn mạnh rằng “dành cho mỗi người phần của họ - trích dẫn định nghĩa cổ điển về công lý - có nghĩa là không một cá nhân hay nhóm người nào có thể coi mình là tuyệt đối, có quyền phớt lờ phẩm giá và quyền lợi của các cá nhân khác hoặc các nhóm xã hội của họ. Sự phân bổ hữu hiệu quyền lực (nhất là quyền lực chính trị, kinh tế, quốc phòng và kỹ thuật) giữa tính đa nguyên của nhiều chủ thể và việc tạo ra một hệ thống pháp lý để điều chỉnh các yêu sách và quyền lợi, là một trong những cách cụ thể để hạn chế quyền lực. Tuy nhiên, thế giới ngày nay trình bày với chúng ta nhiều quyền lợi sai lầm và - đồng thời - nhiều bộ phận to lớn dễ bị tổn thương, nạn nhân của quyền lực bị thi hành một cách tồi tệ” [148].

172. Thế kỷ XXI “đang chứng kiến sự suy yếu quyền lực của các nhà nước quốc gia, chủ yếu vì các bộ phận kinh tế và tài chính, vốn có tính đa quốc gia, có xu hướng lấn lướt bộ phận chính trị. Trước tình hình đó, điều chủ yếu là thiết kế các định chế quốc tế được tổ chức mạnh mẽ và hữu hiệu hơn, với các viên chức được bổ nhiệm một cách công bằng theo thỏa thuận giữa các chính phủ quốc gia và được quyền áp đặt các biện pháp trừng phạt” [149]. Khi chúng ta nói tới việc có thể có một số hình thức thẩm quyền thế giới được luật pháp quy định [150], chúng ta không nhất thiết phải nghĩ đến một thẩm quyền cá nhân. Tuy nhiên, một cơ quan như vậy ít nhất phải cổ vũ các cơ quan thế giới hữu hiệu hơn, được trang bị quyền được cung ứng cho lợi ích chung hoàn cầu, xóa bỏ đói nghèo và bảo vệ chắc chắn các nhân quyền căn bản.

173. Về khía cạnh này, tôi cũng xin lưu ý sự cần thiết phải cải tổ “Cơ quan Liên hiệp quốc, cũng như các định chế kinh tế và tài chính quốc tế tương tự, để khái niệm gia đình các quốc gia có thể có được thực tại” [151]. Không cần phải nói, điều này đòi hỏi phải có những giới hạn pháp lý rõ ràng để tránh quyền lực chỉ được đồng chọn bởi một số quốc gia và ngăn chặn những áp đặt văn hóa hoặc hạn chế các quyền tự do căn bản của các quốc gia yếu hơn trên cơ sở các khác biệt ý thức hệ. Vì “cộng đồng quốc tế là một cộng đồng pháp lý được thành lập dựa trên chủ quyền của mỗi quốc gia thành viên, không bị ràng buộc bởi một sự phụ thuộc đến phủ nhận hoặc hạn chế sự độc lập của quốc gia đó” [152]. Đồng thời, “công việc của Liên hiệp quốc, theo các nguyên tắc nêu trong Lời mở đầu và các Điều khoản đầu tiên của

Hiến chương thành lập, có thể được coi như sự phát triển và cổ vũ việc thượng tôn pháp luật, dựa trên việc nhận ra rằng công lý là điều kiện thiết yếu để đạt được lý tưởng huynh đệ phổ quát... Cần phải bảo đảm nguyên tắc thượng tôn pháp luật không bị thách thức và không một sử dụng thương lượng, hòa giải và trọng tài, như Hiến chương Liên hiệp quốc đã đề xướng, những điều vốn thực sự tạo nên một qui phạm pháp lý nền tảng” [153]. Cần phải ngăn chặn việc Cơ quan này bị phi hợp pháp hóa, vì các vấn đề và thiếu sót của nó có thể được cùng nhau bàn thảo và giải quyết.

174. Lòng can đảm và sự rộng lượng là những điều cần thiết để tự do thiết lập các mục tiêu chung và bảo đảm việc tuân thủ khắp thế giới các chuẩn mực thiết yếu nào đó. Để điều này thực sự hữu ích, điều cần thiết là phải đề cao “sự cần thiết phải trung thành với các thỏa thuận đã được ký kết (*pacta sunt servanda* [các hiệp định phải được phục vụ])” [154], và tránh “con cảm dỗ muốn nại tới luật sức mạnh hơn là sức mạnh của luật” [155]. Điều này có nghĩa phải củng cố “các công cụ có tính quy phạm để giải quyết hòa bình các tranh cãi... để tăng cường phạm vi và sức trói buộc của chúng” [156]. Trong số các công cụ có tính quy phạm này, nên dành ưu tiên cho các hiệp định đa phương giữa các quốc gia, vì, hơn các hiệp định song phương, các hiệp định này bảo đảm việc cổ vũ một lợi ích chung thực sự phổ quát và bảo vệ các quốc gia yếu hơn.

175. Nhờ Chúa quan phòng, nhiều nhóm và tổ chức trong xã hội dân sự giúp bù đắp các thiếu sót của cộng đồng quốc tế, sự thiếu phối hợp của nó trong các tình huống phức tạp, sự thiếu quan tâm của nó đến các nhân quyền căn bản và các nhu cầu thiết yếu của một số nhóm nào đó. Ở đây, chúng ta có thể thấy một ứng dụng cụ thể của nguyên tắc phụ đới, một nguyên tắc biện minh cho sự tham gia và hoạt động của các cộng đồng và tổ chức ở cấp thấp hơn như một phương tiện để tích hợp và bổ sung cho hoạt động của nhà nước. Các nhóm và tổ chức này thường thực hiện những nỗ lực đáng khen ngợi trong việc phục vụ lợi ích chung và các thành viên của họ đôi khi chứng tỏ một tính anh hùng thực sự, cho thấy một điều gì đó vĩ đại mà nhân loại của chúng ta vẫn còn có khả năng thực hiện.

BÁC ÁI XÃ HỘI VÀ CHÍNH TRỊ

176. Đối với nhiều người ngày nay, chính trị là một chữ gây khó chịu, thường là vì các sai lầm, tham nhũng và kém hiệu quả của một số chính trị gia. Cũng có những cố gắng làm mất uy tín chính trị, thay thế nó bằng kinh tế học hoặc bóp méo nó thành ý thức hệ này hay ý thức hệ nọ. Tuy nhiên, liệu thế giới của chúng ta có thể hoạt động mà không cần tới chính trị hay không? Liệu có thể có một diễn trình tăng trưởng hữu hiệu hướng tới tinh huynh đệ phổ quát và hòa bình xã hội mà không cần một sinh hoạt chính trị lành mạnh hay không? [157].

Nền chính trị chúng ta cần

177. Ở đây một lần nữa tôi xin nhận xét rằng “chính trị không nên phụ thuộc kinh tế, mà kinh tế cũng không nên phụ thuộc sự sai khiến của một mô hình kỹ trị dựa trên hiệu năng” [158]. Mặc dù rõ ràng phải bác bỏ việc lạm dụng quyền lực, tham nhũng, coi thường luật pháp và thiếu hiệu năng, nhưng “kinh tế mà không có chính trị thì không thể biện minh, vì điều này sẽ khiến chúng ta không thể ủng hộ các cách khác trong việc xử lý các khía cạnh khác nhau của cuộc khủng hoảng hiện nay” [159]. Thay vào đó, “điều cần thiết là một nền chính trị có tầm nhìn xa và có khả năng thực hiện một phương thức mới, toàn diện và liên ngành để xử lý các khía cạnh khác nhau của cuộc khủng hoảng” [160]. Nói cách khác, một “nền chính trị lành mạnh... có khả năng cải cách và phối hợp các định chế, cổ vũ các thực hành tốt nhất và vượt qua áp lực không xứng đáng và sức trì trệ bàn giấy” [161]. Chúng ta không thể mong đợi

kinh tế làm được điều này, cũng như không thể cho phép kinh tế tiếp quản quyền lực thực sự của nhà nước.

178. Trước nhiều hình thức chính trị nhỏ mọn chỉ biết tập chú vào lợi ích trước mắt, tôi xin nhắc lại rằng “nghệ thuật lãnh đạo đất nước chân thực được biểu lộ rõ ràng khi, trong những thời điểm khó khăn, chúng ta đề cao các nguyên tắc cao cả và nghĩ đến lợi ích chung lâu dài. Các thể lực chính trị không thấy việc đảm nhận nhiệm vụ này trong công cuộc xây dựng đất nước là chuyện dễ dàng” [162], càng không dễ dàng trong việc tạo dựng một dự án chung cho gia đình nhân loại, ngay lúc này và trong tương lai. Nghĩ tới những người sẽ đến sau chúng ta không phục vụ mục đích bầu cử, nhưng đó là điều công lý chân chính đòi hỏi. Như các Giám mục Bồ Đào Nha từng dạy, trái đất “là một vay mượn mà mỗi thế hệ đã tiếp nhận để trao lại cho thế hệ đến sau” [163].

179. Xã hội hoàn cầu đang mắc phải những khiếm khuyết nghiêm trọng về cơ cấu, những khiếm khuyết không thể giải quyết bằng các giải pháp từng phần hoặc sửa chữa nhanh chóng. Nhiều điều cần phải thay đổi, qua cải cách từ nền tảng và canh tân lớn lao. Chỉ một nền chính trị lành mạnh, bao gồm phần lớn các lĩnh vực và kỹ năng đa dạng nhất, mới có khả năng giám sát diễn trình này. Nền kinh tế nào chịu làm một bộ phận tạo thành chương trình chính trị, xã hội, văn hóa và đại chúng hướng đến lợi ích chung mới có thể mở đường cho “những khả thể khác nhau không liên quan đến việc ngăn cản óc sáng tạo của con người và các lý tưởng tiến bộ của nó, nhưng đúng hơn liên quan đến việc hướng năng lực đó theo những đường hướng mới” [164].

Tình yêu chính trị

180. Thừa nhận rằng mọi người đều là anh chị em của chúng ta, và tìm kiếm các hình thức hữu nghị xã hội bao gồm mọi người, không phải chỉ là điều không tưởng. Nó đòi hỏi một cam kết cương quyết để thiết kế ra các phương tiện hữu hiệu cho mục đích này. Mọi nỗ lực theo những đường hướng này đều trở thành một việc thực thi đức ái cao thượng. Vì trong khi các cá nhân có thể giúp đỡ những người khác đang gặp khó khăn, khi họ cùng tham gia vào việc khởi xướng các tiến trình xã hội cổ vũ tình huynh đệ và công bằng cho mọi người, họ quả tình đã bước vào “lĩnh vực bác ái ở bình diện rộng lớn nhất, tức bác ái chính trị” [165]. Điều này bao hàm việc ta phải làm việc cho một trật tự xã hội và chính trị mà linh hồn của nó chính là đức bác ái xã hội [166]. Một lần nữa, tôi xin kêu gọi sự đánh giá lại chính trị như “một ơn gọi cao cả và như một trong những hình thức bác ái cao nhất, vì nó tìm kiếm lợi ích chung” [167].

181. Mọi cam kết được gợi hứng bởi học thuyết xã hội của Giáo hội đều “phát xuất từ lòng bác ái, một lòng bác ái, theo lời dạy của Chúa Giêsu, vốn là tổng hợp của toàn bộ Lễ luật (x. Mt 22: 36-40)” [168]. Điều này có nghĩa thừa nhận rằng “tình yêu, tràn ngập những cử chỉ quan tâm nhỏ nhặt lẫn nhau, cũng mang tính dân sự và chính trị, và nó thể hiện trong mọi hành động nhằm xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn” [169]. Vì lý do này, lòng bác ái được phát biểu không những trong các mối liên hệ gần gũi và thân thiết mà còn trong “các mối liên hệ vĩ mô: có tính xã hội, kinh tế và chính trị” [170].

182. Lòng bác ái chính trị này phát sinh từ một ý thức xã hội vượt lên trên mọi tư duy cá nhân chủ nghĩa: “Lòng bác ái xã hội làm cho chúng ta yêu công ích, nó khiến chúng ta tìm kiếm một cách hữu hiệu lợi ích của mọi người, được coi không những như các cá nhân hay tư nhân, mà còn trong chiều kích xã hội nhằm hợp nhất họ” [171]. Mỗi chúng ta hoàn toàn là một con người khi chúng ta là một phần của một dân tộc; đồng thời, không có dân tộc nào mà

không tôn trọng cá tính riêng của mỗi con người. "Dân tộc" và "con người" là các thuật ngữ có tương quan qua lại với nhau. Tuy nhiên, ngày nay đang có những mưu toan nhằm giảm lược con người thành những cá nhân cô lập dễ bị thao túng bởi các quyền lực chỉ biết theo đuổi lợi ích giả mạo. Nền chính trị tốt sẽ tìm cách xây dựng các cộng đồng ở mọi bình diện của đời sống xã hội, nhằm điều chỉnh và định hướng lại việc hoàn cầu hóa và do đó tránh được những hậu quả phá hoại nó.

Tình yêu hữu hiệu

183. "Tình yêu xã hội" [172] làm cho chúng ta có khả năng tiến tới nền văn minh tình yêu, mà tất cả chúng ta đều có thể cảm thấy được kêu gọi tiến vào. Lòng bác ái, với sự thúc đẩy của nó hướng tới tính phổ quát, có khả năng xây dựng một thế giới mới [173]. Không phải là thứ tình cảm đơn thuần, nó là phương tiện tốt nhất để khám phá những nẻo đường hữu hiệu để mọi người phát triển. Tình yêu xã hội là một "sức mạnh có khả năng gây cảm hứng cho những cách thức mới trong việc tiếp cận các vấn đề của thế giới ngày nay, trong việc đổi mới một cách sâu sắc các cơ cấu, các tổ chức xã hội và các hệ thống luật pháp từ bên trong" [174].

184. Bác ái nằm ở trung tâm mọi xã hội lành mạnh và cởi mở, tuy nhiên ngày nay "nó dễ bị bác bỏ như là không thích hợp để giải thích và đưa ra định hướng cho trách nhiệm đạo đức" [175]. Bác ái, khi đi kèm với cam kết đối với sự thật, không chỉ là cảm giác cá nhân, và do đó, không cần phải "trở thành mồi cho những cảm xúc và ý kiến chủ quan ngẫu nhiên" [176]. Thật vậy, mối liên hệ chặt chẽ của nó với chân lý cổ vũ tính phổ quát của nó và giữ cho nó khỏi bị "giới hạn trong một lĩnh vực hẹp đòi hỏi thiếu các mối liên hệ" [177]. Nếu không, nó sẽ bị "loại khỏi các kế hoạch và diễn trình cổ vũ sự phát triển con người ở phạm vi hoàn cầu, trong cuộc đối thoại giữa nhận thức và thực hành" [178]. Không có chân lý, xúc cảm thiếu nội dung liên hệ và xã hội. Sự cởi mở của bác ái đối với sự thật, do đó, bảo vệ nó khỏi "chủ nghĩa duy tín (fideism) vốn tước đoạt chiều kích nhân bản và phổ quát của nó" [179].

185. Bác ái cần ánh sáng của sự thật mà chúng ta không ngừng tìm kiếm. "Ánh sáng đó vừa là ánh sáng của lý trí vừa là ánh sáng của đức tin" [180], và không thừa nhận bất cứ hình thức nào của thuyết duy tương đối. Tuy nhiên, nó cũng tôn trọng sự phát triển của các ngành khoa học và sự đóng góp thiết yếu của chúng trong việc tìm ra các phương tiện chắc chắn nhất và thực tiễn nhất để đạt được các kết quả mong muốn. Vì khi lợi ích của người khác bị đe dọa, các ý định tốt mà thôi chưa đủ. Các cố gắng cụ thể phải được thực hiện để mang lại bất cứ điều gì họ và các quốc gia của họ cần để phát triển.

THỰC THI TÌNH YÊU CHÍNH TRỊ

186. Có một loại tình yêu được "luận ra" (elicited): các hành vi của nó phát xuất trực tiếp từ nhân đức bác ái và hướng đến các cá nhân và dân tộc. Ngoài ra còn có một tình yêu thương "được truyền lệnh" (commanded), tự phát biểu qua các hành vi bác ái thúc đẩy người ta tạo ra nhiều định chế lành mạnh hơn, nhiều quy định công bằng hơn, nhiều cơ cấu hỗ trợ hơn [181]. Do đó, "đây là một hành động yêu thương cũng cần thiết không kém trong cố gắng tổ chức và cấu trúc xã hội để những người lân cận của mình không còn thấy họ trong cảnh nghèo đói nữa" [182]. Đây là một hành động bác ái nhằm giúp đỡ ai đó đang đau khổ, nhưng nó cũng là một hành vi bác ái, ngay cả khi chúng ta không biết người đó, làm việc để thay đổi các điều kiện xã hội đã gây ra đau khổ cho họ. Nếu ai đó giúp người già qua sông, thì đó là một hành vi bác ái tốt đẹp. Mặt khác, chính trị gia nào xây dựng một cây cầu thì đây cũng là một hành vi bác ái. Trong khi một người có thể giúp đỡ người khác bằng cách cung cấp cho họ một thứ

gì đó để ăn, thì chính trị gia nào tạo ra một việc làm cho họ, đó cũng là thực hành một hình thức bác ái cao cả sẽ tôn vinh hoạt động chính trị của ông ta hay bà ta.

Các hy sinh phát sinh từ tình yêu

187. Lòng bác ái trên, vốn là trái tim thiêng liêng của chính trị, luôn là tình yêu thương ưu tiên hơn dành cho những người thiếu thốn nhất; nó nâng đỡ mọi điều chúng ta làm thay cho họ [183]. Chỉ một cái nhìn do lòng bác ái biến đổi mới có thể giúp nhân phẩm của người khác được công nhận và do đó, người nghèo được thừa nhận và đánh giá cao trong phẩm giá của họ, được tôn trọng trong bản sắc và nền văn hóa của họ, và do đó thực sự hòa nhập vào xã hội. Cái nhìn đó nằm ở trung tâm của tinh thần chính trị chân chính. Nó nhìn thấy những nẻo đường mở rộng khác với những nẻo đường của một chủ nghĩa thực dụng vô hồn. Nó khiến chúng ta nhận ra rằng “không thể giải quyết tai tiếng nghèo đói bằng cách cổ vũ các chiến lược ngăn chặn chỉ làm an lòng người nghèo và làm cho họ thuần phục và không gây tổn thương. Buồn biết bao khi chúng ta thấy, đằng sau những công việc được cho là có lòng vị tha, người khác kia bị thu gọn để chỉ còn là người thụ động” [184]. Điều cần thiết là những nẻo đường mới để họ tự phát biểu và tham gia vào xã hội. Giáo dục phục vụ những điều này bằng cách giúp mỗi con người có thể lên khuôn tương lai của chính họ. Ở đây nữa, chúng ta cũng thấy tầm quan trọng của nguyên tắc phụ đới, một nguyên tắc không thể tách rời khỏi nguyên tắc liên đới.

188. Những xem xét trên giúp chúng ta nhận ra nhu cầu cấp thiết phải chống lại tất cả những gì đe dọa hoặc vi phạm các nhân quyền căn bản. Các chính trị gia được kêu gọi “phục vụ nhu cầu của các cá nhân và các dân tộc. Phục vụ những người gặp khó khăn đòi hỏi sức mạnh và sự dịu dàng, cố gắng và sự quảng đại giữa một não trạng duy chức năng và tư hữu hóa vốn nhất thiết dẫn tới 'nền văn hóa vứt bỏ'... Điều này có nghĩa lãnh trách nhiệm đối với con người hiện tại với tình huống hoàn toàn bị gạt ra ngoài lề và lo âu xao xuyến của họ, và có khả năng đem lại phẩm giá cho họ” [185]. Lẽ dĩ nhiên, nó cũng tạo ra một sinh hoạt mãnh liệt vì “tất cả phải... được thực hiện để bảo vệ cương vị xã hội và phẩm giá của con người” [186]. Các chính trị gia là những người hành động, những người xây dựng với các mục tiêu đầy tham vọng, được phú bẩm một tầm nhìn bao quát, thực tiễn và thực tế, nhìn quá bên kia biên giới của xứ sở họ. Mối quan tâm lớn nhất của chính trị gia không nên là những quan tâm gây ra bởi sự sụt giảm trong các cuộc thăm dò, mà bởi sự kiện không giải quyết một cách hữu hiệu “hiện tượng loại trừ kinh tế và xã hội, với những hậu quả đáng buồn của nó trong việc đối xử với con người, việc buôn bán các bộ phận và tế bào người, việc bóc lột tình dục trẻ em, lao động nô lệ, kể cả mại dâm, buôn bán ma túy và vũ khí, khủng bố và tội phạm quốc tế có tổ chức. Mức độ nghiêm trọng của những tình huống này, và con số sinh mạng vô tội bị chúng hy sinh lên đến mức, chúng ta phải tránh mọi cám dỗ muốn sa vào chủ nghĩa chiếu danh chỉ đưa ra các tuyên bố nhằm mang lại an tâm cho các lương tâm. Chúng ta cần lưu ý để các định chế của chúng ta thực sự hữu hiệu trong cuộc đấu tranh chống lại tất cả những tai họa này” [187]. Ta làm điều này bằng cách tận dụng một cách thông minh các nguồn tài nguyên to lớn do các tiến bộ kỹ thuật mang lại.

189. Chúng ta vẫn còn lâu mới có được một việc hoàn cầu hóa các nhân quyền căn bản nhất. Đó là lý do tại sao chính trị thế giới cần phải biến việc xóa bỏ hữu hiệu nạn đói thành một trong những mục tiêu hàng đầu và cấp bách của nó. Thật vậy, “khi đầu cơ tài chính thao túng giá cả lương thực, coi nó như một loại hàng hóa khác, hàng triệu người phải đau khổ và chết vì đói. Đồng thời, hàng tấn thức ăn bị vứt bỏ. Điều này tạo nên một tai tiếng thực sự. Nạn đói là một tội ác; thực phẩm là quyền bất khả chuyển nhượng” [188]. Thông thường, trong khi tiếp tục tranh cãi về ngữ nghĩa hoặc ý thức hệ, thì chúng ta đã để cho anh chị em của mình

chết vì đói và khát, không nơi nương tựa hoặc không được chăm sóc sức khỏe. Bên cạnh những nhu cầu căn bản vẫn chưa được đáp ứng này, buôn bán người còn biểu lộ một nguồn xấu hổ khác cho nhân loại, một nguồn mà nền chính trị quốc tế, vượt lên trên các diễn từ đẹp đẽ và các ý hướng tốt lành, không nên dung thứ nữa. Những điều này rất chủ yếu; chúng không thể được trì hoãn nữa.

Một tình yêu hòa nhập và hợp nhất

190. Bác ái chính trị còn được phát biểu qua tinh thần cởi mở đối với mọi người. Các nhà lãnh đạo chính phủ nên là những người đầu tiên thực hiện các hy sinh để cổ vũ cuộc gặp gỡ và tìm kiếm sự đồng thuận ít nhất trong một số vấn đề. Họ nên sẵn sàng lắng nghe các quan điểm khác và dành chỗ cho mọi người. Qua hy sinh và kiên nhẫn, họ có thể giúp tạo ra một thực tại đa diện đẹp đẽ, trong đó mọi người đều có chỗ đứng. Ở đây, các cuộc đàm phán kinh tế không hữu hiệu. Ta cần một điều khác nữa: trao đổi tài năng vì lợi ích chung. Nó có vẻ ngây thơ và không tưởng, nhưng chúng ta không thể từ bỏ mục tiêu cao cả này.

191. Vào thời điểm mà nhiều hình thức bất khoan dung cực đoan đang gây hại cho các mối liên hệ giữa các cá nhân, nhóm và dân tộc, chúng ta hãy cam kết sống và giảng dạy giá trị của việc tôn trọng người khác, của một tình yêu có khả năng chào đón các khác biệt, và dành ưu tiên cho phẩm giá mỗi con người hơn là các ý tưởng, quan điểm, thực hành và thậm chí cả tội lỗi của họ. Ngay cả khi các hình thức cuồng tín, sống khép kín và sự phân hóa xã hội và văn hóa ngày càng gia tăng trong xã hội ngày nay, một chính trị gia tốt sẽ đi bước trước và nhấn mạnh việc phải lắng nghe các tiếng nói khác nhau. Các bất đồng quan điểm có thể phát sinh ra xung đột, nhưng sự độc dạng đã được chứng tỏ là gây ngột ngạt và dẫn đến suy đồi văn hóa. Mong chúng ta không bằng lòng với việc bị đóng khung trong một thực tại bị phân mảnh.

192. Về nhĩa cạnh trên, Đại Imam Ahmad Al-Tayyeb và tôi đã kêu gọi “các kiến trúc sư của chính sách quốc tế và nền kinh tế thế giới làm việc tích cực để truyền bá nền văn hóa khoan dung và chung sống trong hòa bình; can thiệp ở cơ hội sớm nhất để ngăn chặn việc đổ máu người vô tội” [189]. Khi một chính sách chuyên biệt gieo rắc sự thù hận và sợ hãi đối với các quốc gia khác nhân danh phúc lợi của quốc gia mình, thì cần phải quan tâm tới điều đó, để phản ứng kịp thời và ngay lập tức để điều chỉnh đường lối.

TÍNH SINH HOA KẾT TRÁI HƠN LÀ CÁC KẾT QUẢ

193. Ngoài hoạt động không mệt mỏi của họ, các chính trị gia cũng là những người đàn ông và những người đàn bà. Họ được mời gọi thực hành tình yêu trong các mối liên hệ liên ngã hàng ngày. Với tư cách là những con người, họ cần cân nhắc điều này “thế giới hiện đại, với những tiên bộ kỹ thuật của nó, có xu hướng ngày càng chức năng hóa việc thỏa mãn các mong muốn của con người, hiện được phân loại và phân chia giữa nhiều dịch vụ khác nhau. Càng ngày người ta càng ít được gọi bằng tên, càng ngày hữu thể độc nhất này càng ít được coi như một con người có những cảm xúc, nỗi khổ, vấn đề, niềm vui và gia đình của riêng họ. Bệnh tật của họ chỉ được biết đến để chữa trị, tài chính của họ chỉ cần lo chu cấp cho họ, việc họ không có nhà ở chỉ để cho họ nơi ở, các mong muốn tiêu khiển và giải trí của họ chỉ là để thỏa mãn chúng”. Tuy nhiên, không bao giờ được quên rằng “việc yêu thương những con người tầm thường nhất như một người anh em, như thể không có ai khác trên thế giới này ngoài anh ta ra, không thể bị coi là lãng phí thời gian” [190].

194. Chính trị cũng phải dành chỗ cho tình yêu dịu dàng đối với người khác. “Dịu dàng là gì?

Đó là tình yêu đến gần và trở thành hiện thực. Một chuyển động bắt đầu từ trái tim của chúng ta rồi tiến qua mắt, tai và tay... Sự dịu dàng là con đường ưu tuyển của những người đàn ông và đàn bà mạnh mẽ, can đảm nhất” [191]. Giữa những lo lắng hàng ngày của đời sống chính trị, “những người nhỏ nhất, yếu đuối nhất, nghèo khổ nhất phải đánh động trái tim của chúng ta: quả thật, họ có ‘quyền’ kêu gọi trái tim và linh hồn của chúng ta. Họ là anh chị em của chúng ta, và vì vậy chúng ta phải yêu thương và chăm sóc họ” [192].

195. Tất cả những điều này có thể giúp chúng ta nhận ra rằng điều quan trọng không phải là liên tục đạt được những kết quả lớn lao, vì những điều này không phải lúc nào cũng khả hữu. Trong hoạt động chính trị, chúng ta nên nhớ rằng, “bất kể đáng bẽ ngoài, mỗi người đều vô cùng thánh thiện và đáng được chúng ta yêu mến. Do đó, nếu tôi có thể giúp đỡ ít nhất một người để họ có cuộc sống tốt đẹp hơn, điều đó đã biện minh cho sự hiến dâng đời tôi. Được làm dân trung thành của Thiên Chúa quả là một điều tuyệt diệu. Chúng ta đạt được sự viên mãn khi chúng ta đập đổ các bức tường và trái tim chúng ta tràn ngập những khuôn mặt và tên tuổi!” [193]. Những mục tiêu lớn trong mộng ước và kế hoạch của chúng ta có thể chỉ đạt được một phần. Tuy nhiên, bên kia điều này, những người yêu mến, và những người không còn coi chính trị chỉ đơn thuần là việc tìm kiếm quyền lực, “có thể chắc chắn rằng không một hành vi yêu thương nào của chúng ta, cũng như bất cứ hành vi quan tâm chân thành nào của chúng ta đối với người khác, bị mất đi. Không một hành vi yêu thương nào đối với Thiên Chúa sẽ mất đi, không một cố gắng quảng đại nào là vô nghĩa, không một sự chịu đựng đau đớn nào bị lãng phí. Tất cả những điều này bao bọc thế giới của chúng ta như một sinh lực” [194].

196. Vì lý do này, đặt niềm hy vọng của chúng ta vào sức mạnh tiềm ẩn của những hạt giống tốt lành mà chúng ta gieo, và do đó, khởi diễn các diễn trình mà thành quả của chúng sẽ được những người khác gặt hái là một điều thật sự cao thượng. Nền chính trị tốt kết hợp tình yêu với lòng hy vọng và với niềm tin vào kho lòng tốt vốn hiện diện trong trái tim con người. Thật vậy, “đời sống chính trị chân chính, được xây dựng trên việc tôn trọng luật pháp và đối thoại thẳng thắn giữa các cá nhân, liên tục được đổi mới bất cứ khi nào có việc nhận ra rằng mọi người đàn bà và đàn ông, và mọi thể hệ mới, đều hứa hẹn mang tới các năng lực mới về liên hệ, trí thức, văn hóa và tâm linh” [195].

197. Nhìn cách trên, chính trị là một điều cao quý hơn là những trò làm dáng, tiếp thị và quay cuồng truyền thông. Những trò này không gieo rắc gì ngoài sự chia rẽ, xung đột và sự hoài nghi âm thầm không thể huy động người ta theo đuổi một mục tiêu chung. Đôi khi, lúc nghĩ đến tương lai, chúng ta nên tự hỏi bản thân, "Tại sao tôi lại làm điều này?", "Mục tiêu thực sự của tôi là gì?" Vì, với thời gian trôi qua, ngấm lại quá khứ, những câu hỏi sẽ không phải là: "Có bao nhiêu người tán thành tôi?", "Bao nhiêu người đã bỏ phiếu cho tôi?", "Bao nhiêu người có hình ảnh tích cực về tôi?" Câu hỏi thực sự và có tiềm năng gây đau đớn sẽ là, "Tôi đã đặt bao nhiêu tình yêu vào công việc của mình?" "Tôi đã làm gì cho sự tiến bộ của nhân dân chúng ta?" "Tôi đã để lại dấu ấn gì trong đời sống xã hội?" "Tôi đã tạo ra những dây liên kết thực sự nào?" "Tôi đã giải phóng những sức mạnh tích cực nào?" "Tôi đã gieo bao nhiêu hòa bình xã hội?" "Tôi đã hoàn thành được điều gì tốt ở chức vụ tôi được giao phó?"

CHƯƠNG SÁU: ĐỐI THOẠI VÀ TÌNH HỮU NGHỊ TRONG XÃ HỘI

198. Tiếp cận, nói chuyện, lắng nghe, nhìn nhau, tiến đến chỗ biết và hiểu nhau, và tìm cơ sở chung: tất cả những điều này được tóm gọn trong một chữ “đối thoại”. Nếu chúng ta muốn gặp gỡ và giúp đỡ nhau, chúng ta phải đối thoại. Tôi không cần phải nhấn mạnh các ơn ích của việc đối thoại. Tôi chỉ cần nghĩ tới việc thế giới của chúng ta sẽ ra sao nếu không có cuộc

đổi thoại kiên nhẫn của những con người rộng lượng, những người giữ cho các gia đình và cộng đồng ở lại với nhau. Không giống như bất đồng và xung đột, cuộc đổi thoại kiên trì và can đảm không tạo ra những hàng tít lớn, nhưng lặng lẽ giúp thế giới sống tốt hơn chúng ta tưởng rất nhiều.

ĐỔI THOẠI XÃ HỘI CHO MỘT NỀN VĂN HÓA MỚI

199. Một số người cố gắng trốn chạy thực tại, trú ẩn trong thế giới nhỏ bé của riêng họ; những người khác phản ứng thực tại bằng bạo lực hủy diệt. Tuy nhiên, “giữa sự thờ ơ ích kỷ và sự phản kháng bạo động luôn có một lựa chọn khả hữu khác: đó là lựa chọn đổi thoại. Đổi thoại giữa các thế hệ; đổi thoại trong nhân dân, vì chúng ta hết thấy là dân tộc, có khả năng cho và nhận, trong khi vẫn cởi mở đối với sự thật. Một quốc gia phát triển mạnh mẽ khi cuộc đổi thoại xây dựng diễn ra giữa nhiều thành tố văn hóa phong phú của nó: văn hóa đại chúng, văn hóa đại học, văn hóa tuổi trẻ, văn hóa nghệ thuật, văn hóa kỹ thuật, văn hóa kinh tế, văn hóa gia đình và văn hóa truyền thông” [196].

200. Đổi thoại thường bị nhầm lẫn với một điều khá khác biệt: nóng nảy trao đổi ý kiến trên mạng xã hội, thường dựa trên thông tin truyền thông không phải lúc nào cũng đáng tin cậy. Những cuộc trao đổi này chỉ đơn thuần là những cuộc độc thoại song hành. Chúng có thể thu hút sự chú ý bởi giọng điệu gay gắt và hung hãn. Nhưng các cuộc độc thoại không lôi kéo được ai và nội dung của chúng thường mang tính tự phục vụ và mâu thuẫn.

201. Thật vậy, vô số sự kiện và ý kiến ồn ào của truyền thông thường gây trở ngại cho đổi thoại, vì nó cho phép mọi người ương ngạnh bám lấy các ý tưởng, sở thích và lựa chọn riêng của họ, với lời bào chữa rằng mọi người khác đều sai lầm. Việc làm mất uy tín và nhục mạ đối thủ ngay từ đầu trở nên dễ dàng hơn là việc mở ra một cuộc đổi thoại tương kính nhằm đạt được một thỏa thuận ở bình diện sâu sắc hơn. Tệ hơn nữa, loại ngôn ngữ này, thường được rút tĩa từ việc đưa tin của các phương tiện truyền thông về các chiến dịch chính trị, đã trở nên phổ biến đến độ trở thành một phần của cuộc trò chuyện hàng ngày. Cuộc thảo luận thường bị thao túng bởi các nhóm quyền lợi đặc biệt có quyền thế, những người tìm cách làm cho dư luận nghiêng một cách bất công về phía có lợi cho họ. Loại thao túng này có thể được thực hiện không những nơi các chính phủ, mà cả trong kinh tế, chính trị, truyền thông, tôn giáo và nhiều lĩnh vực khác. Người ta đưa ra nhiều cố gắng nhằm biện minh hoặc bào chữa cho loại thao túng đó khi nó có xu hướng phục vụ quyền lợi kinh tế hoặc ý thức hệ của riêng họ, nhưng sớm hay muộn nó sẽ quay lưng chống lại chính những quyền lợi đó.

202. Thiếu đổi thoại có nghĩa là trong những lĩnh vực riêng lẻ này, người ta quan tâm không phải đối với lợi ích chung, mà đối với lợi ích của quyền lực hoặc, cùng lắm, cũng là để tìm cách áp đặt các ý nghĩ của riêng họ. Vì vậy, bàn tròn trở thành những phiên đàm phán đơn thuần, trong đó các cá nhân cố gắng nắm bắt mọi lợi thế có thể có, thay vì hợp tác để theo đuổi lợi ích chung. Các bậc anh hùng trong tương lai sẽ là những người có thể phá vỡ cái khung suy nghĩ không lành mạnh này và kính cẩn cương quyết tôn trọng tính trung thực, vượt lên trên quyền lợi bản thân. Nhờ ý Thiên Chúa, những bậc anh hùng như vậy đang âm thầm xuất hiện, ngay lúc này, ở giữa lòng xã hội của chúng ta.

Cùng nhau xây dựng

203. Đổi thoại xã hội chân chính bao gồm khả năng tôn trọng quan điểm của người khác và thừa nhận rằng nó có thể bao gồm những xác tín và mối quan tâm chính đáng. Dựa trên danh tính và kinh nghiệm của họ, những người khác có điều để đóng góp và người ta mong muốn

rằng họ nên trình bày rõ ràng các lập trường của họ có lợi cho một cuộc tranh luận công khai hữu hiệu hơn. Khi các cá nhân hoặc các nhóm nhất quán trong suy nghĩ của họ, chịu bảo vệ các giá trị và niềm tin của họ, và khai triển lập luận của họ, thì điều này chắc chắn có lợi cho xã hội. Tuy nhiên, điều này chỉ có thể xảy ra theo mức độ có sự đối thoại chân chính và cởi mở với người khác. Thật vậy, “trong tinh thần đối thoại thực sự, chúng ta lớn lên trong khả năng nắm bắt được tầm quan trọng của những gì người khác nói và làm, ngay cả khi chúng ta không thể chấp nhận nó làm niềm tin của chính mình. Nhờ cách này, ta có thể thẳng thắn và cởi mở đối với niềm tin của chúng ta, trong khi tiếp tục thảo luận, tìm kiếm các điểm tiếp xúc, và trên hết, cùng làm việc và đấu tranh với nhau” [197]. Thảo luận công khai, nếu thực sự biết dành chỗ cho mọi người và không thao túng hoặc che giấu thông tin, là một kích thích liên tục để nắm bắt sự thật một cách tốt hơn, hoặc ít nhất để diễn đạt nó cách hữu hiệu hơn. Nó giữ cho các khu vực khác nhau không trở nên tự mãn và tự cho mình là trung tâm trong quan điểm và những mối quan tâm hạn chế của họ. Chúng ta đừng quên rằng “các dị biệt có tính sáng tạo; chúng tạo ra căng thẳng và nhờ việc giải quyết căng thẳng, nhân loại mới có sự tiến bộ” [198].

204. Càng ngày, người ta càng xác tín rằng, cùng với các tiên bộ khoa học chuyên ngành, chúng ta cần có việc truyền đạt liên ngành lớn lao hơn. Mặc dù thực tại là một, nhưng nó có thể được tiếp cận từ nhiều góc độ và phương pháp luận khác nhau. Có nguy cơ này là một tiên bộ khoa học đơn nhất được coi như lăng kính khả hữu duy nhất để xem xét một khía cạnh đặc thù của cuộc sống, của xã hội và của thế giới. Các nhà nghiên cứu nào, tuy là chuyên gia trong lĩnh vực của họ, nhưng cũng quen thuộc với những phát hiện của các ngành khoa học và các môn học khác, là những người biết phân định các khía cạnh khác của đối tượng nghiên cứu của họ và do đó có thể cởi mở đối với một nhận thức toàn diện và toàn vẹn hơn về thực tại.

205. Trong thế giới hoàn cầu hóa ngày nay, “các phương tiện truyền thông có thể giúp chúng ta cảm thấy gần gũi với nhau hơn, cảm nhận được tính hợp nhất của gia đình nhân loại, từ đó có thể gọi hứng cho tình liên đới và nỗ lực nghiêm túc để bảo đảm một cuộc sống xứng đáng hơn cho mọi người... Các phương tiện truyền thông có thể giúp chúng ta rất nhiều trong việc này, nhất là ngày nay, khi các mạng lưới truyền thông của con người đã có những bước tiến chưa từng thấy. Đặc biệt, Internet mang lại nhiều khả năng gặp gỡ và liên đới vô cùng to lớn. Đây là một điều thực sự tốt đẹp, một ơn phúc của Thiên Chúa” [199]. Chúng ta cần liên tục bảo đảm để các hình thức truyền thông ngày nay thực sự hướng dẫn chúng ta tới cuộc gặp gỡ phong phú với người khác, trung thực theo đuổi toàn bộ sự thật, phục vụ, gần gũi với những người kém may mắn và cổ vũ công ích. Như các Giám mục Úc đã chỉ ra, chúng ta không thể chấp nhận “một thế giới kỹ thuật số được thiết kế để khai thác các nhược điểm của chúng ta và chỉ mang ra những điều tồi tệ nhất nơi con người” [200].

Cơ sở của đồng thuận

206. Thuyết tương đối không phải là giải pháp. Dưới chiêu bài khoan dung, thuyết tương đối cuối cùng trao cách giải thích các giá trị đạo đức cho những người nắm quyền, để được định nghĩa theo ý thích của họ. “Trong trường hợp thiếu sự thật khách quan hoặc các nguyên tắc lãnh mạnh khác hơn việc thỏa mãn các mong muốn riêng và các nhu cầu trước mắt của chúng ta... chúng ta không nên nghĩ rằng các cố gắng chính trị hoặc sức mạnh pháp luật đã là đủ... Khi chính văn hóa bị băng hoại, và sự thật khách quan và các nguyên tắc có giá trị phổ quát không còn được duy trì, thì pháp luật chỉ có thể được coi như những áp đặt độc đoán hoặc các trở ngại cần phải tránh” [201].

207. Liệu ta có thể quan tâm đến sự thật, tìm kiếm sự thật có thể giải đáp ý nghĩa sâu xa nhất của cuộc sống không? Luật pháp là gì nếu không có sự xác tín, phát sinh từ những suy tư lâu đời và túi khôn vĩ đại, rằng mỗi con người đều thánh thiêng và bất khả xâm phạm? Nếu muốn có một tương lai, xã hội phải tôn trọng sự thật về nhân phẩm của chúng ta và phục tùng sự thật đó. Giết người không sai chỉ vì nó không được xã hội chấp nhận và bị pháp luật trừng phạt, mà vì một xác tín sâu sắc hơn. Đây là một sự thật không thể thương lượng đạt được bằng cách sử dụng lý trí và được chấp nhận trong lương tâm. Một xã hội sở dĩ cao quý và đứng đắn đặc biệt là nhờ biết nâng đỡ việc theo đuổi chân lý và tuân thủ điều căn bản nhất của các chân lý.

208. Chúng ta cần học cách vạch trần những cách khác nhau trong việc thao túng, bóp méo và che giấu sự thật trong ngôn từ công khai và riêng tư. Điều chúng ta gọi là "sự thật" không những chỉ là việc tường thuật các sự kiện và biến cố, như chúng ta thấy trên các báo chí hàng ngày. Nó chủ yếu là việc tìm kiếm các nền tảng vững chắc nâng đỡ các quyết định và luật lệ của chúng ta. Điều này đòi hỏi phải thừa nhận rằng tâm trí con người có khả năng vượt qua những mối quan tâm tức thời và nắm bắt một số sự thật bất biến, đúng bây giờ cũng như trong quá khứ. Nhờ biết nhìn vào bản chất của con người, lý trí khám phá ra những giá trị phổ quát bắt nguồn từ cùng một bản chất đó.

209. Nếu không, há không thể quan niệm được việc những nhân quyền căn bản mà ngày nay chúng ta vốn coi như không thể tấn công sẽ bị những người cầm quyền bác bỏ, một khi họ đã đạt được "sự đồng thuận" của một quần chúng thờ ơ hoặc bị đe dọa đó sao? Mà một sự đồng thuận đơn thuần giữa các quốc gia khác nhau, tự nó dễ bị thao túng y như thế, cũng không đủ để bảo vệ chúng. Chúng ta có dư bằng chứng cho thấy chúng ta có thể có nhiều điều tốt đẹp, nhưng chúng ta cũng phải thừa nhận tính phá hoại vốn có trong chúng ta. Há sự thờ ơ và chủ nghĩa cá nhân vô tâm mà chúng ta từng sa vào cũng không là kết quả của việc chúng ta lười biếng trong việc theo đuổi các giá trị cao hơn, các giá trị vượt lên trên nhu cầu trước mắt của chúng ta đó sao? Thuyết tương đối luôn mang đến nguy cơ này là điều này hoặc điều nọ được cho là sự thật sẽ bị những kẻ nắm quyền hoặc người khôn khéo áp đặt. Tuy nhiên, "khi nói đến các quy tắc đạo đức ngăn cấm điều ác nội tại, thì không có đặc quyền hay ngoại lệ nào dành cho bất cứ ai. Không có gì khác biệt cho dù ai đó là chủ nhân của thế giới hay là người 'nghèo nhất trong số những người nghèo' trên trái đất. Trước các đòi hỏi đạo đức, tất cả chúng ta đều tuyệt đối bình đẳng" [202].

210. Điều đang xảy ra hiện nay và lôi kéo chúng ta vào một lối suy nghĩ đòi bại và cần cỗi, là việc giản lược đạo đức và chính trị thành vật lý. Sự thiện và sự ác không còn hiện hữu trong chính chúng nữa; chỉ còn phép giải tích lợi hại và nặng nhẹ. Do sự chuyên vị lý luận đạo đức, luật pháp không còn được coi như phản ánh ý niệm công lý căn bản mà như phản chiếu các ý niệm đang thịnh hành. Do đó có sự suy sụp: mọi sự đều bị "san bằng thấp xuống như nhau" bởi một đồng thuận đổi trao phiến diện. Cuối cùng, luật của kẻ mạnh nhất thắng thế.

Đồng thuận và sự thật

211. Trong một xã hội đa nguyên, đối thoại là cách tốt nhất để nhận ra điều phải luôn được khẳng định và tôn trọng bất kể sự đồng thuận phù phiếm nào. Cuộc đối thoại như vậy cần được làm phong phú và soi sáng bởi các biện minh, các lập luận hợp lý, một loạt các viễn ảnh và sự đóng góp của nhiều lĩnh vực nhận thức và quan điểm khác nhau. Cuộc đối thoại này cũng không được loại trừ xác tín cho rằng có thể đạt được một số chân lý nền tảng nào đó luôn cần được đề cao. Thừa nhận sự hiện hữu của một số giá trị lâu dài nào đó, dù không phải lúc nào cũng dễ biện phân ra chúng, mang lại sự vững chắc và ổn định cho một nền đạo đức

xã hội. Ngay cả khi các giá trị căn bản đó được thừa nhận và chấp nhận nhờ đối thoại và đồng thuận, chúng ta thấy chúng vẫn vượt lên trên bất cứ sự đồng thuận nào; chúng ta thừa nhận chúng như các giá trị vượt quá các bối cảnh của chúng ta và không bao giờ thương lượng được. Sự hiểu biết của chúng ta về ý nghĩa và tầm quan trọng của chúng có thể gia tăng - và theo nghĩa này, sự đồng thuận là một điều có tính năng động - nhưng tự thân, chúng được coi như ổn định nhờ ý nghĩa nội tại của chúng.

212. Nếu một điều gì đó luôn phục vụ sự vận hành tốt đẹp của xã hội, há chẳng phải vì, nằm ở bên kia nó, có một sự thật lâu dài mà trí khôn ta có thể tiếp cận được đó sao? Nội tại trong bản chất của con người và xã hội vốn hiện hữu một số cơ cấu căn bản nào đó để hỗ trợ chúng ta phát triển và sinh tồn. Do đó, mà có một số yêu cầu và các yêu cầu này có thể được phát hiện nhờ đối thoại, mặc dù, nói một cách chính xác, chúng không được đồng thuận tạo ra. Sự kiện một số quy tắc nào đó cấp thiết đối với chính cuộc sống của xã hội là một dấu hiệu cho thấy chúng vốn tốt trong và tự chúng. Vì vậy, không cần thiết phải tương phản lợi ích của xã hội, sự đồng thuận và thực tại của sự thật khách quan. Ba thực tại này có thể được hòa hợp bất cứ khi nào, nhờ đối thoại, người ta không sợ đi vào trọng tâm của một vấn đề.

213. Phẩm giá của người khác phải được tôn trọng trong mọi hoàn cảnh, không phải vì phẩm giá đó là điều chúng ta đã sáng chế hay tưởng tượng ra, mà bởi vì con người sở hữu một giá trị nội tại vượt lên trên giá trị của các đồ vật vật chất và các tình huống không nhất thiết. Điều này đòi hỏi họ phải được đối xử khác nhau. Sự kiện mỗi hữu thể nhân bản đều có một phẩm giá bất khả chuyển nhượng là một chân lý tương ứng với bản chất con người bất chấp mọi thay đổi văn hóa. Vì lý do này, con người có phẩm giá bất khả xâm phạm như nhau trong mọi thời đại của lịch sử và không ai có thể tự cho mình là người được ủy quyền bởi bất cứ tình huống đặc thù nào có thể bác bỏ xác tín này hoặc hành động chống lại nó. Trí khôn có thể tìm hiểu thực tại của sự vật qua suy tư, kinh nghiệm và đối thoại, và tiến đến chỗ nhận ra trong thực tại đó, một thực tại vốn vượt quá nó, cơ sở của một số đòi hỏi đạo đức phổ quát nào đó.

214. Đối với những người bất khả tri, nền tảng này có thể chứng tỏ là đủ để đem lại một giá trị phổ quát vững chắc và ổn định cho các nguyên tắc đạo đức căn bản và không thể thương lượng có thể giúp ngăn ngừa các thảm họa hơn nữa. Là các tín hữu, chúng ta tin chắc rằng bản chất con người, vốn là nguồn gốc của các nguyên tắc đạo đức, được Thiên Chúa tạo dựng, và cuối cùng chính Người là Đấng ban nền tảng vững chắc cho những nguyên tắc này [203]. Điều này không dẫn đến tính cứng nhắc đạo đức cũng như không dẫn đến việc áp đặt bất cứ hệ thống đạo đức nào, vì các nguyên tắc đạo đức có giá trị từ trong nền tảng và một cách phổ biến có thể được hiện thân trong các quy tắc thực tiễn khác nhau. Vì vậy, luôn có chỗ dành cho đối thoại.

MỘT NỀN VĂN HÓA MỚI

215. “Cuộc sống, dù với mọi việc đối đầu của nó, vẫn là một nghệ thuật gập gờ” [204]. Tôi đã thường xuyên kêu gọi sự phát triển một nền văn hóa gập gờ có khả năng vượt quá các khác biệt và chia rẽ của chúng ta. Điều này có nghĩa là làm việc để tạo ra một khối đa diện có nhiều phía khác nhau nhưng tạo thành một thể thống nhất sắc sỡ, trong đó “tổng thể lớn hơn một phần” [205]. Hình ảnh khối đa diện có thể tượng trưng cho một xã hội trong đó, các khác biệt cùng hiện hữu, bổ sung, làm phong phú và soi sáng lẫn nhau, ngay cả giữa những bất đồng và dè dặt. Mỗi chúng ta đều có thể học được điều gì đó từ những người khác. Không ai là vô dụng và không ai có thể bị hy sinh. Điều này cũng có nghĩa phải tìm cách bao gồm những người hiện nằm ở ngoại vi cuộc sống. Vì họ có cách nhìn khác về sự việc; họ nhìn thấy các khía cạnh của thực tại vốn vô hình đối với các trung tâm quyền lực nơi đưa ra các

quyết định quan trọng.

Cuộc gặp gỡ trở thành văn hóa

216. Chữ “văn hóa” chỉ một điều đã ăn sâu vào một dân tộc, các xác tín trân trọng nhất và cách sống của họ. Nền “văn hóa” của một dân tộc không chỉ là một ý tưởng trừu tượng. Nó liên hệ đến các ước nguyện của họ, sở thích của họ và cuối cùng cách họ sống cuộc sống của họ. Nói đến nền “văn hóa gặp gỡ” có nghĩa là chúng ta, như một dân tộc, nên say mê với việc gặp gỡ người khác, tìm kiếm các điểm tiếp xúc, xây dựng những cầu nối, lập kế hoạch cho một dự án bao gồm mọi người. Điều này trở thành một khát vọng và một lối sống. Chủ thể của nền văn hóa này là nhân dân, chứ không đơn giản chỉ là một bộ phận của xã hội nhằm làm an tâm những người còn lại với sự giúp đỡ của các nguồn lực chuyên môn và các phương tiện truyền thông.

217. Hòa bình xã hội đòi hỏi sự chăm chỉ, lành nghề. Sẽ dễ dàng hơn nếu chỉ kiểm soát các quyền tự do và sự khác biệt bằng sự khôn khéo và một ít nguồn lực. Nhưng một nền hòa bình như thế sẽ hời hợt và mong manh, chứ không phải là thành quả của một nền văn hóa gặp gỡ nhằm mang lại sự ổn định lâu dài. Hòa nhập các khác biệt là một diễn trình khó khăn và chậm chạp hơn nhiều, nhưng nó bảo đảm một nền hòa bình chân chính và lâu dài. Hòa bình đó không thể đạt được chỉ nhờ vào những người trong sạch và không bị ô uế, vì “ngay cả những người có thể bị coi là đáng nghi vẫn do lỗi lầm của họ cũng có một điều gì đó để cung hiến mà ta không được bỏ qua” [206]. Nó cũng không phát xuất từ việc phớt lờ các đòi hỏi của xã hội hoặc chế ngự các xáo trộn, vì nó không phải là “một đồng thuận trên giấy tờ hay một nền hòa bình nhất thời cho một thiểu số hài lòng” [207]. Điều quan trọng là tạo ra các diễn trình gặp gỡ, các diễn trình nhằm xây dựng một dân tộc biết chấp nhận các khác biệt. Chúng ta hãy trang bị cho con cái chúng ta bằng các vũ khí đối thoại! Chúng ta hãy dạy chúng chiến đấu cho cuộc chiến văn hóa gặp gỡ tốt đẹp!

Niềm vui thừa nhận người khác

218. Tất cả những điều trên đòi hỏi khả năng biết thừa nhận quyền của người khác được là chính họ và được khác biệt. Sự thừa nhận này, khi trở thành một nền văn hóa, có thể tạo ra một giao ước xã hội. Không có nó, nhiều cách tinh vi có thể được tạo ra nhằm biến người khác trở thành vô nghĩa, không còn liên quan, không có giá trị gì đối với xã hội. Trong khi bác bỏ một số hình thức bạo lực trông thấy, một loại bạo lực khác xảo quyệt hơn có thể bắt rễ: bạo lực của những người coi thường những người khác biệt, đặc biệt khi các yêu cầu của những người này làm tổn hại đến quyền lợi riêng của họ bất cứ cách nào.

219. Khi một bộ phận của xã hội khai thác tất cả những gì thế giới có nghĩa vụ cung ứng, hành động như thể người nghèo không hiện hữu, thì cuối cùng sẽ có hậu quả. Không sớm thì muộn, việc phớt lờ sự hiện hữu và quyền lợi của người khác sẽ bùng nổ dưới một số hình thức bạo lực, thường ít ngờ nhất. Tự do, bình đẳng và tình huynh đệ có thể vẫn chỉ là những lý tưởng cao cả trừ khi chúng được áp dụng cho mọi người. Cuộc gặp gỡ không thể diễn ra chỉ giữa những người nắm giữ quyền lực kinh tế, chính trị hoặc học thuật. Cuộc gặp gỡ xã hội chân chính đòi phải có một cuộc đối thoại dựa trên nền văn hóa được phần lớn dân số chia sẻ. Việc thường xảy ra là các ý tưởng tốt đẹp không được các thành phần nghèo hơn của xã hội chấp nhận vì chúng được trình bày trong một bộ áo văn hóa không phải của họ và họ không thể đồng nhất hóa với nó. Một giao ước xã hội thực tiễn và bao trùm cũng phải là một “giao ước văn hóa”, một giao ước biết tôn trọng và thừa nhận các thế giới quan, các nền văn hóa và các lối sống khác nhau cùng hiện hữu với nhau trong xã hội.

220. Chẳng hạn, các dân tộc bản địa không phản đối sự tiến bộ, nhưng quan niệm của họ là một quan niệm khác về sự tiến bộ, thường mang tính nhân bản hơn so với nền văn hóa hiện đại của các dân tộc phát triển. Văn hóa của họ không phải là một nền văn hóa nhằm mang lại lợi ích cho những kẻ có quyền lực, những người được thúc đẩy tạo ra cho chính họ một loại thiên đường ở ngay trần gian này. Bất khoan dung và thiếu tôn trọng các nền văn hóa đại chúng bản địa là một hình thức bạo lực dựa trên cách nhìn chúng một cách lạnh lùng và mang tính phán xét. Không thể có sự thay đổi đích thực, sâu sắc và lâu dài trừ khi nó bắt đầu từ các nền văn hóa khác nhau, nhất là các nền văn hóa của người nghèo. Một giao ước văn hóa xa lánh lối hiểu độc khối (monolithic) về bản sắc của một nơi chốn đặc thù; nó bao hàm lòng tôn trọng đối với tính đa dạng bằng cách cung ứng các cơ hội thăng tiến và hòa nhập xã hội cho mọi người.

221. Một giao ước như vậy cũng đòi hỏi sự nhận thức ra rằng một số điều có thể bị bác bỏ vì lợi ích chung. Không ai có thể sở hữu toàn bộ sự thật hoặc thỏa mãn mọi mong muốn của mình, vì sự kỳ vọng đó sẽ dẫn đến việc triệt tiêu người khác bằng cách bác bỏ các quyền lợi của họ. Một khái niệm sai lầm về lòng khoan dung phải nhường chỗ cho một chủ nghĩa hiện thực đối thoại về phần những người đàn ông và những người đàn bà biết trung thành với các nguyên tắc của riêng họ trong khi thừa nhận rằng những người khác cũng có quyền làm như vậy. Đây là sự thừa nhận người khác một cách chân chính mà chỉ có tình yêu mới làm cho khả hữu. Chúng ta phải đứng vào vị trí của người khác, nếu chúng ta muốn khám phá ra điều gì là chân chính, hoặc ít nhất có thể hiểu được, trong các động cơ và mối quan tâm của họ.

PHỤC HỒI LÒNG TỐT

222. Chủ nghĩa cá nhân tiêu dùng đã dẫn đến sự bất công lớn. Những người khác bị xem như chỉ là trở ngại cho sự hiện hữu thanh thản của chúng ta; kết cục, chúng ta coi họ như những người làm ta khó chịu và chúng ta ngày càng trở nên hung hãn. Điều này càng đúng hơn trong thời kỳ khủng hoảng, thảm họa và khổ cực, khi chúng ta bị cám dỗ nghĩ theo câu nói cổ thời, “mọi người vì chính mình”. Tuy nhiên, ngay cả những khi đó, chúng ta vẫn có thể quyết định chọn việc nuôi dưỡng lòng tốt. Những người làm như vậy trở thành những ngôi sao rạng sáng giữa bóng tối.

223. Thánh Phaolô mô tả lòng tốt (kindness) như hoa trái của Chúa Thánh Thần (Gl 5:22). Ngài sử dụng chữ Hy Lạp *chrestotes*, chữ này mô tả một thái độ hòa nhã, dễ chịu và hỗ trợ, không thô lỗ hay xô xàng. Những cá nhân có phẩm chất này thường giúp làm cho cuộc sống của người khác dễ chịu hơn, nhất là bằng cách chia sẻ gánh nặng các nan đề, nhu cầu và nỗi sợ hãi của họ. Cách đối xử với người khác này có thể mang nhiều hình thức khác nhau: một hành động tử tế, một sự quan tâm không xúc phạm bằng lời nói hoặc việc làm, một sự sẵn sàng làm nhẹ bớt gánh nặng của họ. Nó bao gồm việc “nói những lời khuyên giải, sức mạnh, an ủi và khuyến khích” chứ không phải “những lời nhằm hạ thấp, gây buồn bã, tức giận hoặc biểu lộ sự khinh bỉ” [208].

224. Lòng tốt giải thoát chúng ta khỏi sự độc ác đôi khi đầu độc các mối liên hệ của con người, khỏi sự lo lắng vốn ngăn cản chúng ta nghĩ đến người khác, khỏi những hoạt động cuồng nhiệt đến quên rằng người khác cũng có quyền được hạnh phúc. Ngày nay, chúng ta thường không có cả thời gian lẫn năng lực để dừng lại và đối xử tốt với người khác, để nói “xin lỗi”, “bỏ quá cho”, “cảm ơn”. Tuy nhiên, thỉnh thoảng, một cách lạ lùng, một người tốt bụng bỗng xuất hiện và sẵn sàng gạt mọi sự khác sang một bên để thể hiện sự quan tâm, để ban tặng một nụ cười, để nói một lời động viên, lắng nghe giữa sự thờ ơ chung. Nếu chúng ta

nỗ lực hàng ngày để thực hiện chính điều này, chúng ta có thể tạo ra một bầu không khí xã hội lành mạnh, trong đó những hiểu lầm có thể được khắc phục và xung đột được ngăn chặn. Lòng tốt cần được trau dồi; nó không phải là nhân đức tư sản hời hợt. Chính vì nó bao hàm lòng quý mến và tôn trọng người khác, nên một khi lòng tốt trở thành một nét văn hóa trong xã hội, nó sẽ biến đổi lối sống, các mối liên hệ và cách các ý tưởng được thảo luận và so sánh. Lòng tốt tạo điều kiện thuận lợi cho việc tìm kiếm sự đồng thuận; nó mở ra những nẻo đường mới trên đó sự thù địch và xung đột sẽ đốt cháy mọi cây cầu.

CHƯƠNG BẢY: CÁC NẸO ĐƯỜNG GẶP GỠ ĐỔI MỚI

225. Nhiều nơi trên thế giới đang cần có những nẻo đường hòa bình để chữa lành các vết thương chưa lành. Cũng đang cần có những người kiến tạo hòa bình, những người đàn ông và đàn bà được chuẩn bị để làm việc một cách mạnh dạn và sáng tạo nhằm khởi xướng các diễn trình hàn gắn và gặp gỡ đổi mới.

BẮT ĐẦU LẠI TỪ SỰ THẬT

226. Cuộc gặp gỡ đổi mới không có nghĩa là quay trở lại thời điểm trước khi xảy ra xung đột. Tất cả chúng ta đều thay đổi theo thời gian. Đau đớn và xung đột biến đổi chúng ta. Chúng ta không còn sử dụng việc che đậy, kiêu ngạo nói nước đôi, các nghị trình đầu mặt và cách cư xử tốt nhằm che đậy thực tại như người ta vốn dùng trong đường lối ngoại giao trống rỗng. Những kẻ thù ác liệt cần phải nói từ sự thật một cách thẳng thắn và rõ ràng. Họ phải học cách trau dồi kỹ ức sám hối, một kỹ ức có thể chấp nhận quá khứ để không che khuất tương lai bằng những hối tiếc, những nan đề và kế hoạch của riêng họ. Chỉ bằng cách dựa trên sự thật lịch sử của các biến cố, họ mới có thể có các cố gắng rộng lớn và bền bỉ để hiểu nhau và phấn đấu cho một tổng hợp mới vì lợi ích của mọi người. Mọi “tiến trình hòa bình đều đòi hỏi sự cam kết lâu dài. Đó là một nỗ lực kiên nhẫn để tìm kiếm sự thật và công lý, để tôn vinh kỹ ức của các nạn nhân và từng bước mở đường cho một niềm hy vọng chung mạnh hơn mong muốn trả thù” [209]. Như các Giám mục Congo đã từng nói về một cuộc xung đột tái diễn đi tái diễn lại: “Các thỏa ước hòa bình trên giấy tờ sẽ không đủ. Chúng ta sẽ phải tiến xa hơn, bằng cách tôn trọng các đòi hỏi của sự thật liên quan đến nguồn gốc của cuộc khủng hoảng tái diễn đi tái diễn lại này. Người dân có quyền biết những gì đã xảy ra” [210].

227. “Thật ra, sự thật là người bạn đồng hành không thể tách biệt của công lý và lòng thương xót. Cả ba cùng có tính chủ yếu để xây dựng hòa bình; hơn thế nữa, mỗi điều đều ngăn cản điều kia khỏi bị thay đổi... Sự thật không nên dẫn đến sự trả thù, mà đúng hơn phải dẫn tới sự hòa giải và tha thứ. Sự thật có nghĩa là nói cho các gia đình tan nát vì nỗi đau những gì đã xảy ra với những người thân đã mất của họ. Sự thật có nghĩa là thú nhận những gì đã xảy ra với các vị thành niên bị tuyển mộ bởi những kẻ tàn ác và bạo lực. Sự thật có nghĩa là thừa nhận nỗi đau của những người đàn bà là nạn nhân của bạo lực và lạm dụng... Mọi hành động bạo lực vi phạm chống lại con người đều là vết thương trên da thịt nhân loại; mỗi cái chết do bạo lực làm thu nhỏ chúng ta như những con người... Bạo lực dẫn đến bạo lực nhiều hơn, hận thù tới hận thù nhiều hơn, chết đến chết nhiều hơn. Chúng ta phải phá vỡ vòng lẩn quẩn, một vòng lẩn quẩn xem ra không thể thoát được này” [211].

NGHỆ THUẬT VÀ KHOA KIẾN TRÚC HÒA BÌNH

228. Con đường dẫn đến hòa bình không có nghĩa là làm cho xã hội độc dạng một cách nhạt nhẽo, mà là đem mọi người đến chỗ làm việc chung với nhau, sát cánh, theo đuổi những mục tiêu có lợi cho mọi người. Hàng loạt các đề xuất thực tiễn và các kinh nghiệm đa dạng có thể

giúp đạt được các mục tiêu chung và phục vụ lợi ích chung. Các vấn đề mà xã hội đang gặp phải cần được nhận diện rõ ràng, để có thể đánh giá cao sự hiện hữu của các cách hiểu và cách giải quyết chúng khác nhau. Con đường dẫn đến sự hợp nhất xã hội luôn đòi hỏi phải thừa nhận khả năng này là những người khác, ít nhất là một phần, có quan điểm chính đáng, một điều gì đó đáng giá để đóng góp, ngay cả khi họ mắc lỗi lầm hoặc hành động tồi tệ. “Chúng ta đừng bao giờ giới hạn người khác vào những gì họ có thể đã nói hoặc đã làm, nhưng hãy coi trọng họ vì lời hứa mà họ vốn nhập thân” [212], một lời hứa luôn mang theo nó một tia hy vọng mới.

229. Các Giám mục Nam Phi đã nhấn mạnh rằng sự hòa giải đích thực đạt được một cách chủ động, “bằng cách tạo ra một xã hội mới, một xã hội dựa trên việc phục vụ người khác, thay vì mong muốn thống trị; một xã hội dựa trên việc chia sẻ những gì mình có với người khác, thay vì mỗi người ích kỷ tranh giành để có được càng nhiều của cải càng tốt; một xã hội trong đó giá trị của việc chung sống với nhau như những con người cuối cùng quan trọng hơn bất cứ nhóm nhỏ hơn nào, cho dù đó là gia đình, quốc gia, chủng tộc hay văn hóa” [213]. Như các Giám mục Nam Hàn đã nhấn mạnh, hòa bình thực sự “chỉ có thể đạt được khi chúng ta nỗ lực theo đuổi công lý qua đối thoại, theo đuổi hòa giải và cùng phát triển” [214].

230. Làm việc để vượt qua sự chia rẽ của chúng ta mà không làm mất đi bản sắc của chúng ta như các cá nhân phải giả thiết điều này là cảm thức căn bản thuộc về hiện diện nơi mọi người. Thật vậy, “xã hội được hưởng lợi khi mỗi người và nhóm xã hội cảm thấy thực sự như ở nhà. Trong một gia đình, cha mẹ, ông bà và con cái đều cảm thấy như ở nhà; không ai bị loại trừ. Nếu ai đó có vấn đề, thậm chí một vấn đề nghiêm trọng, thậm chí khi họ tự mình gánh vác nó, những người còn lại trong gia đình vẫn đến giúp người này; họ nâng đỡ người này. Vấn đề của người này là vấn đề của họ... Trong gia đình, mọi người đều đóng góp vào mục đích chung; mọi người đều hoạt động vì lợi ích chung, không phủ nhận cá nhân tính của mỗi người nhưng khuyến khích và nâng đỡ nó. Họ có thể cãi nhau, nhưng có một điều không thay đổi: tình liên kết gia đình. Những tranh chấp trong gia đình luôn được giải quyết sau đó. Các niềm vui và nỗi buồn của mỗi thành viên của nó đều được mọi người cảm nhận. Đó là ý nghĩa của một gia đình! Ước chi chúng ta có thể nhìn các đối thủ chính trị hoặc hàng xóm của mình theo cách chúng ta nhìn con cái hoặc vợ / chồng, mẹ hoặc cha của mình! Điều này sẽ tốt biết bao! Chúng ta có yêu xã hội của chúng ta hay nó vẫn còn là một điều gì đó xa vời, một điều gì đó ẩn danh không liên quan đến chúng ta, một điều gì đó không được chúng ta cam kết gắn thân?”[215]

231. Đàm phán thường trở nên cần thiết để lên khuôn các nẻo đường cụ thể dẫn đến hòa bình. Tuy nhiên, các diễn trình thay đổi dẫn đến nền hòa bình lâu dài được các dân tộc tạo ra trước hết; mỗi cá nhân có thể hành động như một chất men hữu hiệu bằng lối sống cuộc sống mỗi ngày của họ. Những thay đổi lớn lao không được tạo ra phía sau các bàn làm việc hoặc trong các văn phòng. Điều này có nghĩa “mọi người đều có vai trò căn bản trong một dự án sáng tạo vĩ đại đơn nhất: viết một trang sử mới, một trang đầy hy vọng, hòa bình và hòa giải” [216]. Có một “khoa kiến trúc” hòa bình, trong đó các định chế khác nhau của xã hội đóng góp, mỗi định chế tùy theo lĩnh vực chuyên môn riêng, nhưng cũng có một “nghệ thuật” hòa bình bao gồm mọi người chúng ta. Từ các tiến trình hòa bình khác nhau từng diễn ra ở các khu vực khác nhau trên thế giới, “chúng ta đã học được điều này là những cách thức tạo hòa bình này, những cách thức đặt lý lẽ lên trên trả thù, những cách thức tạo hài hòa tinh tế giữa chính trị và luật pháp, không thể bỏ qua sự tham gia của những người bình thường. Hòa bình không đạt được bằng các khuôn khổ quy phạm và các sắp xếp định chế giữa các nhóm chính trị hoặc kinh tế có ý nghĩa... Điều luôn hữu ích là lồng vào các tiến trình hòa bình của chúng ta kinh nghiệm của những lĩnh vực thường bị bỏ qua, để chính các cộng đồng có thể ảnh

hưởng đến việc phát triển một ký ức tập thể” [217].

232. Việc xây dựng hòa bình xã hội của một quốc gia không có kết thúc; đúng hơn, đó là “một nỗ lực luôn còn đó, một nhiệm vụ không bao giờ kết thúc, đòi hỏi sự dân thân của mọi người và thách thức chúng ta làm việc không mệt mỏi để xây dựng sự hợp nhất quốc gia. Bất chấp các trở ngại, khác biệt và quan điểm khác nhau về đường lối đạt được sự chung sống hòa bình, nhiệm vụ này kêu gọi chúng ta kiên trì trong cuộc đấu tranh nhằm cô vũ nền ‘văn hóa gặp gỡ’. Điều này đòi hỏi chúng ta phải đặt ở vị trí trung tâm của mọi hoạt động chính trị, xã hội và kinh tế chính con người, chủ thể được hưởng phẩm giá cao nhất, và việc tôn trọng công ích. Ước mong quyết tâm này giúp chúng ta thoát khỏi cơn cám dỗ muốn trả thù và thỏa mãn các quyền lợi đảng phái ngắn hạn” [218]. Các cuộc biểu tình bạo động công khai, về mặt này hay mặt khác, không giúp tìm được các giải pháp. Chủ yếu vì, như các Giám mục Colombia đã lưu ý một cách đúng đắn, “nguồn gốc và mục tiêu của các cuộc biểu tình dân sự không phải lúc nào cũng rõ ràng; một số hình thức thao túng chính trị nào đó có hiện diện và trong một số trường hợp, chúng đã bị khai thác cho quyền lợi đảng phái” [219].

Bắt đầu với người nhỏ bé nhất

233. Xây dựng tình bạn xã hội không những kêu gọi sự sáp lại gần nhau giữa các nhóm người đứng về các phe khác nhau trong một giai đoạn lịch sử khó khăn nào đó, nhưng còn kêu gọi sự gặp gỡ đối mới với những thành phần nghèo khó và dễ bị tổn thương nhất của xã hội. Vì hòa bình “không chỉ đơn thuần là không có chiến tranh mà còn là một cam kết không mệt mỏi - đặc biệt là về phía những người trong chúng ta có trách nhiệm lớn hơn – trong việc nhìn nhận, bảo vệ và khôi phục một cách cụ thể phẩm giá vốn thường bị bỏ qua hoặc làm ngơ của anh chị em chúng ta, để họ có thể coi mình như các nhân vật chủ đạo chính của vận mệnh quốc gia của họ” [220].

234. Thông thường, những thành viên dễ bị tổn thương hơn trong xã hội là nạn nhân của những sự khải quát hóa không công bằng. Nếu đôi khi, những người nghèo và những người mất hết sở hữu phản ứng bằng những thái độ có vẻ như chống đối xã hội, chúng ta nên nhận ra rằng trong nhiều trường hợp, những phản ứng đó phát sinh từ một lịch sử khinh miệt và loại trừ xã hội. Các Giám mục Châu Mỹ Latinh từng nhận xét rằng “chỉ có sự gần gũi làm chúng ta thành bạn bè mới có thể giúp chúng ta đánh giá cách sâu sắc các giá trị của người nghèo ngày nay, các nguyện vọng chính đáng của họ và cách sống đức tin của họ. Chọn người nghèo sẽ dẫn chúng ta đến tình bạn với người nghèo” [221].

235. Những người làm việc cho việc chung sống xã hội thanh bình không bao giờ nên quên rằng bất bình đẳng và thiếu sự phát triển toàn diện của con người khiến hòa bình trở thành bất khả hữu. Thật vậy, “không có các cơ hội bình đẳng, các hình thức xâm lược và xung đột khác nhau sẽ tìm được mảnh đất màu mỡ để phát triển và cuối cùng sẽ bùng nổ. Khi một xã hội – bất kể là địa phương, quốc gia hay hoàn cầu - sẵn lòng bỏ mặc một phần của chính nó ở ngoài rìa, thì không có chương trình hoặc nguồn lực chính trị nào dành cho các hệ thống giám sát hoặc thực thi pháp luật có thể bảo đảm được sự thanh bình vô thời hạn” [222]. Nếu chúng ta phải bắt đầu lại, nó luôn phải từ những người anh chị em bé nhỏ nhất của chúng ta.

GIÁ TRỊ VÀ Ý NGHĨA CỦA THA THỨ

236. Có những người không thích nói về hòa giải, vì họ nghĩ rằng xung đột, bạo lực và đổ vỡ là một phần hoạt động bình thường của một xã hội. Trong bất cứ nhóm người nào cũng luôn có những cuộc tranh giành quyền lực ít nhiều tinh vi giữa các phe phái khác nhau. Có người

nghĩ rằng cổ vũ sự tha thứ có nghĩa là nhường cơ sở và ảnh hưởng cho người khác. Vì lý do này, họ cảm thấy tốt hơn là giữ nguyên trạng mọi điều, duy trì sự cân bằng quyền lực giữa các nhóm khác nhau. Lại có những người khác tin rằng hòa giải là một dấu hiệu của sự yếu kém; không có khả năng đối thoại thực sự nghiêm túc, họ quyết định tránh né các vấn đề bằng cách phớt lờ các bất công. Không thể đối phó với các vấn đề, họ chọn nền hòa bình biểu kiến.

Xung đột bất khả kháng

237. Tha thứ và hòa giải là chủ đề trung tâm của Kitô giáo và, theo nhiều cách khác nhau, của các tôn giáo khác nữa. Tuy nhiên, có nguy cơ là sự hiểu biết và trình bày không thỏa đáng các xác tín sâu sắc này có thể dẫn đến định mệnh thuyết, thờ ơ và bất công, hoặc thậm chí bất khoan dung và bạo lực.

238. Chúa Giêsu không bao giờ cổ súy bạo lực hoặc bất khoan dung. Người công khai lên án việc sử dụng vũ lực để giành lấy quyền lực trên người khác: “Anh em biết : thủ lãnh các dân thì dùng uy mà thống trị dân, những người làm lớn thì lấy quyền mà cai quản dân. Giữa anh em thì không được như vậy” (Mt 20: 25-26). Thay vào đó, Tin Mừng cho chúng ta biết phải tha thứ “bảy mươi lần bảy” (Mt 18:22) và nêu gương người đầy tớ bất nhân, chính mình được tha thứ, nhưng lại không thể tha thứ cho người khác (x. Mt 18: 23-35).

239. Đọc các bản văn khác của Tân Ước, chúng ta có thể thấy các cộng đồng Kitô giáo sơ khai, sống trong một thế giới ngoại giáo nổi tiếng về sự băng hoại và sai lầm rộng rãi, đã tìm cách biểu lộ sự kiên nhẫn, lòng khoan dung và sự hiểu biết không hề sai sót. Một số bản văn rất rõ ràng về phương diện này: chúng ta được yêu cầu phải khuyên nhủ đối phương “một cách dịu dàng” (2 Tm 2:25) và khuyến khích “đừng nói xấu ai, tránh cãi vã, phải hòa nhã và biểu lộ lịch sự đối với mọi người. Vì chính chúng ta đã từng ngu dại” (Tt 3: 2-3). Sách Tông Đồ Công Vụ ghi nhận rằng các môn đệ, mặc dù bị một số nhà cầm quyền bắt bớ, nhưng “đã được mọi người yêu mến” (2:47; xem 4: 21.33; 5:13).

240. Tuy nhiên, khi chúng ta suy ngẫm về sự tha thứ, hòa bình và hòa hợp xã hội, chúng ta cũng bắt gặp câu nói choáng váng của Chúa Kitô: “Anh em đừng tưởng Thầy đến đem bình an cho trái đất; Thầy đến không phải để đem bình an, nhưng để đem gươm giáo. Quả vậy, Thầy đến để gây chia rẽ giữa con trai với cha, giữa con gái với mẹ, giữa con dâu với mẹ chồng. Kẻ thù của mình chính là người nhà” (Mt 10:34-36). Những lời này cần được hiểu trong đồng văn của chương trong đó chúng hiện diện, nơi rõ ràng Chúa Giêsu đang nói về lòng trung thành đối với quyết định của chúng ta bước theo chân Người; chúng ta không xấu hổ về quyết định đó, ngay cả khi nó kéo theo nhiều khổ cực khác nhau, thậm chí cả người thân của chúng ta cũng từ chối chấp nhận nó. Lời lẽ của Chúa Kitô không khuyến khích chúng ta tìm kiếm xung đột, mà chỉ đơn giản chịu đựng nó khi nó chắc chắn xảy đến, để việc tôn trọng con người không dẫn đến việc suy giảm lòng trung thành nói là để phục vụ điều được coi là hòa bình trong gia đình hoặc xã hội. Thánh Gioan Phaolô II đã nhận định rằng Giáo hội “không có ý định lên án mọi hình thức xung đột xã hội có thể có. Giáo hội nhận thức rõ ràng rằng trong dòng lịch sử, các xung đột quyền lợi giữa các nhóm xã hội khác nhau chắc chắn sẽ phát sinh, và khi đối mặt với những xung đột đó, các Kitô hữu thường phải có một lập trường, một cách trung thực và dứt khoát ” [223].

Xung đột chính đáng và sự tha thứ

241. Điều trên cũng không có nghĩa là kêu gọi sự tha thứ khi liên quan đến việc từ bỏ các

quyền của chính chúng ta, đối đầu với các quan chức tham nhũng, tội phạm hoặc những người sẽ làm giảm phẩm giá của chúng ta. Chúng ta được mời gọi yêu thương mọi người, không trừ ai; đồng thời, yêu một kẻ áp bức không có nghĩa là để họ tiếp tục đàn áp chúng ta, hoặc để họ nghĩ rằng những gì họ làm là có thể chấp nhận được. Ngược lại, tình yêu chân chính đối với kẻ áp bức có nghĩa là tìm cách khiến người đó chấm dứt sự áp bức của họ; nó có nghĩa là tước bỏ khỏi họ một sức mạnh mà họ đã không biết cách sử dụng, và là điều làm giảm nhân tính của chính họ và của người khác. Sự tha thứ không ngụ hàm việc để những kẻ áp bức tiếp tục chà đạp lên nhân phẩm của họ và của người khác, hoặc để cho các kẻ tội phạm tiếp tục hành vi sai trái của họ. Những người bị bắt công phải hết sức bảo vệ quyền lợi của chính họ và của gia đình họ, chính vì họ phải bảo tồn phẩm giá mà họ đã nhận được như một hồng ân đầy yêu thương của Thiên Chúa. Nếu một tên tội phạm đã làm hại tôi hoặc một người thân yêu, không ai có thể cấm tôi đòi hỏi công lý và bảo đảm rằng người này - hoặc bất cứ ai khác - sẽ không làm hại tôi hoặc những người khác, một lần nữa. Điều này hoàn toàn công chính; việc tha thứ không ngăn cấm nó mà thực sự đòi hỏi nó.

242. Điều quan trọng là không được chằm ngòi cho sự tức giận, một điều vốn không lành mạnh cho linh hồn chúng ta và linh hồn của những người thuộc chúng ta, hoặc trở nên bị ám ảnh với việc trả thù và tiêu diệt người khác. Không ai đạt được bình an nội tâm hoặc trở lại với cuộc sống bình thường theo cách đó. Sự thật là “không một gia đình nào, không một nhóm láng giềng nào, không một nhóm sắc tộc nào, càng không một quốc gia nào, có tương lai nếu sức mạnh hợp nhất họ, đem họ lại với nhau và giải quyết các khác biệt của họ là báo thù và hận thù. Chúng ta không thể đi đến thỏa thuận và hợp nhất vì mục đích trả thù, hoặc đối xử với người khác bằng cùng một bạo lực mà họ đã đối xử với chúng ta, hoặc âm mưu tạo cơ hội trả đũa dưới sự bảo trợ biểu kiến của pháp luật” [224]. Ta sẽ không thu được gì theo cách này và cuối cùng, sẽ mất mọi thứ.

243. Chắc chắn, “Vượt qua di sản cay đắng của những bất công, thù địch và sự ngờ vực do xung đột để lại không phải là một trách vụ dễ dàng. Nó chỉ có thể thực hiện được bằng cách chiến thắng sự ác bằng sự thiện (xem Rm 12:21) và bằng cách trau dồi những nhân đức phát huy hòa giải, liên đới và hòa bình” [225]. Bằng cách này, “những người nuôi dưỡng lòng tốt trong trái tim họ sẽ thấy rằng lòng tốt đó sẽ dẫn đến một lương tâm thanh thản và một niềm vui sâu sắc, ngay cả khi đang gặp khó khăn và hiểu lầm. Ngay cả khi bị đối đầu, lòng tốt không bao giờ yếu đuối mà trái lại, biểu lộ sức mạnh của nó bằng cách từ chối trả thù” [226]. Mỗi người trong chúng ta nên nhận ra rằng “ngay cả bản án khắc nghiệt mà tôi giữ trong lòng đối với anh trai hoặc em gái của mình, vết thương đang gây đau không bao giờ được chữa lành, hành vi phạm tội không bao giờ được tha thứ, sự hiềm thù sẽ chỉ làm tổn thương tôi, tất cả đều là những diễn hình của cuộc đấu tranh mà tôi phải mang trong mình, một ngọn lửa nhỏ tận sâu thẳm trong trái tim tôi cần được dập tắt trước khi nó biến thành ngọn lửa lớn” [227].

Cách tốt nhất để tiếp tục tiến bước

244. Khi các xung đột không được giải quyết mà được giấu kín hoặc chôn vùi trong quá khứ, sự im lặng có thể dẫn đến việc đồng lõa với những việc làm sai lầm và tội lỗi nghiêm trọng. Hòa giải đích thực không chạy trốn khỏi xung đột, mà phải đạt được trong xung đột, giải quyết nó qua đối thoại và thương lượng cởi mở, trung thực và kiên nhẫn. Xung đột giữa các nhóm khác nhau “nếu nó từ khước thù hận và hận thù lẫn nhau, dần dần sẽ thay đổi thành một cuộc thảo luận trung thực về những khác biệt dựa trên khát vọng công lý” [228].

245. Trong nhiều trường hợp, tôi đã nói về “một nguyên tắc không thể thiếu đối với việc xây dựng tình hữu nghị trong xã hội: đó là hợp nhất lớn hơn xung đột... Điều này không hẳn là

việc chọn một loại chủ nghĩa chiết trung, hoặc bắt người này phải tan hòa vào người khác, nhưng đúng hơn nhằm một giải quyết diễn ra trên bình diện cao hơn và duy trì những gì hợp lệ và hữu ích cho cả hai bên” [229]. Tất cả chúng ta đều biết rằng “khi chúng ta, trong tư cách cá nhân và cộng đồng, học cách nhìn xa hơn bản thân và những quyền lợi đặc thù của chúng ta, thì sự hiểu biết và cam kết hỗ trợ sẽ đơm hoa kết trái... trong một khung cảnh trong đó, xung đột, căng thẳng và thậm chí các nhóm từng bị coi là thù nghịch có thể đạt được một sự hợp nhất nhiều mặt, điều vốn làm nảy sinh cuộc sống mới [230].

KÝ ỨC

246. Đối với những người đã phải chịu đựng nhiều đau khổ bất công và tàn ác, không nên đòi một loại “tha thứ có tính xã hội”. Hòa giải là một hành vi bản thân, và không ai có thể áp đặt nó lên toàn bộ xã hội, dù nhu cầu cổ vũ nó lớn lao đến đâu. Về phương diện hoàn toàn bản thân, một người nào đó, bằng một quyết định tự do và quảng đại, có thể quyết định không đòi trừng phạt (x. Mt 5: 44-46), ngay cả khi xã hội và hệ thống công lý của nó có quyền đòi hỏi một cách chính đáng. Tuy nhiên, không thể tuyên bố một “việc hòa giải tổng quát” (blanket reconciliation) trong nỗ lực băng bó các vết thương bằng sắc lệnh hoặc che đậy những bất công bằng chiếc chiếc áo choàng lãng quên. Ai có thể nhân danh người khác đòi hỏi tha thứ? Quả là cảm động khi thấy có những người có thể bỏ qua những tổn hại mà họ phải chịu đựng để tha thứ, nhưng về mặt con người, cũng dễ hiểu nếu có những người không thể làm thế. Dù sao, quên không bao giờ là câu trả lời.

247. Nạn Diệt Chủng Do Thái (Shoah) không nên bị lãng quên. Nó là “biểu tượng lâu dài cho những vực thẳm mà cái ác của con người có thể sa xuống khi, bị thúc đẩy bởi các ý thức hệ sai lầm, nó không nhận ra phẩm giá căn bản của mỗi con người, một điều đáng được tôn trọng vô điều kiện bất kể nguồn gốc sắc tộc hay niềm tin tôn giáo” [231]. Khi nghĩ về điều đó, tôi không thể không lặp lại lời cầu nguyện này: “Lạy Chúa, xin nhớ đến chúng con trong lòng thương xót của Chúa. Xin ban cho chúng con ơn biết xấu hổ về những gì mà loài người chúng con đã làm, xấu hổ về sự sùng bái ngẫu thần to lớn này, về việc đã khinh thường và hủy hoại xác thịt chúng con mà Chúa đã tác tạo từ trái đất, rồi ban sự sống cho nó bằng hơi thở sự sống của chính Chúa. Không bao giờ nữa, lạy Chúa, không bao giờ nữa!” [232].

248. Chúng ta cũng không được quên những trái bom nguyên tử ném xuống Hiroshima và Nagasaki. Một lần nữa, “Tôi bày tỏ lòng kính trọng đối với tất cả các nạn nhân, và tôi cúi đầu trước sức mạnh và phẩm giá của những người đã sống sót những giây phút đầu tiên đó, trong nhiều năm sau đó, đã mang trong da thịt họ sự đau khổ tột cùng, và trong tinh thần họ những hạt giống tử thần vốn rút cạn dần sinh lực của họ... Chúng ta không thể để cho các thế hệ hiện tại và tương lai mất ký ức về những gì đã xảy ra. Đó là một ký ức bảo đảm và khuyến khích việc xây dựng một tương lai công bằng và huynh đệ hơn” [233]. Chúng ta cũng không được quên những cuộc bách hại, buôn bán nô lệ và những cuộc tàn sát sắc tộc vẫn tiếp diễn ở nhiều quốc gia khác nhau, cũng như nhiều biến cố lịch sử khác khiến chúng ta xấu hổ về nhân tính của mình. Chúng cần được ghi nhớ, luôn luôn và mãi mãi. Chúng ta không bao giờ được quên hoặc nhầm với chúng.

249. Ngày nay, chúng ta dễ bị cám dỗ muốn lật sang trang, nói rằng tất cả những điều này đã xảy ra từ lâu và chúng ta nên nhìn về tương lai. Vì Thiên Chúa, đừng làm vậy! Chúng ta không bao giờ có thể tiến lên phía trước mà không nhớ đến quá khứ; chúng ta không thể tiến bộ nếu không có một ký ức trung thực và thanh thản. Chúng ta cần “giữ cho ngọn lửa lương tâm tập thể sống động, làm chứng cho các thế hệ kế tiếp về nỗi kinh hoàng của những gì đã xảy ra”, vì việc làm chứng này “đánh thức và duy trì ký ức của các nạn nhân, để lương tâm

nhân loại thức tỉnh khi đối đầu với mọi khao khát thống trị và hủy diệt ” [234]. Chính các nạn nhân - các cá nhân, các nhóm xã hội hay các quốc gia - cần phải làm như vậy, kéo họ rơi vào não trạng dẫn tới việc biện minh cho trả đũa và mọi loại bạo lực nhân danh cái ác phải chịu đựng. Vì lý do này, tôi nghĩ không những tới việc cần phải nhớ những hành động tàn bạo, mà còn tất cả những người, giữa sự vô nhân đạo và đòi truy khủng khiếp đó, vẫn giữ được phẩm giá của họ và, bằng những cử chỉ nhỏ hay lớn, đã chọn phía liên đới, tha thứ và tình huynh đệ. Ghi nhớ sự tốt lành cũng là một điều lành mạnh.

Tha thứ nhưng không quên

250. Tha thứ không có nghĩa là quên. Hoặc đúng hơn, khi đối diện với một thực tại không thể phủ nhận, tương đối hóa hay che giấu, ta vẫn có thể tha thứ. Khi đối diện với một hành động không bao giờ có thể dung thứ, biện minh hay bào chữa, chúng ta vẫn có thể tha thứ. Đối diện với một điều gì đó không thể quên vì bất cứ lý do gì, chúng ta vẫn có thể tha thứ. Tha thứ tự do và chân thành là một điều cao quý, phản ánh khả năng tha thứ vô hạn của Thiên Chúa. Nếu sự tha thứ là nhưng không, thì nó có thể được biểu lộ ngay cả với những người cưỡng lại sự ăn năn và không thể cầu xin sự tha thứ.

251. Những ai thật lòng tha thứ vẫn không quên. Thay vào đó, họ nhất định không nhượng bộ trước cùng một sức mạnh hủy diệt từng gây ra cho họ rất nhiều đau khổ. Họ phá vỡ cái vòng luân luân; họ ngăn chặn bước tiến của các lực lượng hủy diệt. Họ nhất định không loan truyền trong xã hội tinh thần trả thù, một tinh thần sớm muộn gì cũng sẽ trở lại đòi trả giá. Việc trả thù không bao giờ thực sự thỏa mãn nạn nhân. Một số tội ác khủng khiếp và tàn nhẫn đến nỗi hình phạt của những kẻ đã gây ra chúng không thể dùng để sửa chữa được những tổn hại đã gây ra. Ngay cả việc giết chết tên tội phạm cũng không đủ, và bất cứ hình thức tra tấn nào cũng không thể chứng minh là tương xứng với những đau khổ gây ra cho nạn nhân. Trả thù không giải quyết được gì.

252. Điều này không có nghĩa là miễn trừng phạt. Công lý được tìm kiếm một cách thích đáng chỉ vì tình yêu công lý, vì tôn trọng nạn nhân, như một phương tiện ngăn ngừa tội ác mới và bảo vệ quyền lợi chung, chứ không phải như một lối thoát cho sự tức giận bản thân. Tha thứ chính là điều giúp chúng ta theo đuổi công lý mà không rơi vào vòng xoáy trả thù hay sự bất công của lãng quên.

253. Khi sự bất công xảy ra cho cả hai bên, điều quan trọng là phải xem xét rõ ràng xem chúng có trầm trọng như nhau hay có thể so sánh bất cứ cách nào hay không. Bạo lực do nhà nước gây ra, qua việc sử dụng các cơ cấu và quyền lực của nó, không ở cùng bình diện với bạo lực do các nhóm đặc thù gây ra. Dù sao, người ta không thể cho rằng những đau khổ bất công của một bên nên được tưởng niệm. Các Giám mục Croatia đã tuyên bố rằng, “chúng ta phải tôn trọng như nhau mọi nạn nhân vô tội. Không thể có sự khác biệt về chủng tộc, quốc gia, tuyên tín hoặc đảng phái” [235].

254. Tôi cầu xin Thiên Chúa “chuẩn bị tâm hồn chúng ta để gặp gỡ anh chị em của mình, để chúng ta có thể vượt qua các dị biệt bắt nguồn từ tư duy chính trị, ngôn ngữ, văn hóa và tôn giáo. Chúng ta hãy cầu xin Người xức dầu cho toàn bộ con người chúng ta bằng dầu thương xót của Người, dầu thơm chữa lành các bất công do sai lầm, hiểu lầm và tranh chấp gây ra. Và chúng ta hãy cầu xin Người ban ơn cho chúng ta ra đi, trong khiêm nhường và hiền lành, trên con đường tìm kiếm hòa bình đầy đòi hỏi nhưng làm ta phong phú” [236].

CHIẾN TRANH VÀ ÁN TỬ HÌNH

255. Có hai tình huống cực đoan có lúc đã được coi như giải pháp trong những hoàn cảnh đặc biệt bi thảm, mà không nhận ra rằng đó là những giải pháp sai lầm không giải quyết được vấn đề mà chúng có ý định giải quyết và cuối cùng không thể làm gì hơn là du nhập các yếu tố phá hoại mới vào kết cấu xã hội quốc gia và hoàn cầu. Đó là chiến tranh và án tử hình.

Sự bất công của chiến tranh

256. “Lòng kẻ mưu điều ác chất đầy chuyện lừa đảo, người cổ võ hoà bình được chan chứa niềm vui” (Cn 12:20). Tuy nhiên, có những người tìm kiếm giải pháp trong chiến tranh, thường xuyên được khuyến khích bởi sự đố vỡ liên hệ, tham vọng bá quyền, lạm dụng quyền lực, sợ hãi người khác và có xu hướng coi sự đa dạng là một trở ngại [237]. Chiến tranh không phải là bóng ma từ quá khứ mà là mối đe dọa thường trực. Thế giới của chúng ta đang gặp phải những khó khăn ngày càng tăng trên con đường chậm chạp dẫn đến hòa bình mà nó đã khởi diễn và đã bắt đầu đơm hoa kết trái tốt đẹp.

257. Vì các điều kiện tạo thuận lợi cho sự bùng nổ chiến tranh lại một lần nữa gia tăng, tôi chỉ có thể nhắc lại rằng “chiến tranh là sự phủ nhận mọi quyền lợi và là một cuộc tấn công bi đát vào môi trường. Nếu chúng ta muốn một cuộc phát triển con người toàn diện đích thực cho mọi người, chúng ta phải làm việc không mệt mỏi để tránh chiến tranh giữa các quốc gia và dân tộc. Để đạt được mục tiêu này, cần phải bảo đảm nguyên tắc thượng tôn pháp luật không bị thách thức và không mệt mỏi sử dụng thương lượng, hòa giải và trọng tài, như Hiến chương Liên hiệp quốc đã đề xướng, một hiến chương vốn thực sự trở thành quy phạm pháp chế nền tảng” [238]. Bảy mươi lăm năm kể từ khi Liên hiệp quốc được thành lập và kinh nghiệm của hai mươi năm đầu tiên của thiên niên kỷ này đã cho thấy: việc áp dụng đầy đủ các quy phạm quốc tế thực sự chứng tỏ có hiệu quả, và việc không tuân thủ các quy tắc đó là điều gây tai hại. Hiến chương Liên hiệp quốc, khi được tuân thủ và áp dụng một cách minh bạch và chân thành, là một điểm tham chiếu công lý bắt buộc và là một máng chuyển hòa bình. Ở đây không thể có chỗ cho việc ngụy tạo những ý định sai trái hoặc đặt quyền lợi đảng phái của một quốc gia hoặc một nhóm lên trên quyền lợi chung hoàn cầu. Nếu các quy tắc được coi chỉ như các phương tiện được sử dụng bất cứ khi nào nó tỏ ra có lợi thế, và bị bỏ qua khi không có lợi thế, thì các lực lượng vô kỷ luật sẽ xô lòng gây tổn hại nghiêm trọng cho xã hội, cho người nghèo và người dễ bị tổn thương, cho các mối liên hệ huynh đệ, cho môi trường và cho di sản văn hóa, với những mất mát không thể bù đắp cho cộng đồng hoàn cầu.

258. Chiến tranh có thể dễ dàng được lựa chọn bằng cách viện ra mọi lý do được cho là nhân đạo, phòng thủ hoặc đề phòng, và thậm chí sử dụng đến việc thao túng thông tin. Trong những thập niên gần đây, mọi cuộc chiến tranh đơn nhất đều được coi là “chính đáng”. *Sách Giáo lý của Giáo Hội Công Giáo* nói về khả thể phòng vệ chính đáng bằng sức mạnh quân sự, bao gồm việc chứng minh rằng một số “điều kiện nghiêm ngặt của tính hợp pháp về mặt đạo đức” [239] đã được đáp ứng. Tuy nhiên, người ta rất dễ rơi vào cách hiểu quá rộng rãi về cái quyền có thể có này. Vì theo cách này, một số người cũng có thể biện minh một cách sai lầm cả những cuộc tấn công “ngăn ngừa” hoặc các hành vi chiến tranh khó tránh được việc kéo theo “các tội ác và rối loạn còn tệ hơn cả tội ác cần được loại bỏ” [240]. Vấn đề là từ ngày có sự phát triển các vũ khí hạt nhân, hóa học và sinh học, cũng như những khả thể to lớn và ngày càng gia tăng của các kỹ thuật mới, chiến tranh đã có thêm một sức mạnh hủy diệt không ai kiểm soát nổi đang tác hại lên rất nhiều dân thường vô tội. Rõ ràng là “chưa bao giờ loài người có sức mạnh như vậy trên chính mình, nhưng cũng không có gì bảo đảm họ sẽ sử dụng nó một cách khôn ngoan” [241]. Do đó, chúng ta sẽ không thể coi chiến tranh như

một giải pháp, bởi vì những rủi ro của nó có lẽ luôn lớn hơn những lợi ích giả định mà người ta vốn gán cho nó. Ngày nay, khi đứng trước thực tại này, người ta rất khó bênh vực các tiêu chuẩn hợp lý, từng chín mùi trong các thế kỷ trước, để nói về một cuộc “chiến tranh chính nghĩa” có thể có. Không bao giờ còn xảy ra chiến tranh nữa! [242].

259. Cần phải nói thêm rằng, với việc gia tăng hoàn cầu hóa, điều xem ra như một giải pháp tức thì hoặc thiết thực cho một phần của thế giới sẽ khởi diễn một chuỗi các hậu quả bạo lực và thường tiềm ẩn, kết cục sẽ gây hại cho toàn bộ hành tinh và mở đường cho các cuộc chiến tranh mới và tồi tệ hơn trong tương lai. Trong thế giới ngày nay, không còn chỉ là những cuộc bùng nổ chiến tranh đơn lẻ ở quốc gia này hay quốc gia nọ; thay vào đó, chúng ta đang trải qua một "cuộc chiến tranh thế giới từng phần", vì vận mệnh của các quốc gia được liên kết chặt chẽ với nhau trên khung cảnh hoàn cầu.

260. Theo lời Thánh Gioan XXIII, “chủ trương cho rằng chiến tranh là một công cụ thích đáng để sửa chữa các vi phạm công lý là điều không còn ý nghĩa gì nữa” [243]. Khi đưa ra quan điểm này trong bối cảnh căng thẳng quốc tế lớn lao, ngài đã nói lên khát vọng hòa bình ngày càng gia tăng trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh. Ngài ủng hộ niềm xác tín cho rằng các lập luận phò hòa bình mạnh hơn bất cứ tính toán nào về quyền lợi đặc thù và niềm tin tưởng nào vào việc sử dụng vũ khí. Tuy nhiên, người ta đã không nắm vững các cơ hội do việc kết liễu Chiến tranh Lạnh mang lại vì thiếu viên kiến đối với tương lai và ý thức chung về vận mệnh chung của chúng ta. Thay vào đó, người ta thấy việc theo đuổi quyền lợi đảng phái mà không đề cao quyền lợi phổ quát là điều dễ dàng hơn nhiều. Bóng ma chiến tranh hãi hùng, do đó, đã bắt đầu có được một nền tảng mới.

261. Mọi cuộc chiến đều khiến thế giới chúng ta trở nên tồi tệ hơn trước. Chiến tranh là một thất bại của chính trị và của nhân loại, một sự đầu hàng đáng xấu hổ, một thất bại nhũn nhối trước các thế lực xấu xa. Chúng ta đừng sa lầy vào các cuộc thảo luận lý thuyết, mà hãy chạm vào da thịt bị thương của các nạn nhân. Một lần nữa, chúng ta hãy nhìn vào những vụ giết hại thường dân được coi như “thiệt hại phụ”. Chúng ta hãy hỏi chính các nạn nhân. Chúng ta hãy nghĩ tới những người tị nạn và di tản, những người chịu hậu quả của phóng xạ nguyên tử hoặc các cuộc tấn công bằng chất hóa học, những người mẹ mất con và những cậu bé và cô bé bị tàn tật hoặc tước mất tuổi thơ. Chúng ta hãy nghe những câu chuyện có thật về những nạn nhân bị bạo hành này, hãy nhìn vào thực tại bằng con mắt của họ và lắng nghe những câu chuyện họ kể bằng một trái tim rộng mở. Bằng cách này, chúng ta mới có thể nắm bắt được vực thẳm sự ác ở tâm điểm chiến tranh. Chúng ta cũng sẽ không bối rối khi bị coi là ngây thơ vì lựa chọn hòa bình.

262. Tự chúng, các quy tắc sẽ không đủ nếu chúng ta tiếp tục nghĩ rằng giải pháp cho các vấn đề hiện tại là răn đe bằng sợ hãi hoặc đe dọa vũ khí hạt nhân, hóa học hoặc sinh học. Thật vậy, “nếu chúng ta xem xét các mối đe dọa chính đối với hòa bình và an ninh với nhiều chiều kích của chúng trong thế giới đa cực của thế kỷ XXI này, chẳng hạn, như chủ nghĩa khủng bố, các xung đột bất đối xứng, an ninh mạng, các vấn đề môi trường, nghèo đói, thì không ít nghi ngờ sẽ nảy sinh liên quan đến sự bất cập của khả năng răn đe hạt nhân như một giải pháp hữu hiệu cho các thách thức như vậy. Những lo ngại này càng lớn hơn khi chúng ta xem xét các hậu quả thảm khốc về nhân đạo và môi trường sẽ xảy ra sau bất cứ việc sử dụng vũ khí hạt nhân nào, với những hậu quả tàn phá, bừa bãi và không thể kiểm soát được, theo thời gian và không gian... Chúng ta cũng cần tự hỏi mình rằng sự ổn định dựa trên sợ hãi sẽ bền vững ra sao, khi nó thực sự làm tăng nỗi sợ hãi và phá hoại các mối liên hệ tin cậy giữa các dân tộc. Hòa bình và ổn định quốc tế không thể dựa trên cảm thức an toàn giả tạo, dựa trên mối đe dọa hủy diệt lẫn nhau hoặc hủy diệt hoàn toàn, hoặc chỉ dựa vào việc duy trì sự cân bằng

quyền lực... Trong bối cảnh này, mục tiêu cuối cùng của việc loại bỏ hoàn toàn vũ khí hạt nhân trở thành một thách thức và mệnh lệnh đạo đức và nhân đạo... Sự liên lập và hoàn cầu hóa ngày một gia tăng có nghĩa là bất cứ giải đáp nào đối với mối đe dọa vũ khí hạt nhân đều phải mang tính tập thể và phối hợp, dựa trên sự tin tưởng lẫn nhau. Sự tin tưởng này chỉ có thể được xây dựng nhờ cuộc đối thoại thực sự hướng đến lợi ích chung chứ không phải để bảo vệ các lợi ích đầu mặt hoặc đặc thù nào” [244]. Với số tiền chi cho vũ khí và các chi tiêu quân sự khác, chúng ta hãy thành lập một quỹ hoàn cầu [245] để cuối cùng có thể chấm dứt nạn đói và tạo điều kiện cho việc phát triển ở các nước nghèo nhất, để công dân của họ không phải dùng đến các giải pháp bạo lực hoặc viển vông, hoặc phải rời khỏi đất nước của họ để tìm kiếm một cuộc sống xứng đáng hơn.

Án tử hình

263. Có một cách khác để loại bỏ những người khác, một cách không nhắm vào các quốc gia mà nhắm vào các cá nhân. Đó là án tử hình. Thánh Gioan Phaolô II đã tuyên bố rõ ràng và chắc chắn rằng hình phạt tử hình không phù hợp với quan điểm luân lý và không còn cần thiết xét theo quan điểm công lý hình sự [246]. Không thể lùi bước khỏi chủ trương này. Ngày nay chúng ta tuyên bố rõ ràng rằng “án tử hình là không thể chấp nhận được” [247] và Giáo hội kiên quyết kêu gọi bãi bỏ hình phạt này trên toàn thế giới [248].

264. Trong Tân Ước, trong khi các cá nhân được yêu cầu không được tự mình đoạt lấy công lý (x. Rm 12, 17.19), thì người ta cũng thừa nhận sự cần thiết phải có các thẩm quyền để áp đặt các hình phạt lên những kẻ bất lương (x. Rm 13: 4). (1 Pr 2:14). Thật vậy, “đời sống công dân, được cấu trúc xung quanh một cộng đồng có tổ chức, cần các quy tắc để sống chung, những qui tắc mà việc cố ý vi phạm chúng sẽ đòi phải có biện pháp uốn nắn thích đáng” [249]. Điều này có nghĩa là thẩm quyền công cộng hợp pháp có thể và phải “trừng phạt tùy theo mức độ nghiêm trọng của tội phạm” [250] và quyền tư pháp phải được bảo đảm “sự độc lập cần thiết trong lĩnh vực luật pháp” [251].

265. Từ những thế kỷ đầu tiên của Giáo hội, một số người đã rõ ràng phản đối hình phạt tử hình. Thí dụ, Lactantius cho rằng “không nên có ngoại lệ nào cả; việc giết một con người luôn luôn là điều bất hợp pháp” [252]. Đức Giáo Hoàng Nicholas I đã thúc giục để các nỗ lực phải được thực hiện “nhằm giải thoát khỏi án tử hình không những mọi người vô tội, mà cả mọi người có tội nữa” [253]. Trong phiên tòa xét xử những kẻ sát hại hai linh mục, Thánh Augustinô đã yêu cầu thẩm phán không lấy mạng những kẻ sát nhân với lý lẽ này: “Chúng tôi không phản đối việc ngài tước quyền tự do phạm tội ác thêm của những kẻ ác này. Mong muốn của chúng tôi là ngài để lại sự sống cho họ và không làm què cụt bất cứ bộ phận cơ thể nào của họ. Và, đồng thời, bằng các biện pháp cưỡng chế do luật pháp quy định, họ nên được biến đổi từ con giận dữ phi lý của họ thành sự thanh thản của những người có tâm trí lành mạnh, và từ việc làm xấu xa của họ thành một việc làm có ích nào đó. Điều này cũng được coi như một việc kết án, nhưng một kết án chỉ bao gồm một tình trạng trong đó sự táo bạo phạm tội không còn được tự do hành động và trong đó người ta có thời gian để ăn năn, phải được coi như một ơn ích hơn là một biện pháp trừng phạt đơn thuần... Hãy trừng phạt điều ác nhưng không quên điều phải có đối với nhân tính; ước chi các tàn ác của những kẻ phạm pháp không trở thành dịp để ngài vui hưởng khoái cảm trả thù, nhưng như những vết thương để ngài quan tâm chữa lành” [254].

266. Sợ hãi và phần nộ có thể dễ dàng dẫn đến việc xem hình phạt một cách đầy báo thù và thậm chí tàn nhẫn, thay vì là một phần của diễn trình chữa lành và tái hòa nhập vào xã hội. Ngày nay, “trong một số lĩnh vực chính trị và một số phương tiện truyền thông nào đó, bạo

lực và trả thù công cộng và tư riêng được kích thích, không những chống lại những người chịu trách nhiệm vi phạm tội ác, mà còn chống lại những người bị nghi ngờ vi phạm pháp luật, bất kể được chứng minh hay không ... Đôi khi có xu hướng cố tình bịa đặt ra kẻ thù: những nhân vật bị rập khuôn đại diện cho mọi đặc điểm mà xã hội tri nhận hoặc giải thích là có tính đe dọa. Các cơ chế tạo ra các hình ảnh này y hệt các cơ chế đã cho phép việc loan truyền những tư tưởng phân biệt chủng tộc trong thời đại của họ” [255]. Điều này càng làm nguy hiểm thêm việc thực hành ngày một gia tăng tại một số quốc gia biện pháp giam giữ ngăn ngừa, bỏ tù không xét xử và nhất là án tử hình.

267. Ở đây tôi muốn nhấn mạnh điều này “không thể tưởng tượng được việc các quốc gia ngày nay không có biện pháp nào khác ngoài hình phạt tử hình để bảo vệ cuộc sống của những người khác khỏi những kẻ xâm lược bất công”. Đặc biệt nghiêm trọng về phương diện này là các vụ gọi là hành quyết phi tư pháp hoặc phi pháp luật, thực chất là “những vụ giết người do một số quốc gia và các đại diện của họ cố ý thực hiện, thường được coi như các cuộc đụng độ với các tội phạm hoặc được trình bày như là hậu quả không cố tình của việc sử dụng sức mạnh hợp lý, cần thiết và tương xứng khi áp dụng pháp luật ” [256].

268. “Các lập luận chống lại án tử hình rất nhiều và nổi tiếng. Giáo hội đã chính thức kêu gọi phải chú ý đến một số lập luận này, chẳng hạn như khả thể sai sót tư pháp và việc sử dụng các hình phạt như vậy bởi các chế độ toàn trị và độc tài như một phương tiện đàn áp bất đồng chính kiến hoặc đàn áp các nhóm thiểu số tôn giáo và văn hóa, tất cả đều là các nạn nhân mà pháp luật của các chế độ đó coi là 'phạm pháp'. Tất cả các Kitô hữu và những người có thiện chí ngày nay được kêu gọi cố gắng không những để xóa bỏ án tử hình, bất kể hợp pháp hay bất hợp pháp, dưới mọi hình thức, nhưng còn để cải thiện tình trạng nhà tù, vì tôn trọng nhân phẩm của những con người bị tước mất tự do. Tôi muốn liên kết điều này với án tù chung thân... Bản án chung thân là một án tử hình kín đáo” [257].

269. Chúng ta nên ghi nhớ rằng “ngay cả kẻ giết người cũng không đánh mất phẩm giá bản thân của họ, và chính Thiên Chúa cam kết bảo đảm phẩm giá này” [258]. Việc kiên quyết bác bỏ án tử hình cho thấy ta có thể thừa nhận phẩm giá bất khả chuyển nhượng của mỗi con người và chấp nhận rằng họ có một thể đứng ở trong vũ trụ này. Nếu tôi không bác bỏ phẩm giá đó của người tội tệ nhất trong các phạm nhân, thì tôi sẽ không bác bỏ phẩm giá của bất cứ ai. Tôi sẽ dành cho mọi người khả thể chia sẻ hành tinh này với tôi, bất chấp mọi dị biệt của chúng tôi.

270. Tôi yêu cầu các Kitô hữu còn do dự về điểm này và những người bị cám dỗ muốn chiều theo bạo lực dưới bất cứ hình thức nào, hãy ghi nhớ những lời lẽ trong sách Isaia: “Họ sẽ rên grom thành lưỡi cày” (2: 4). Đối với chúng ta, lời tiên tri này đã lấy xương thịt từ Chúa Giêsu Kitô, Đấng, khi thấy một môn đệ bị cám dỗ dùng bạo lực, đã nói một cách quả quyết: “Hãy xô grom vào vỏ, vì tất cả những ai cầm grom sẽ chết vì grom”(Mt 26:52). Những lời này vang vọng lại lời cảnh báo cổ xưa: “Ta sẽ đòi mỗi người phải đền mạng sống của người anh em mình. Ai đổ máu con người, thì máu nó sẽ bị con người đổ ra” (St 9: 5-6). Phản ứng của Chúa Giêsu, xuất phát từ trái tim Người, đã thu hẹp khoảng cách của nhiều thế kỷ để đến với thời đại ta như một lời kêu gọi trường kỳ.

CHƯƠNG TÁM: CÁC TÔN GIÁO PHỤC VỤ TÌNH HUYNH ĐỆ TRONG THẾ GIỚI CỦA CHÚNG TA

271. Căn cứ vào sự tôn trọng của họ đối với mỗi con người như một tạo vật được kêu gọi làm con Thiên Chúa, các tôn giáo khác nhau đều góp phần đáng kể vào việc xây dựng tình huynh

đệ và bảo vệ công lý trong xã hội. Đối thoại giữa các tín đồ của các tôn giáo khác nhau không diễn ra chỉ vì mục đích ngoại giao, ân cần hay khoan dung. Theo lời của các Giám mục Ấn Độ, “mục tiêu của đối thoại là thiết lập tình hữu nghị, hòa bình và hòa hợp, cũng như chia sẻ các giá trị và kinh nghiệm tinh thần và đạo đức trong tinh thần sự thật và tình yêu” [259].

NỀN TẢNG TỐI HẬU

272. Là những tín hữu, chúng ta xác tín rằng, nếu không có sự cởi mở với Cha của mọi người, sẽ không có các lý do vững chắc và ổn định nào để kêu gọi tình huynh đệ. Chúng ta tin chắc rằng “chỉ với ý thức này: chúng ta không mò côi, mà là con cái, chúng ta mới có thể sống hòa bình với nhau” [260]. Vì “lý trí, tự nó, có khả năng nắm bắt sự bình đẳng giữa con người và mang lại sự ổn định cho việc chung sống như công dân của họ, nhưng nó không thể thiết lập ra tình huynh đệ” [261].

273. Về phương diện trên, tôi xin trích dẫn câu nói đáng nhớ sau đây: “Nếu không có chân lý siêu việt, chân lý mà nếu chịu vâng phục, con người sẽ đạt được bản sắc đầy đủ của mình, thì không có nguyên tắc chắc chắn nào để bảo đảm các mối liên hệ công chính giữa con người với nhau. Tư lợi của họ, như một giai cấp, một nhóm hay một quốc gia, chắc chắn sẽ khiến họ chống đối lẫn nhau. Nếu một ai đó không thừa nhận chân lý siêu việt, thì sức mạnh quyền lực sẽ tiếp quản, và mỗi người sẽ nghiêng về phía sử dụng trọn vẹn các phương tiện theo ý mình để áp đặt quyền lợi của mình hoặc ý kiến của mình mà không quan tâm đến quyền lợi của người khác. ... Người ta đã tìm thấy căn nguyên của chủ nghĩa toàn trị hiện đại trong việc phủ nhận phẩm giá siêu việt của con người, là chủ thể, trong tư cách hình ảnh hữu hình của Thiên Chúa vô hình, do đó, tự chính bản chất của họ, là chủ thể của các quyền lợi không ai có thể vi phạm – bất kể là cá nhân, nhóm, lớp, quốc gia hoặc tiểu bang nào. Thậm chí cả đả số xã hội cũng không thể vi phạm những quyền này, bằng cách chống lại thiểu số” [262].

274. Từ kinh nghiệm đức tin của mình và từ sự khôn ngoan tích lũy qua nhiều thế kỷ, nhưng cũng từ những bài học rút ra từ nhiều nhược điểm và thất bại của mình, chúng ta, các tín hữu của các tôn giáo khác nhau, biết rằng việc chúng ta làm chứng cho Thiên Chúa có ích lợi cho xã hội của chúng ta. Nỗ lực tìm kiếm Thiên Chúa với tấm lòng chân thành, miễn là không bao giờ bị các mục đích ý thức hệ hoặc tư lợi làm cho chúng ta nhụt chí, giúp chúng ta nhìn nhận lẫn nhau như những người bạn đồng hành, thực sự là anh chị em. Chúng ta xác tín rằng “khi nhân danh một ý thức hệ, có mưu toan loại bỏ Thiên Chúa khỏi một xã hội, thì xã hội đó kết cục sẽ tôn thờ ngẫu tượng, và chẳng bao lâu đàn ông và đàn bà sẽ mất hướng, phẩm giá của họ sẽ bị chà đạp và các quyền lợi của họ bị vi phạm. Các bạn biết rõ người ta đã gây ra biết bao đau khổ bởi việc khước từ tự do lương tâm và tự do tôn giáo, và vết thương đó để lại một nhân loại nghèo khổ như thế nào, vì thiếu hy vọng và lý tưởng để hướng dẫn họ” [263].

275. Cần phải nhìn nhận rằng “trong số những nguyên nhân quan trọng nhất gây ra các cuộc khủng hoảng của thế giới hiện đại là lương tâm con người đã thành vô cảm, là việc xa rời các giá trị tôn giáo và là chủ nghĩa cá nhân đương thịnh kèm theo bởi triết lý duy vật chuyên thần hóa con người và du nhập các giá trị vật chất và trần tục thay thế các nguyên tắc tối cao và siêu việt” [264]. Thật là sai lầm khi tiếng nói duy nhất được nghe thấy trong cuộc tranh luận công khai là tiếng nói của những người có quyền và “các chuyên gia”. Cần dành chỗ cho các suy tư phát sinh từ các truyền thống tôn giáo vốn là kho lưu trữ hàng thế kỷ kinh nghiệm và túi khôn. Vì “các tác phẩm cổ điển về tôn giáo có thể chứng tỏ là có ý nghĩa trong mọi thời đại; chúng có một sức mạnh bền bỉ [để mở ra những chân trời mới, kích thích tư tưởng, mở rộng trí óc và trái tim]”. Tuy nhiên, chúng thường bị coi thường, bị coi như kết quả của “chủ nghĩa duy lý thiên cận nào đó” [265].

276. Vì những lý do trên, trong khi tôn trọng quyền tự trị của sinh hoạt chính trị, Giáo hội không hạn chế sứ mệnh của mình trong phạm vi riêng tư. Trái lại, “Giáo Hội không thể và không được ở mãi bên lề” trong việc xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn, hoặc không “đánh thức trở lại năng lực tinh thần” vốn có khả năng đóng góp vào việc làm cho xã hội tốt đẹp hơn [266]. Đúng là các thừa tác viên tôn giáo không được tham gia vào chính trị đảng phái vốn là lãnh vực riêng của giáo dân, nhưng họ cũng không được từ bỏ chiều kích chính trị của chính đời sống [267], một chiều kích liên quan đến việc không ngừng lưu ý đến công ích và quan tâm đến việc phát triển con người toàn diện. Giáo hội “có vai trò công cộng vượt quá và vượt trên các hoạt động bác ái và giáo dục của mình”. Giáo Hội làm việc cho “sự thăng tiến của nhân loại và tình huynh đệ phổ quát” [268]. Giáo Hội không cho là mình cạnh tranh với các quyền lực trần thế, nhưng tự hiến như “một gia đình giữa các gia đình, Giáo hội là như thế, cởi mở đối với việc làm chứng trong thế giới ngày nay, cởi mở đối với đức tin, đức cậy và đức mến vào Chúa và vào những người mà Chúa vốn yêu thương bằng một tình yêu ưu tiên. Một ngôi nhà với những cánh cửa rộng mở. Giáo hội là một ngôi nhà với những cánh cửa rộng mở, bởi vì Giáo hội là một bà mẹ” [269]. Và để noi gương Đức Maria, Mẹ của Chúa Giêsu, “chúng ta muốn trở thành một Giáo hội phục vụ, rời nhà và ra khỏi những nơi thờ phượng, ra khỏi các phòng áo lễ, để đồng hành với cuộc sống, duy trì hy vọng, trở thành dấu chỉ hiệp nhất... để xây những cây cầu, phá sập các bức tường, để gieo các hạt giống hòa giải” [270].

Bản sắc Kitô giáo

277. Giáo hội trân quý những cách thức trong đó Thiên Chúa hoạt động nơi các tôn giáo khác, và “không bác bỏ điều gì là chân thực và thánh thiện trong các tôn giáo này. Giáo Hội rất coi trọng lối sống và cách cư xử của họ, những giới luật và học thuyết của họ... thường phản ánh một tia chân lý soi sáng cho mọi người nam và nữ ” [271]. Tuy nhiên, các Kitô hữu chúng ta ý thức rất rõ rằng “nếu âm nhạc của Tin Mừng ngưng vang lên trong chính con người chúng ta, chúng ta sẽ mất đi niềm vui phát sinh từ lòng cảm thương, tình yêu dịu dàng phát sinh từ lòng tín thác, khả năng hòa giải vốn bắt nguồn từ nhận thức này: chúng ta đã được tha thứ và được sai đi. Nếu âm nhạc của Tin Mừng ngưng vang lên trong nhà của chúng ta, quảng trường công cộng, nơi làm việc, đời sống chính trị và tài chính của chúng ta, thì chúng ta sẽ không còn nghe thấy những giai điệu thách thức chúng ta bảo vệ phẩm giá của mọi người nam và nữ” [272]. Những người khác uống từ các nguồn khác. Đối với chúng ta, nguồn suối của nhân phẩm và tình huynh đệ là ở nơi Tin Mừng của Chúa Giêsu Kitô. Từ đó nảy sinh việc, “đối với tư tưởng Kitô giáo và hành động của Giáo hội, địa vị thứ nhất dành cho mối liên hệ, cho sự gặp gỡ mâu nhiệm thiêng liêng là người khác, cho sự hiệp thông phổ quát với toàn thể gia đình nhân loại, như một ơn gọi của mọi người” [273].

278. Được kêu gọi bén rễ vào mọi nơi, Giáo hội đã có mặt trong nhiều thế kỷ trên khắp thế giới, vì đó là ý nghĩa của hạn từ “Công Giáo”. Như vậy, từ kinh nghiệm ân sủng và tội lỗi của mình, Giáo Hội có thể hiểu về đẹp của lời mời gọi yêu thương phổ quát. Thật vậy, “mọi điều nhân bản đều là mối quan tâm của chúng ta... bất cứ nơi nào hội đồng các quốc gia họp lại với nhau để thiết lập các quyền lợi và nghĩa vụ của con người, chúng ta rất vinh dự được có chỗ đứng của chúng ta trong đó” [274]. Đối với nhiều Kitô hữu, hành trình huynh đệ này cũng đều có Mẹ, mà tên người Mẹ này chính là Maria. Khi lãnh nhận chức mẹ phổ quát này dưới chân thập giá (x. Ga 19:26), Mẹ không chỉ quan tâm đến Chúa Giêsu mà còn quan tâm đến “những người con khác của Mẹ” (x. Kh 12:17). Trong quyền năng của Chúa Phục sinh, Mẹ muốn khai sinh một thế giới mới, trong đó, tất cả chúng ta là anh chị em, trong đó, có chỗ dành cho tất cả những ai bị xã hội chúng ta loại bỏ, trong đó, công lý và hòa bình được tôn

vinh.

279. Các Kitô hữu chúng ta yêu cầu rằng, ở những quốc gia nơi chúng ta là thiểu số, chúng ta được bảo đảm quyền tự do, ngay cả khi chính chúng ta cô vũ quyền tự do đó cho những người không phải là Kitô hữu ở những nơi họ là thiểu số. Một nhân quyền căn bản không được quên trong hành trình hướng tới tình huynh đệ và hòa bình. Đó là quyền tự do tôn giáo cho các tín hữu của mọi tôn giáo. Sự tự do này tuyên xưng rằng chúng ta có thể “xây dựng hòa hợp và hiểu biết giữa các nền văn hóa và tôn giáo khác nhau. Nó cũng làm chúng ta cho thực tại này là, vì những điều quan trọng được chúng ta chia sẻ thì rất nhiều, nên có thể tìm ra một phương tiện để sống chung một cách thanh thản, có trật tự và hòa bình, chấp nhận các khác biệt của mình và vui mừng rằng, là con cái của một Thiên Chúa, chúng ta thấy đều là anh chị em” [275].

280. Đồng thời, chúng ta cầu xin Thiên Chúa củng cố sự hiệp nhất trong Giáo Hội, một sự hiệp nhất được làm cho phong phú nhờ các dị biệt được hòa giải bởi hoạt động của Chúa Thánh Thần. Vì “trong Thần Khí duy nhất, tất cả chúng ta được rửa tội thành một thân thể” (1Cr 12:13), trong đó, mỗi thành viên đều có phần đóng góp khác biệt của mình. Như Thánh Augustinô từng nói, “tai nhìn qua mắt, và mắt nghe qua tai” [276]. Điều cũng khẩn cấp là tiếp tục làm chứng cho cuộc hành trình gặp gỡ giữa các tín phái Kitô giáo khác nhau. Chúng ta không thể quên ước muốn của Chúa Kitô “xin cho chúng hết thảy nên một” (x. Ga 17:21). Nghe lời kêu gọi của Người, chúng ta buồn bã nhận ra rằng diễn trình hoàn cầu hóa vẫn còn thiếu sự đóng góp có tính tiên tri và tâm linh của sự hiệp nhất Kitô giáo. Dù vậy, “ngay cả khi chúng ta đang thực hiện cuộc hành trình tiến tới sự hiệp thông trọn vẹn này, chúng ta có bổn phận làm chứng chung cho tình yêu mà Thiên Chúa vốn dành cho mọi người bằng cách cùng nhau phục vụ nhân loại” [277].

TÔN GIÁO VÀ BẠO LỰC

281. Cuộc hành trình hòa bình là điều khả hữu giữa các tôn giáo. Điểm xuất phát của nó phải là cách Thiên Chúa nhìn sự vật. “Thiên Chúa không nhìn bằng mắt, Chúa thấy bằng trái tim của Người. Và tình yêu của Thiên Chúa như nhau đối với mọi người, không phân biệt tôn giáo. Ngay cả khi họ là những người vô thần, tình yêu của Người vẫn vậy. Khi ngày cuối cùng đến, và có đủ ánh sáng để nhìn sự vật như chúng thực sự là, chúng ta sẽ thấy mình khá đáng ngạc nhiên” [278].

282. Do đó, “Các tín hữu chúng ta cần tìm dịp nói chuyện với nhau và cùng nhau hành động vì lợi ích chung và cô vũ người nghèo. Điều này không liên quan gì đến việc hạ thấp hoặc che giấu các xác tín sâu sắc nhất của chúng ta khi chúng ta gặp gỡ những người khác có suy nghĩ khác với chúng ta... Vì bản sắc của chúng ta càng sâu sắc, mạnh mẽ và phong phú, chúng ta càng có khả năng làm giàu người khác bằng sự đóng góp thích đáng của chính chúng ta” [279]. Các tín hữu chúng ta được thử thách quay về nguồn của mình, để tập trung vào điều thiết yếu: thờ phượng Thiên Chúa và yêu thương người lân cận, kéo một số giáo huấn của chúng ta, khi bị lấy ra khỏi bối cảnh, kết cục nuôi dưỡng các hình thức khinh miệt, hận thù, bài ngoại hoặc phủ định người khác. Sự thật là bạo lực không có cơ sở trong các xác tín tôn giáo nền tảng của chúng ta, mà chỉ là trong sự xuyên tạc chúng.

283. Sự thờ phượng khiêm cung và chân thành đối với Thiên Chúa “không đem lại hoa trái kỳ thị, hận thù và bạo lực, mà là hoa trái tôn trọng tính thánh thiêng của sự sống, tôn trọng phẩm giá và tự do của người khác, và cam kết đầy yêu thương đối với phúc lợi của mọi người” [280]. Quả thật, “ai không yêu thương, thì không biết Thiên Chúa, vì Thiên Chúa là

ình yêu” (1Ga 4: 8). Vì lý do này, "chủ nghĩa khủng bố là đáng trách và đe dọa an ninh của người ta - dù họ ở phương Đông hay phương Tây, phương Bắc hay phương Nam - và gieo rắc sự hoảng sợ, kinh hoàng và bi quan yếm thế, nhưng điều này không phải do tôn giáo, cho dù những kẻ khủng bố vốn biến nó thành công cụ. Đúng hơn, đó là do sự tích lũy các giải thích không chính xác về các bản văn tôn giáo và các chính sách liên quan đến đói, nghèo, bất công, áp bức và tự hào. Đó là lý do tại sao cần phải ngưng việc hỗ trợ các phong trào khủng bố bị thúc đẩy bởi việc tài trợ, cung cấp vũ khí và chiến lược, và bởi các mưu toan biện minh cho các phong trào này, thậm chí sử dụng cả các phương tiện truyền thông. Tất cả những điều này phải được coi là tội ác quốc tế nhằm đe dọa an ninh và hòa bình thế giới. Chủ nghĩa khủng bố như thế phải bị lên án dưới mọi hình thức và biểu thức của nó” [281]. Các xác tín tôn giáo về ý nghĩa thánh thiêng của sự sống con người giúp chúng ta “nhận ra các giá trị nền tảng của nhân tính chung của chúng ta, những giá trị mà nhân danh chúng, chúng ta có thể và phải hợp tác, xây dựng và đối thoại, tha thứ và phát triển; điều này sẽ giúp cho các tiếng nói khác nhau hợp nhất trong việc tạo ra một giai điệu cao quý và đẹp đẽ siêu phàm, thay vì những tiếng kêu thét hận thù cuồng tín” [282].

284. Đôi khi bạo lực cực đoan được xô lỏng trong một số nhóm, thuộc bất cứ tôn giáo nào, bởi sự hấp tấp của các nhà lãnh đạo của họ. Tuy nhiên, “điều răn hòa bình được khắc sâu trong các truyền thống tôn giáo mà chúng ta đại diện... Là những nhà lãnh đạo tôn giáo, chúng ta được kêu gọi trở thành ‘những người đối thoại’ đích thực, hợp tác vào việc xây dựng hòa bình không phải với tư cách là người trung gian mà là những người hòa giải đích thực. Người trung gian tìm cách giảm giá cho mọi người, nhưng cuối cùng là để thu được điều gì đó cho chính họ. Trái lại, người hòa giải là người không giữ lại gì cho mình, nhưng đúng hơn, quảng đại tiêu hao mình đến cùng kiệt, biết rằng điều duy nhất thu được là hòa bình. Mỗi người chúng ta được mời gọi trở thành nghệ nhân của hòa bình, bằng cách hợp nhất chứ không chia rẽ, bằng cách dập tắt hận thù chứ không duy trì nó, bằng cách mở ra những nẻo đường đối thoại chứ không phải bằng cách xây dựng những bức tường mới” [283].

Một lời kêu gọi

285. Trong cuộc gặp gỡ huynh đệ của tôi với Đại Imam Ahmad Al-Tayyeb, một cuộc gặp gỡ mà tôi vui mừng nhớ lại, “chúng tôi kiên quyết [tuyên bố] rằng các tôn giáo không bao giờ được xúi giục chiến tranh, các thái độ thù hận, sự thù địch và chủ nghĩa cực đoan, cũng như không xúi giục bạo lực hoặc đổ máu. Những thực tại bi thảm này là hậu quả của việc đi lệch ra ngoài các giáo huấn tôn giáo. Chúng là kết quả của sự thao túng chính trị đối với các tôn giáo và những diễn giải của các nhóm tôn giáo, trong quá trình lịch sử, từng lợi dụng sức mạnh của tình cảm tôn giáo nơi trái tim những người đàn ông và đàn bà... Thiên Chúa, Đấng Toàn năng, không cần được được bất cứ ai bênh vực và không muốn tên Người bị sử dụng để khủng bố người ta” [284]. Vì lý do này, tôi xin nhắc lại ở đây lời kêu gọi cho hòa bình, công lý và tình huynh đệ mà chúng tôi đã cùng nhau thực hiện:

“Nhân danh Thiên Chúa, Đấng đã tạo dựng nên mọi con người bình đẳng về quyền lợi, nghĩa vụ và phẩm giá, và đã kêu gọi họ sống với nhau như anh chị em, đồ đầy trái đất và làm mọi người biết đến các giá trị tốt lành, yêu thương và hòa bình;

“Nhân danh mạng sống con người vô tội mà Thiên Chúa vốn cấm giết khi khẳng định rằng ai giết một người thì coi như giết cả nhân loại, ai cứu một người thì coi như cứu cả nhân loại;

“Nhân danh người nghèo, người túng thiếu, người thiệt thòi và những người thiếu thốn nhất,

những người mà Thiên Chúa đã truyền cho chúng ta phải giúp đỡ như một bổn phận bắt buộc đối với mọi người, đặc biệt là những người giàu có và những người có phương tiện;

“Nhân danh trẻ mồ côi, góa phụ, người tị nạn và những người bị đày ải khỏi nhà cửa và đất nước của họ; nhân danh tất cả các nạn nhân của chiến tranh, bách hại và bất công; nhân danh kẻ yếu, những người sống trong sợ hãi, các tù nhân chiến tranh và những người bị tra tấn ở bất cứ nơi nào trên thế giới, bất phân biệt;

“Nhân danh những dân tộc đã mất an ninh, hòa bình và khả thể chung sống với nhau, trở thành nạn nhân của sự hủy diệt, thiên tai và chiến tranh;

“Nhân danh tình huynh đệ nhân bản, tình huynh đệ bao gồm mọi hữu thể nhân bản, hợp nhất họ và làm cho họ bình đẳng;

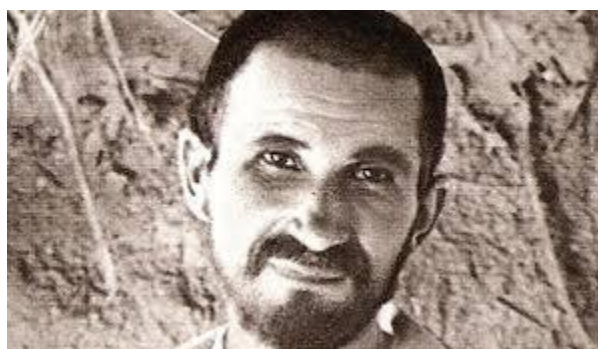
“Nhân danh tình huynh đệ từng bị xé nát bởi các chính sách cực đoan và chia rẽ, bởi các hệ thống lợi nhuận không ai kiểm chế được hoặc bởi các khuynh hướng ý thức hệ thù hận chuyên thao túng các hành động và tương lai của những người đàn ông và đàn bà;

“Nhân danh tự do, mà Thiên Chúa đã ban cho mọi hữu thể nhân bản, tạo ra họ tự do và đặt họ riêng ra bằng ơn phúc này;

“Nhân danh công lý và lòng thương xót, vốn là các nền tảng của thịnh vượng và đá góc của đức tin;

“Nhân danh mọi người thiện chí hiện diện ở mọi nơi trên thế giới;

“Nhân danh Thiên Chúa và mọi điều đã đề cập trên đây, [chúng tôi] tuyên bố việc chấp nhận nền văn hóa đối thoại làm con đường; hợp tác lẫn nhau làm quy tắc ứng xử; sự hiểu biết lẫn nhau làm phương pháp và tiêu chuẩn” [285].



286. Trong những trang suy tư về tình huynh đệ phổ quát này, tôi cảm thấy được đặc biệt truyền cảm hứng bởi Thánh Phanxicô thành Assisi, nhưng cũng bởi những người anh chị em khác của chúng ta không phải là người Công Giáo: Martin Luther King, Desmond Tutu, Mahatma Gandhi và nhiều người khác. Tuy nhiên, tôi xin kết thúc bằng cách đề cập đến một người khác có đức tin sâu sắc, người, nhờ dựa vào cảm nghiệm mãnh liệt của mình về Thiên Chúa, đã thực hiện một cuộc hành trình biến đổi để cảm nhận mình như người anh em của mọi người. Tôi muốn nói tới Chân phúc Charles de Foucauld.

287. Chân phúc Charles de Foucauld đã hướng lý tưởng hoàn toàn phó thác cho Thiên Chúa

của mình vào sự đồng nhất hóa với người nghèo, bị bỏ rơi trong thẳm sâu sa mạc Châu Phi. Trong khung cảnh đó, ngài bày tỏ mong muốn được cảm nhận mình như người anh em của mọi người [286], và đã yêu cầu một người bạn “cầu nguyện cùng Thiên Chúa để tôi thực sự là anh em của tất cả mọi người” [287]. Cuối cùng, ngài muốn trở thành “người anh em phổ quát” [288]. Tuy nhiên, chỉ bằng cách đồng nhất hóa với những người nhỏ bé nhất, cuối cùng ngài mới trở thành người anh em của mọi người. Xin Thiên Chúa linh hứng ước mơ đó trong mỗi người chúng ta. Amen.

Lời cầu nguyện với Đấng tạo dựng

Lạy Chúa, Cha của gia đình nhân loại chúng con,

*Cha đã tạo dựng mọi hữu thể nhân bản bình đẳng về phẩm giá:
tuôn đổ vào tâm hồn chúng con một tinh thần huynh đệ
và linh hứng nơi chúng con một giấc mơ gặp gỡ đổi mới,
đổi thoại, công lý và hòa bình.*

*Xin Cha thúc đẩy chúng con tạo ra các xã hội lành mạnh hơn
và một thế giới xứng đáng hơn,
một thế giới không có đói, nghèo, bạo lực và chiến tranh.*

Xin cho trái tim chúng con cởi mở đối với mọi dân tộc và các quốc gia trên trái đất.

*Xin cho chúng con nhận biết sự tốt lành và vẻ đẹp mà Cha đã gieo nơi mỗi người chúng con,
và do đó tạo nên mối dây hợp nhất, các dự án chung,
và các giấc mơ chung. Amen.*

Một lời cầu nguyện đại kết Kitô giáo

*Lạy Thiên Chúa, Ba Ngôi tình yêu,
từ sự hiệp thông sâu sắc của sự sống thần thiêng của Chúa,
xin tuôn đổ trên chúng con suối lượng tình yêu huynh đệ.
Xin ban cho chúng con tình yêu phản ánh trong các hành động của Chúa Giêsu,
trong gia đình Nadarét của Người,
và trong cộng đồng Kitô giáo tiên khởi.*

*Xin ban ơn để Kitô hữu chúng con biết sống theo Tin Mừng,
khám phá ra Chúa Kitô trong mỗi hữu thể nhân bản,
nhận ra Người bị đóng đinh
trong những đau khổ của những người bị bỏ rơi
và bị lãng quên trong thế giới của chúng con,
và sống lại trong mỗi anh chị em
đang thực hiện một khởi đầu mới.*

*Lạy Chúa Thánh Thần, xin hãy đến chỉ cho chúng con thấy vẻ đẹp của Chúa,
phản ánh trong mọi dân tộc trên trái đất,
để chúng con có thể khám phá lại điều này là mọi người đều quan trọng và đều cần thiết,
những khuôn mặt khác nhau của một nhân loại được Thiên Chúa rất yêu thương. Amen.*

Ban hành tại Assisi, tại mộ của Thánh Phanxicô, vào ngày 3 tháng 10, Vọng Lễ của Thánh

Nhân, năm 2020, năm thứ tám triều Giáo hoàng của tôi.

Franciscus

Ghi Chú

- [1] *Admonitions*, 6, 1. Bản tiếng Anh trong *Francis of Assisi: Early Documents*, vol 1., New York, London, Manila (1999), 131.
- [2] *Đã dẫn*, 25: tài liệu đã dẫn, 136.
- [3] Thánh Phanxicô thành ASSISI, *Earlier Rule of the Friars Minor (Regula non bullata)*, 16: 3.6: tài liệu đã dẫn 74.
- [4] ELOI LECLERC, O.F.M., *Exil et tendresse*, Éd. Franciscaines, Paris, 1962, 205.
- [5] *Văn kiện Tình Huynh đệ Nhân bản vì Hòa bình Thế giới và Sống chung*, Abu Dhabi (4 Tháng 2 2019): *L'Osservatore Romano*, 4-5 Tháng 2 2019, p. 6.
- [6] *Diễn văn Tại Cuộc Gặp gỡ Đại kết và Liên tôn với Người Trẻ*, Skopje, North Macedonia (7 Tháng 5 2019): *L'Osservatore Romano*, 9 Tháng 5 2019, p. 9.
- [7] *Diễn văn với Nghị viện Âu Châu*, Strasbourg (25 Tháng 11 2014): AAS 106 (2014), 996.
- [8] *Gặp Các Nhà Chăm quyền, Xã hội dân sự và Ngoại giao đoàn*, Santiago, Chile (16 Tháng 1 2018): AAS 110 (2018), 256.
- [9] Đức Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29 Tháng 6 2009), 19: AAS 101 (2009), 655.
- [10] Tông huấn hậu Thượng Hội Đồng Christus vivit (25 Tháng 3 2019), 181.
- [11] Đức Hồng Y RAÚL SILVA HENRÍQUEZ, *Homily at the Te Deum*, Santiago de Chile (18 Tháng 9 1974).
- [12] Thông điệp *Laudato Si'* (24 Tháng 5 2015), 57: AAS 107 (2015), 869.
- [13] *Diễn văn với Ngoại giao đoàn bên cạnh Tòa Thánh* (11 Tháng 1 2016): AAS 108 (2016), 120.
- [14] *Diễn văn với Ngoại giao đoàn bên cạnh Tòa Thánh* (13 Tháng 1 2014): AAS 106 (2014), 83-84.
- [15] Xem *Diễn văn với Qũy "Centessimus Annus pro Pontifice"* (25 Tháng 5 2013): *Insegnamenti I*, 1 (2013), 238.
- [16] Xem Thánh Phaolô VI, Thông điệp *Populorum Progressio* (26 Tháng 3 1967): AAS 59 (1967), 264.
- [17] Đức Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29 Tháng 6 2009), 22: AAS 101 (2009), 657.
- [18] *Diễn văn với nhà Chăm quyền Dân sự*, Tirana, Albania (21 Tháng 9 2014): AAS 106 (2014), 773.
- [19] *Diễn văn với Các Tham dự viên Hội Nghị Quốc Tế "Nhân quyền trong Thế giới Ngày nay: Các thành tựu, Bỏ sót, Bác bỏ"* (10 Tháng 12 2018): *L'Osservatore Romano*, 10-11 Tháng 12 2018, p. 8.
- [20] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24 Tháng 11 2013), 212: AAS 105 (2013), 1108.
- [21] *Thông điệp Ngày Hòa Bình Thế Giới 2015* (8 Tháng 12 2014), 3-4: AAS 107 (2015), 69-71.
- [22] *Đã dẫn*, 5: AAS 107 (2015), 72.
- [23] *Thông điệp Ngày Hòa Bình Thế Giới 2016* (8 Tháng 12 2015), 2: AAS 108 (2016), 49.
- [24] *Thông điệp Ngày Hòa Bình Thế Giới 2020* (8 Tháng 12 2019), 1: *L'Osservatore Romano*, 13 Tháng 12 2019, p. 8.
- [25] *Diễn văn về Vũ khí Nguyên tử, Nagasaki, Japan* (24 Tháng 11 2019): *L'Osservatore Romano*, 25-26 Tháng 11 2019, p. 6.
- [26] *Đối thoại với các Học sinh và Giáo viên Trường San Carlo ở Milan* (6 Tháng 4 2019):

- L'Osservatore Romano, 8-9 Tháng 4 2019, p. 6.
- [27] *Văn kiện Tình Huynh đệ Nhân bản vì Hòa bình Thế giới và Sống chung*, Abu Dhabi (4 Tháng 2 2019): L'Osservatore Romano, 4-5 Tháng 2 2019, p. 6.
- [28] *Diễn văn với Thế giới văn hóa*, Cagliari, Italy (22 Tháng 9 2013): L'Osservatore Romano, 23-24 Tháng 9 2013, p. 7.
- [29] *Humana Communitas*. Thư gửi Chủ tịch Giáo Hoàng Hàn Lâm Viện Sư Sùng dịp Kỷ niệm 25 thành lập (6 Tháng 1 2019), 2.6: L'Osservatore Romano, 16 Tháng 1 2019, pp. 6-7.
- [30] *Sứ điệp video gửi Hội nghị TED ở Vancouver* (26 Tháng 4 2017): L'Osservatore Romano, 27 Tháng 4 2017, p. 7.
- [31] *Buổi Cầu Nguyện ngoại thường Thời Đại dịch* (27 Tháng 3 2020): L'Osservatore Romano, 29 Tháng 3 2020, p. 10.
- [32] *Bài giảng lễ*, North Macedonia (7 Tháng 5 2019): L'Osservatore Romano, 8 Tháng 5 2019, p. 12.
- [33] Xem *Aeneid* 1, 462: "Sunt lacrimae rerum et mentem mortalia tangunt".
- [34] "Historia... magistra vitae" (CICERO, *De Oratore*, 2, 6).
- [35] Thông điệp *Laudato Si'* (24 Tháng 5 2015), 204: AAS 107 (2015), 928.
- [36] Tông huấn hậu Thượng Hội Đồng *Christus Vivit* (25 Tháng 3 2019), 91.
- [37] *Đã dẫn*, 92.
- [38] *Đã dẫn*, 93.
- [39] Đức Bênêđictô XVI, *Thông điệp Ngày Thế giới Di dân và Người tỵ nạn năm 2013*, (12 Tháng 10 2012): AAS 104 (2012), 908.
- [40] Tông huấn hậu Thượng Hội Đồng *Christus Vivit* (25 Tháng 3 2019), 92.
- [41] *Thông điệp Ngày Thế giới Di dân và Người tỵ nạn năm 2020* (13 Tháng 5 2020): L'Osservatore Romano, 16 Tháng 5 2020, p. 8.
- [42] *Diễn văn với Ngoại giao đoàn bên cạnh Tòa Thánh* (11 Tháng 1 2016): AAS 108 (2016), 124.
- [43] *Diễn văn với Ngoại giao đoàn bên cạnh Tòa Thánh* (13 Tháng 1 2014): AAS 106 (2014), 84.
- [44] *Diễn văn với Ngoại giao đoàn bên cạnh Tòa Thánh* (11 Tháng 1 2016): AAS 108 (2016), 123.
- [45] *Thông điệp Ngày Thế giới Di dân và Người tỵ nạn năm 2019* (27 Tháng 5 2019): L'Osservatore Romano, 27-28 Tháng 5 2019, p. 8.
- [46] Tông huấn hậu Thượng Hội Đồng *Christus Vivit* (25 Tháng 3 2019), 88.
- [47] *Đã dẫn*, 89.
- [48] Tông huấn *Gaudete et Exsultate* (19 Tháng 3 2018), 115.
- [49] Từ cuốn phim *Pope Francis: A Man of His Word*, by Wim Wenders (2018).
- [50] *Diễn văn với Các Nhà Chăm quyền, Xã hội dân sự và Ngoại giao đoàn Tallinn*, Estonia (25 Tháng 9 2018): L'Osservatore Romano, 27 Tháng 9 2018, p. 7.
- [51] Xem *Buổi Cầu Nguyện ngoại thường Thời Đại dịch* (27 Tháng 3 2020): L'Osservatore Romano, 29 Tháng 3 2020, p. 10; *Thông điệp nhân Ngày Thế giới Người Nghèo* (13 Tháng 6 2020), 6: L'Osservatore Romano, 14 Tháng 6 2020, p. 8.
- [52] *Chào mừng Người Trẻ tại Trung tâm văn hóa Padre Félix Varela*, Havana, Cuba (20 Tháng 9 2015): L'Osservatore Romano, 21-22 Tháng 9 2015, p. 6.
- [53] Công Đồng Vatican II, Hiến chế Mục vụ về Giáo Hội trong Thế giới Ngày nay *Gaudium et Spes*, 1.
- [54] Thánh Irênê thành Lyons, *Adversus Haereses*, II, 25, 2: PG 7/1, 798ff.
- [55] *Talmud Bavli* (Babylonian Talmud), Shabbat, 31a.
- [56] *Diễn văn với Những Người được Các Công trình Bác ái của Giáo Hội giúp đỡ*, Tallinn, Estonia (25 Tháng 9 2018): L'Osservatore Romano, 27 Tháng 9 2018, p. 8.
- [57] *Sứ điệp video gửi Hội nghị TED ở Vancouver* (26 Tháng 4 2017): L'Osservatore

- Romano, 27 Tháng 4 2017, p. 7.
- [58] *Homiliae in Matthaëum*, 50: 3-4: PG 58, 508.
- [59] *Thông điệp gửi Cuộc Gặp gỡ của Các Phong trào Bình dân*, Modesto, California, USA (10 Tháng 2 2017): AAS 109 (2017), 291.
- [60] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24 Tháng 11 2013), 235: AAS 105 (2013), 1115.
- [61] Thánh Gioan Phaolô II, *Thông điệp gửi Những Người Khuyết Tật, buổi Đọc Kinh Sai Thiên Thần tại Osnabrück*, Germany (16 Tháng 11 1980): *Insegnamenti III*, 2 (1980), 1232.
- [62] Công Đồng Vatican II, Hiến chế Mục vụ về Giáo Hội trong Thế giới Ngày nay *Gaudium et Spes*, 24.
- [63] Gabriel Marcel, *Du refus à l'invocation*, ed. NRF, Paris, 1940, 50.
- [64] *Buổi Đọc Kinh Truyền Tin* (10 Tháng 11 2019): L'Osservatore Romano, 11-12 Tháng 11 2019, 8.
- [65] Xem Thánh Tôma Aquinô: *Scriptum super Sententiis*, lib. 3, dist. 27, q. 1, a. 1, ad 4: "Dicitur amor extasim facere et fervere, quia quod fervet extra se bullit et exhalat".
- [66] Karol Wojtyła, *Love and Responsibility*, London, 1982, 126.
- [67] Karl Rahner, *Kleines Kirchenjahr. Ein Gang durch den Festkreis*, Herderbücherei 901, Freiburg, 1981, 30.
- [68] *Luật Dòng*, 53, 15: "Pauperum et peregrinorum maxime susceptioni cura sollicite exhibeatur".
- [69] Xem *Summa Theologiae*, II-II, q. 23, a. 7; Thánh Thám 8 inô, *Contra Julianum*, 4, 18: PL 44, 748: "How many pleasures do misers forego, either to increase their treasures or for fear of seeing them diminish!".
- [70] "Secundum acceptionem divinam" (*Scriptum super Sententiis*, lib. 3, dist. 27, a. 1, q. 1, concl. 4).
- [71] Đức Bênêđictô XVI, *Thông điệp Deus Caritas Est* (25 Tháng 12 2005), 15: AAS 98 (2006), 230.
- [72] *Summa Theologiae* II-II, q. 27, a. 2, resp.
- [73] *Cf* *Đã dẫn*, I-II, q. 26, a. 3, resp.
- [74] *Đã dẫn*, q. 110, a. 1, resp.
- [75] *Thông điệp nhân Ngày Hòa Bình Thế giới năm 2014* (8 Tháng 12 2013), 1: AAS 106 (2014), 22.
- [76] Xem *Kinh Truyền tin* (29 Tháng 12 2013): L'Osservatore Romano, 30-31 Tháng 12 2013, p. 7; *Diễn văn với Ngoại giao đoàn Bên cạnh Tòa Thánh* (12 Tháng 1 2015): AAS 107 (2015), 165.
- [77] *Thông điệp nhân Ngày Người Khuyết Tật Thế giới* (3 Tháng 12 2019): L'Osservatore Romano, 4 Tháng 12 2019, 7.
- [78] *Diễn văn với Cuộc Gặp gỡ về Tự do Tôn giáo với Cộng đồng Nói tiếng Tây Ban Nha và các Nhóm Di dân*, Philadelphia, Pennsylvania, United States of America (26 Tháng 9 2015): AAS 107 (2015), 1050-1051.
- [79] *Diễn văn với Giới trẻ*, Tokyo, Japan (25 Tháng 11 2019): L'Osservatore Romano, 25-26 Tháng 11 2019, 10.
- [80] Trong các xem xét này, tôi được gọi hứng bởi tư tưởng của Paul Ricoeur, "Le socius et le prochain", trong *Histoire et Verité*, ed. Le Seuil, Paris, 1967, 113-127.
- [81] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24 Tháng 11 2013), 190: AAS 105 (2013), 1100.
- [82] *Đã dẫn*, 209: AAS 105 (2013), 1107.
- [83] *Thông điệp Laudato Si'* (24 Tháng 5 2015), 129: AAS 107 (2015), 899.
- [84] *Thông điệp gửi cho Biển cỏ "Economy of Francesco"* (1 Tháng 5 2019): L'Osservatore Romano, 12 Tháng 5 2019, 8.
- [85] *Diễn văn với Nghị viện Âu Châu*, Strasbourg (25 Tháng 11 2014): AAS 106 (2014), 997.
- [86] *Thông điệp Laudato Si'* (24 Tháng 5 2015), 229: AAS 107 (2015), 937.

- [87] *Thông điệp nhân Ngày Hòa Bình Thế giới năm 2016* (8 Tháng 12 2015), 6: AAS 108 (2016), 57-58.
- [88] “Vững chắc” (Solidity) về từ nguyên có liên hệ với “liên đới” (solidarity). Liên đới, trong nghĩa đạo đức học chính trị mà nó mặc lấy trong 2 thế kỷ vừa qua, đem lại tác động an toàn và chắc chắn.
- [89] *Bài Giảng lễ*, Havana, Cuba (20 Tháng 9 2015): L’Osservatore Romano, 21-22 Tháng 9 2015, 8.
- [90] *Diễn văn với Các Tham dự viên cuộc gặp gỡ các Phong trào Bình dân* (28 Tháng 10 2014): AAS 106 (2014), 851-852.
- [91] Xem Thánh Basil, *Homilia XXI*, Quod rebus mundanis adhaerendum non sit, 3.5: PG 31, 545-549; Regulae brevius tractatae, 92: PG 31, 1145-1148; Thánh Peter Chrysologus, *Sermo* 123: PL 52, 536-540; Thánh Ambrose, *De Nabuthe*, 27.52: PL 14, 738ff.; Thánh Augustinô, *In Iohannis Evangelium*, 6, 25: PL 35, 1436ff.
- [92] *De Lazaro Concio*, II, 6: PG 48, 992D.
- [93] *Regula Pastoralis*, III, 21: PL 77, 87.
- [94] Thánh Gioan Phaolô II, *Thông điệp Centesimus Annus* (1 Tháng 5 1991), 31: AAS 83 (1991), 831.
- [95] *Thông điệp Laudato Si’* (24 Tháng 5 2015), 93: AAS 107 (2015), 884.
- [96] Thánh Gioan Phaolô II, *Thông điệp Laborem Exercens* (14 Tháng 9 1981), 19: AAS 73 (1981), 626.
- [97] Cf. Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, *Hợp tuyền Giáo huấn Xã hội của Giáo Hội*, 172.
- [98] *Thông điệp Populorum Progressio* (26 Tháng 3 1967): AAS 59 (1967), 268.
- [99] Thánh Gioan Phaolô II, *Thông điệp Sollicitudo Rei Socialis* (30 Tháng 12 1987), 33: AAS 80 (1988), 557.
- [100] *Thông điệp Laudato Si’* (24 Tháng 5 2015), 95: AAS 107 (2015), 885.
- [101] *Đã dân*, 129: AAS 107 (2015), 899.
- [102] Xem Thánh Phaolô VI, *Thông điệp Populorum Progressio* (26 Tháng 3 1967): AAS 59 (1967), 265; Đức Bênêđictô XVI, *Thông điệp Caritas in Veritate* (29 Tháng 6 2009), 16: AAS 101 (2009), 652.
- [103] Xem *Thông điệp Laudato Si’* (24 Tháng 5 2015), 93: AAS 107 (2015), 884-885; Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24 Tháng 11 2013), 189-190: AAS 105 (2013), 1099-1100.
- [104] Hội Đồng Giám Mục Hoa Kỳ, *Thư Mục vụ chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc Open Wide Our Hearts: The Enduring Call to Love* (Tháng 11 2018).
- [105] *Thông điệp Laudato Si’* (24 Tháng 5 2015), 51: AAS 107 (2015), 867.
- [106] Xem Đức Bênêđictô XVI, *Thông điệp Caritas in Veritate* (29 Tháng 6 2009), 6: AAS 101 (2009), 644.
- [107] Thánh Gioan Phaolô II, *Thông điệp Centesimus Annus* (1 Tháng 5 1991), 35: AAS 83 (1991), 838.
- [108] *Diễn văn về Vũ khí Hạt nhân*, Nagasaki, Japan (24 Tháng 11 2019): L’Osservatore Romano, 25-26 Tháng 11 2019, 6.
- [109] Xem Hội Đồng Giám Mục Mỹ tây cơ và Hoa kỳ, *A Pastoral Letter Concerning Migration: “Strangers No Longer Together on the Journey of Hope”* (Tháng 1 2003).
- [110] *Yết kiến chung* (3 Tháng 4 2019): L’Osservatore Romano, 4 Tháng 4 2019, p. 8.
- [111] Xem *Thông điệp nhân ngày Di dân và Tị nạn Thế giới năm 2018* (14 Tháng 1 2018): AAS 109 (2017), 918-923.
- [112] *Văn kiện Tình Huynh đệ Nhân bản vì Hòa bình Thế giới và Sống chung*, Abu Dhabi (4 Tháng 2 2019): L’Osservatore Romano, 4-5 Tháng 2 2019, p. 7.
- [113] *Diễn văn với Ngoại giao đoàn Bên cạnh Tòa Thánh*, 11 Tháng 1 2016: AAS 108 (2016), 124.

- [114] *Đã dẫn*, 122.
- [115] Tông huấn hậu Thượng Hội Đồng *Christus Vivit* (25 Tháng 3 2019), 93.
- [116] *Đã dẫn*, 94.
- [117] *Diễn văn với Nhà cầm quyền*, Sarajevo, Bosnia và Herzegovina (6 Tháng 6 2015): L'Osservatore Romano, 7 Tháng 6 2015, p. 7.
- [118] *Latinoamérica. Conversaciones con Hernán Reyes Alcaide*, ed. Planeta, Buenos Aires, 2017, 105.
- [119] *Văn kiện Tình Huynh đệ Nhân bản vì Hòa bình Thế giới và Sống chung*, Abu Dhabi (4 Tháng 2 2019): L'Osservatore Romano, 4-5 Tháng 2 2019, p. 7.
- [120] Đức Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29 Tháng 6 2009), 67: AAS 101 (2009), 700.
- [121] *Đã dẫn*, 60: AAS 101 (2009), 695.
- [122] *Đã dẫn*, 67: AAS 101 (2009), 700.
- [123] Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, *Hợp tuyển Giáo huấn Xã hội của Giáo Hội*, 447.
- [124] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24 Tháng 11 2013), 234: AAS 105 (2013), 1115.
- [125] *Đã dẫn*, 235: AAS 105 (2013), 1115.
- [126] *Đã dẫn*
- [127] Thánh Gioan Phaolô II, *Diễn văn với Các Đại diện văn hóa Argentina*, Buenos Aires, Argentina (12 Tháng 4 1987), 4: L'Osservatore Romano, 14 Tháng 4 1987, p. 7.
- [128] Xem *Đã dẫn*., *Diễn văn với Giáo Triều Rôma* (21 Tháng 12 1984), 4: AAS 76 (1984), 506.
- [129] Tông huấn hậu Thượng Hội Đồng *Querida Amazonia* (2 Tháng 2 2020), 37.
- [130] GEORG SIMMEL, *Brücke und Tür. Essays des Philosophen zur Geschichte, Religion, Kunst und Gesellschaft*, ed. Michael Landmann, Köhler-Verlag, Stuttgart, 1957, 6.
- [131] Xem JAIME HOYOS-VÁSQUEZ, S.J., “Lógica de las relaciones sociales. Reflexión onto-lógica”, *Revista Universitas Philosophica*, 15-16 (Tháng 12 1990-Tháng 6 1991), Bogotá, 95-106.
- [132] ANTONIO SPADARO, S.J., *Le orme di un pastore. Una conversazione con Papa Francesco*, trong JORGE MARIO BERGOLIO – PAPA FRANCESCO, *Nei tuoi occhi è la mia parola. Omelie e discorsi di Buenos Aires 1999-2013*, Rizzoli, Milan 2016, XVI; xem Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24 Tháng 11 2013), 220-221: AAS 105 (2013), 1110-1111.
- [133] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24 Tháng 11 2013), 204: AAS 105 (2013), 1106.
- [134] Xem *Đã dẫn*: AAS 105 (2013), 1105-1106.
- [135] *Đã dẫn*, 202: AAS 105 (2013), 1105.
- [136] Thông điệp *Laudato Si'* (24 Tháng 5 2015), 128: AAS 107 (2015), 898.
- [137] *Diễn văn với Ngoại giao đoàn Bên cạnh Tòa Thánh* (12 Tháng 1 2015): AAS 107 (2015), 165; cf. *Diễn văn với Các Tham dự viên Cuộc Gặp gỡ Các Phong Trào Bình dân Thế giới* (28 Tháng 10 2014): AAS 106 (2014), 851-859.
- [138] Điểm tương tự cũng có thể đưa ra cho phạm trù Kinh Thánh Nước Thiên Chúa.
- [139] PAUL RICOEUR, *Histoire et Vérité*, ed. Le Seuil Paris, 1967, 122.
- [140] Thông điệp *Laudato Si'* (24 Tháng 5 2015), 129: AAS 107 (2015), 899.
- [141] Đức Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29 Tháng 6 2009), 35: AAS 101 (2009), 670.
- [142] *Diễn văn với Các Tham dự viên Cuộc Gặp gỡ Các Phong Trào Bình dân Thế giới* (28 Tháng 10 2014): AAS 106 (2014), 858.
- [143] *Đã dẫn*.
- [144] *Diễn văn với Các Tham dự viên Cuộc Gặp gỡ Các Phong Trào Bình dân Thế giới* (5 Tháng 11 2016): L'Osservatore Romano, 7-8 Tháng 11 2016, pp. 4-5.
- [145] *Đã dẫn*.

- [146] *Đã dẫn*.
- [147] Thông điệp *Laudato Si'* (24 Tháng 5 2015), 189: AAS 107 (2015), 922.
- [148] *Diễn văn với Các Thành viên của Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc*, New York (25 Tháng 9 2015): AAS 107 (2015), 1037.
- [149] Thông điệp *Laudato Si'* (24 Tháng 5 2015), 175: AAS 107 (2015), 916-917.
- [150] Cf. BENEDICT XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29 Tháng 6 2009), 67: AAS 101 (2009), 700-701.
- [151] *Đã dẫn*: AAS 101 (2009), 700.
- [152] Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, *Hợp tuyển Giáo huấn Xã hội của Giáo Hội*, 434.
- [153] *Diễn văn với Các Thành viên của Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc*, New York (25 Tháng 9 2015): AAS 107 (2015), 1037, 1041.
- [154] Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, *Hợp tuyển Giáo huấn Xã hội của Giáo Hội*, 437.
- [155] Thánh Gioan Phaolô II, *Thông điệp Ngày Hòa Bình Thế giới năm 2004*, 5: AAS 96 (2004), 117.
- [156] Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, *Hợp tuyển Giáo huấn Xã hội của Giáo Hội*, 439.
- [157] Xem Ủy Ban Xã hội của Hội Đồng Giám Mục Pháp, *Tuyên ngôn Réhabiliter la Politique* (17 Tháng 2 1999).
- [158] Thông điệp *Laudato Si'* (24 Tháng 5 2015), 189: AAS 107 (2015), 922.
- [159] *Đã dẫn*, 196: AAS 107 (2015), 925.
- [160] *Đã dẫn*, 197: AAS 107 (2015), 925.
- [161] *Đã dẫn*, 181: AAS 107 (2015), 919.
- [162] *Đã dẫn*, 178: AAS 107 (2015), 918.
- [163] Hội Đồng Giám Mục Bồ đào nha, *Thư Mục vụ Responsabilidade Solidária pelo Bem Comum* (15 Tháng 9 2003), 20; cf. Thông điệp *Laudato Si'* (24 Tháng 5 2015), 159: AAS 107 (2015), 911.
- [164] Thông điệp *Laudato Si'* (24 Tháng 5 2015), 191: AAS 107 (2015), 923.
- [165] Đức Piô XI, *Diễn văn với Liên Đoàn Sinh viên Đại Học Công Giáo Ý* (18 Tháng 12 1927): L'Osservatore Romano, 23 Tháng 12 1927, p. 3.
- [166] Xem *Đã dẫn*, Thông điệp *Quadragesimo Anno* (15 Tháng 5 1931): AAS 23 (1931), 206-207.
- [167] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24 Tháng 11 2013), 205: AAS 105 (2013), 1106
- [168] Đức Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29 Tháng 6 2009), 2: AAS 101 (2009), 642.
- [169] Thông điệp *Laudato Si'* (24 Tháng 5 2015), 231: AAS 107 (2015), 937.
- [170] Đức Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29 Tháng 6 2009), 2: AAS 101 (2009), 642.
- [171] Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, *Hợp tuyển Giáo huấn Xã hội của Giáo Hội*, 207.
- [172] Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Redemptor Hominis* (4 Tháng 3 1979), 15: AAS 71 (1979), 288.
- [173] Xem Thánh Phaolô VI, Thông điệp *Populorum Progressio* (26 Tháng 3 1967), 44: AAS 59 (1967), 279.
- [174] Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, *Hợp tuyển Giáo huấn Xã hội của Giáo Hội*, 207.
- [175] Đức Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29 Tháng 6 2009), 2: AAS 101 (2009), 642.
- [176] *Đã dẫn*, 3: AAS 101 (2009), 643.

- [177] *Đã dẫn*, 4: AAS 101 (2009), 643.
- [178] *Đã dẫn*.
- [179] *Đã dẫn*, 3: AAS 101 (2009), 643.
- [180] *Đã dẫn*: AAS 101 (2009), 642.
- [181] Theo giáo huấn của Thánh Tôma Aquinô, tín lý luân lý Công Giáo phân biệt giữa các hành vi “được luận ra” (elicited) và “được truyền lệnh” (commanded); xem *Summa Theologiae*, I-II, qq. 8-17; M. ZALBA, S.J., *Theologiae Moralis Summa. Theologia Moralis Fundamental. Tractatus de Virtutibus Theologicis*, ed. BAC, Madrid, 1952, vol. I, 69; A. ROYO MARÍN, *Teología de la Perfección Cristiana*, ed. BAC, Madrid, 1962, 192-196.
- [182] Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, *Hợp tuyển Giáo huấn Xã hội của Giáo Hội*, 208.
- [183] Xem Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Sollicitudo Rei Socialis* (30 Tháng 12 1987), 42: AAS 80 (1988), 572-574; Thông điệp *Centesimus Annus* (1 Tháng 5 1991), 11: AAS 83 (1991), 806-807.
- [184] *Diễn văn với Các Tham dự viên Cuộc Gặp gỡ Các Phong Trào Bình dân Thế giới* (28 Tháng 10 2014): AAS 106 (2014), 852.
- [185] *Diễn văn với Nghị viện Âu Châu*, Strasbourg (25 Tháng 11 2014): AAS 106 (2014), 999.
- [186] *Diễn văn tại cuộc Gặp gỡ với Nhà Chăm quyền và Ngoại giao đoàn tại Công Hòa Trung Phi*, Bangui (29 Tháng 11 2015): AAS 107 (2015), 1320.
- [187] *Diễn văn với Liên Hiệp Quốc*, New York (25 Tháng 9 2015): AAS 107 (2015), 1039.
- [188] *Diễn văn với Các Tham dự viên Cuộc Gặp gỡ Các Phong Trào Bình dân Thế giới* (28 Tháng 10 2014): AAS 106 (2014), 853.
- [189] *Văn kiện Tình Huynh đệ Nhân bản vì Hòa bình Thế giới và Sống chung*, Abu Dhabi (4 Tháng 2 2019): L'Osservatore Romano, 4-5 Tháng 2 2019, p. 6.
- [190] RENÉ VOILLAUME, *Frères de tous*, ed. Cerf, Paris, 1968, 12-13.
- [191] *Thông điệp Video gửi Hội nghị TED ở Vancouver* (26 Tháng 4 2017): L'Osservatore Romano, 27 Tháng 4 2017, p. 7.
- [192] *Yết kiến chung* (18 Tháng 2 2015): L'Osservatore Romano, 19 Tháng 2 2015, p. 8.
- [193] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24 Tháng 11 2013), 274: AAS 105 (2013), 1130.
- [194] *Đã dẫn*, 279: AAS 105 (2013), 1132.
- [195] *Thông điệp nhân Ngày Hòa Bình Thế giới năm 2019* (8 Tháng 12 2018), 5: L'Osservatore Romano, 19 Tháng 12 2018, p. 8.
- [196] *Gặp gỡ Các Nhà Lãnh đạo chính trị, Kinh tế và văn hóa Ba Tây*, Rio de Janeiro, Brazil (27 Tháng 7 2013): AAS 105 (2013), 683-684.
- [197] Tông huấn hậu Thượng Hội Đồng *Querida Amazonia* (2 Tháng 2 2020), 108.
- [198] Từ cuốn phim *Pope Francis: A Man of His Word*, by Wim Wenders (2018).
- [199] *Thông điệp nhân ngày Truyền thông Thế giới* (24 Tháng 1 2014): AAS 106 (2014), 113.
- [200] Hội Đồng Giám Mục Úc, Ủy ban Công lý, Sứ mệnh và Phục vụ Xã hội, *Making It Real: Genuine Human Encounter in Our Digital World* (Tháng 11 2019).
- [201] Thông điệp *Laudato Si'* (24 Tháng 5 2015), 123: AAS 107 (2015), 896.
- [202] Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Veritatis Splendor* (6 Tháng 8 1993), 96: AAS 85 (1993), 1209.
- [203] Là các Kitô hữu, chúng ta cũng tin rằng Thiên Chúa ban cho chúng ta ơn thánh của Người giúp chúng ta hành động như anh chị em.
- [204] VINICIUS DE MORAES, *Samba da Benção*, từ cuốn băng *Um encontro no Au bon Gourmet*, Rio de Janeiro (2 Tháng 8 1962).
- [205] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24 Tháng 11 2013), 237: AAS 105 (2013), 1116.
- [206] *Đã dẫn*, 236: AAS 105 (2013), 1115.

- [207] *Đã dẫn*, 218: AAS 105 (2013), 1110.
- [208] Tông huấn *Amoris Laetitia* (19 Tháng 3 2016), 100: AAS 108 (2016), 351.
- [209] *Thông điệp Ngày Hòa Bình Thế giới năm 2020* (8 Tháng 12 2019), 2: L'Osservatore Romano, 13 Tháng 12 2019, p. 8.
- [210] Hội Đồng Giám Mục Congo, *Thông điệp gửi Dân Chúa và Những người đàn ông và đàn bà có thiện chí* (9 Tháng 5 2018).
- [211] *Diễn văn tại Cuộc Gặp Gỡ Hòa Giải Quốc Gia*, Villavicencio, Colombia (8 Tháng 9 2017): AAS 109 (2017), 1063-1064, 1066.
- [212] *Thông điệp nhân Ngày Hòa Bình Thế giới năm 2020* (8 Tháng 12 2019), 3: L'Osservatore Romano, 13 Tháng 12 2019, p. 8.
- [213] Hội Đồng Giám Mục Nam Phi, *Pastoral Letter on Christian Hope in the Current Crisis* (Tháng 5 1986).
- [214] Hội Đồng Giám Mục Đại Hàn, *Appeal of the Catholic Church in Korea for Peace on the Korean Peninsula* (15 Tháng 8 2017).
- [215] *Gặp gỡ Các Nhà Lãnh đạo Chính trị, Kinh tế và Dân sự*, Quito, Ecuador (7 Tháng 7 2015): L'Osservatore Romano, 9 Tháng 7 2015, p. 9.
- [216] *Cuộc gặp gỡ Liên tôn với giới trẻ*, Maputo, Mozambique (5 Tháng 9 2019): L'Osservatore Romano, 6 Tháng 9 2019, p. 7.
- [217] *Bài giảng lễ*, Cartagena de Indias, Colombia (10 Tháng 9 2017): AAS 109 (2017), 1086.
- [218] *Gặp gỡ Nhà Cẩm quyền, Ngoại giao đoàn và Đại diện Xã hội Dân sự*, Bogotá, Colombia (7 Tháng 9 2017): AAS 109 (2017), 1029.
- [219] Hội Đồng Giám Mục Colombia, *Por el bien de Colombia: diálogo, reconciliación y desarrollo integral* (26 Tháng 11 2019), 4.
- [220] *Gặp gỡ Nhà Cẩm quyền, Ngoại giao đoàn và Đại diện Xã hội Dân sự*, Maputo, Mozambique (5 Tháng 9 2019): L'Osservatore Romano, 6 Tháng 9 2019, p. 6.
- [221] *Hội nghị Toàn thể lần thứ năm các Giám Mục Châu Mỹ Latinh và vùng Caribbean*, Aparecida Document (29 Tháng 6 2007), 398.
- [222] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24 Tháng 11 2013), 59: AAS 105 (2013), 1044.
- [223] *Thông điệp Centesimus Annus* (1 Tháng 5 1991), 14: AAS 83 (1991), 810.
- [224] *Bài giảng trong Thánh lễ cầu cho Tiến bộ Các Dân tộc*, Maputo, Mozambique (6 Tháng 9 2019): L'Osservatore Romano, 7 Tháng 9 2019, p. 8.
- [225] *Nghi thức tiếp đón*, Colombo, Sri Lanka (13 Tháng 1 2015): L'Osservatore Romano, 14 Tháng 1 2015, p. 7.
- [226] *Gặp gỡ Các Trẻ em của "Trung tâm Bethany" và Đại diện Các Trung tâm Bác ái của Albania*, Tirana, Albania (21 Tháng 9 2014): Insegnamenti II, 2 (2014), 288.
- [227] *Thông điệp Video gửi Hội nghị TED ở Vancouver* (26 Tháng 4 2017): L'Osservatore Romano, 27 Tháng 4 2017, p. 7.
- [228] Đức Piô XI, *Thông điệp Quadragesimo Anno* (15 Tháng 5 1931): AAS 23 (1931), 213.
- [229] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24 Tháng 11 2013), 228: AAS 105 (2013), 1113.
- [230] *Gặp gỡ Nhà Cẩm quyền, Ngoại giao đoàn và Đại diện Xã hội Dân sự*, Riga, Latvia (24 Tháng 9 2018): L'Osservatore Romano, 24-25 Tháng 9 2018, p. 7.
- [231] *Nghi thức tiếp đón*, Tel Aviv, Israel (25 Tháng 5 2014): Insegnamenti II, 1 (2014), 604.
- [232] *Viếng Đài Kỷ niệm Yad Vashem*, Jerusalem (26 Tháng 5 2014): AAS 106 (2014), 228.
- [233] *Diễn văn tại Đài Kỷ niệm Hòa bình*, Hiroshima, Japan (24 Tháng 11 2019): L'Osservatore Romano, 25-26 Tháng 11 2019, p. 8.
- [234] *Thông điệp nhân Ngày Hòa Bình Thế giới năm 2020* (8 Tháng 12 2019), 2: L'Osservatore Romano, 13 Tháng 12 2019, p. 8.
- [235] Hội Đồng Giám Mục Croatia, *Letter on the Fiftieth Anniversary of the End of the Second World War* (1 Tháng 5 1995).

- [236] *Bài Giảng lễ*, Amman, Jordan (24 Tháng 5 2014): Insegnamenti II, 1 (2014), 593.
- [237] Cf. *Thông điệp nhân Ngày Hòa Bình Thế giới năm 2020* (8 Tháng 12 2019), 1: L'Osservatore Romano, 13 Tháng 12 2019, p. 8.
- [238] *Diễn văn với Các Thành viên của Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc*, New York (25 Tháng 9 2015): AAS 107 (2015), 1041-1042.
- [239] No. 2309.
- [240] *Đã dẫn*.
- [241] Thông điệp *Laudato Si'* (24 Tháng 5 2015), 104: AAS 107 (2015), 888.
- [242] Thánh Augustinô, người đã sáng chế ra ý niệm “chiến tranh chính đáng” mà chúng ta không còn duy trì thời nay nữa, cũng nói rằng “Vinh quang hơn vẫn là duy trì chiến tranh bằng lời nói, hơn là sát hại con người bằng gươm giáo, và cung cấp hoặc duy trì hòa bình bằng hòa bình, chứ không bằng chiến tranh” (*Epistola* 229, 2: PL 33, 1020).
- [243] Thông điệp *Pacem in Terris* (11 Tháng 4 1963): AAS 55 (1963), 291.
- [244] *Thông điệp gửi Hội nghị Liên Hiệp Quốc thương thảo tìm ra phương thế trỗi buộc hợp pháp để ngăn cấm vũ khí hạt nhân* (23 Tháng 3 2017): AAS 109 (2017), 394-396.
- [245] Xem Thánh Phaolô VI, Thông điệp *Populorum Progressio* (26 Tháng 3 1967): AAS 59 (1967), 282.
- [246] Xem Thông điệp *Evangelium Vitae* (25 Tháng 3 1995), 56: AAS 87 (1995), 463-464.
- [247] *Diễn văn nhân Kỷ niệm năm thứ 25 ngày công bố Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo* (11 Tháng 10 2017): AAS 109 (2017), 1196.
- [248] Xem Bộ Giáo Lý Đức tin, *Letter to the Bishops Regarding the Revision of No. 2267 of the Catechism of the Catholic Church on the Death Penalty* (1 Tháng 8 2018): L'Osservatore Romano, 3 Tháng 8 2018, p. 8.
- [249] *Diễn văn với các Đại biểu Hiệp hội Hình luật Quốc tế* (23 Tháng 10 2014): AAS 106 (2014), 840.
- [250] Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hòa bình, *Hợp tuyền Giáo huấn Xã hội của Giáo Hội*, 402.
- [251] Thánh Gioan Phaolô II, *Diễn văn với Hiệp hội Thẩm phán Quốc gia* (31 Tháng 3 2000), 4: AAS 92 (2000), 633.
- [252] *Divinae Institutiones* VI, 20, 17: PL 6, 708.
- [253] *Epistola* 97 (Responsa ad consulta Bulgarorum), 25: PL 119, 991. “ipsi (Christo) non solum innoxios quosque, verum etiam et noxios a mortis exitio satagite cunctos eruere...”.
- [254] *Epistola ad Marcellinum* 133, 1.2: PL 33, 509.
- [255] *Diễn văn với các Đại biểu Hiệp hội Hình luật Quốc tế* (23 Tháng 10 2014): AAS 106 (2014), 840-841.
- [256] *Đã dẫn*, 842.
- [257] *Đã dẫn*.
- [258] Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Evangelium Vitae* (25 Tháng 3 1995), 9: AAS 87 (1995), 411.
- [259] Hội Đồng Giám Mục Ấn độ, *Response of the Church in India to the Present-day Challenges* (9 Tháng 3 2016).
- [260] *Bài giảng trong Thánh Lễ tại Nhà Thánh Martha* (17 Tháng 5 2020).
- [261] Đức Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29 Tháng 6 2009), 19: AAS 101 (2009), 655.
- [262] Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus Annus* (1 Tháng 5 1991), 44: AAS 83 (1991), 849.
- [263] *Diễn văn với Các Nhà Lãnh đạo Tôn giáo Khác và Các Tín phái Kitô giáo khác*, Tirana, Albania (21 Tháng 9 2014): Insegnamenti II, 2 (2014), 277.
- [264] *Văn kiện Tình Huynh đệ Nhân bản vì Hòa bình Thế giới và Sống chung*, Abu Dhabi (4 Tháng 2 2019): L'Osservatore Romano, 4-5 Tháng 2 2019, p. 6.

- [265] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24 Tháng 11 2013), 256: AAS 105 (2013), 1123.
- [266] Đức Bênêđictô XVI, Thông điệp *Deus Caritas Est* (25 Tháng 12 2005), 28: AAS 98 (2006), 240.
- [267] “Con người là một con vật chính trị”, ARISTOTLE, *Politics*, 1253a 1-3.
- [268] Đức Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29 Tháng 6 2009), 11: AAS 101 (2009), 648.
- [269] *Diễn văn với Cộng đồng Công Giáo*, Rakovski, Bulgaria (6 Tháng 5 2019): L’Osservatore Romano, 8 Tháng 5 2019, p. 9.
- [270] *Bài giảng lễ*, Santiago de Cuba (22 Tháng 9 2015): AAS 107 (2015), 1005.
- [271] Công Đồng Vatican II, Tuyên ngôn về Môi Liên hệ của Giáo Hội với các Tôn giáo không phải Kitô giáo, *Nostra Aetate*, 2.
- [272] *Buổi cầu nguyện đại kết* Riga, Latvia (24 Tháng 9 2018): L’Osservatore Romano, 24-25 Tháng 9 2018, p. 8.
- [273] *Lectio Divina*, Pontifical Lateran University, Rome (26 Tháng 3 2019): L’Osservatore Romano, 27 Tháng 3 2019, p. 10.
- [274] Thánh Phaolô VI, Thông điệp *Ecclesiam Suam* (6 Tháng 8 1964): AAS 56 (1964), 650.
- [275] *Diễn văn với Nhà Chăm quyền Dân sự*, Bethlehem, Palestine (25 Tháng 5 2014): Insegnamenti II, 1 (2014), 597.
- [276] *Enarrationes in Psalmos*, 130, 6: PL 37, 1707.
- [277] *Tuyên bố chung của Đức Giáo Hoàng Phanxicô và Thượng phụ Đại kết*, Jerusalem (25 Tháng 5 2014), 5: L’Osservatore Romano, 26-27 Tháng 5 2014, p. 6.
- [278] Từ cuốn phim *Pope Francis: A Man of His Word*, của Wim Wenders (2018).
- [279] Tông huấn hậu Thượng Hội Đồng *Querida Amazonia* (2 Tháng 2 2020), 106.
- [280] *Bài giảng lễ*, Colombo, Sri Lanka (14 Tháng 1 2015): AAS 107 (2015), 139.
- [281] *Văn kiện Tình Huynh đệ Nhân bản vì Hòa bình Thế giới và Sống chung*, Abu Dhabi (4 Tháng 2 2019): L’Osservatore Romano, 4-5 Tháng 2 2019, p. 7.
- [282] *Diễn văn với Nhà Chăm quyền Dân sự*, Sarajevo, Bosnia-Herzegovina (6 Tháng 6 2015): L’Osservatore Romano, 7 Tháng 6 2015, p. 7.
- [283] *Diễn văn với Hội nghị Quốc tế về Hòa bình do cộng đồng Sant’Egidio tổ chức* (30 Tháng 9 2013): Insegnamenti I, 1 (2013), 301-302.
- [284] *Văn kiện Tình Huynh đệ Nhân bản vì Hòa bình Thế giới và Sống chung*, Abu Dhabi (4 Tháng 2 2019): L’Osservatore Romano, 4-5 Tháng 2 2019, p. 6.
- [285] *Đã dẫn*.
- [286] Xem CHARLES DE FOUCAULD, *Méditation sur le Notre Père* (23 Tháng 1 1897).
- [287] *Letter to Henry de Castries* (29 Tháng 11 1901).
- [288] *Letter to Madame de Bondy* (7 Tháng 1 1902). Thánh Phaolô VI dùng các lời này để ca ngợi việc dân thân của bà: Thông điệp *Populorum Progressio* (26 Tháng 3 1967): AAS 59 (1967), 263.